

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

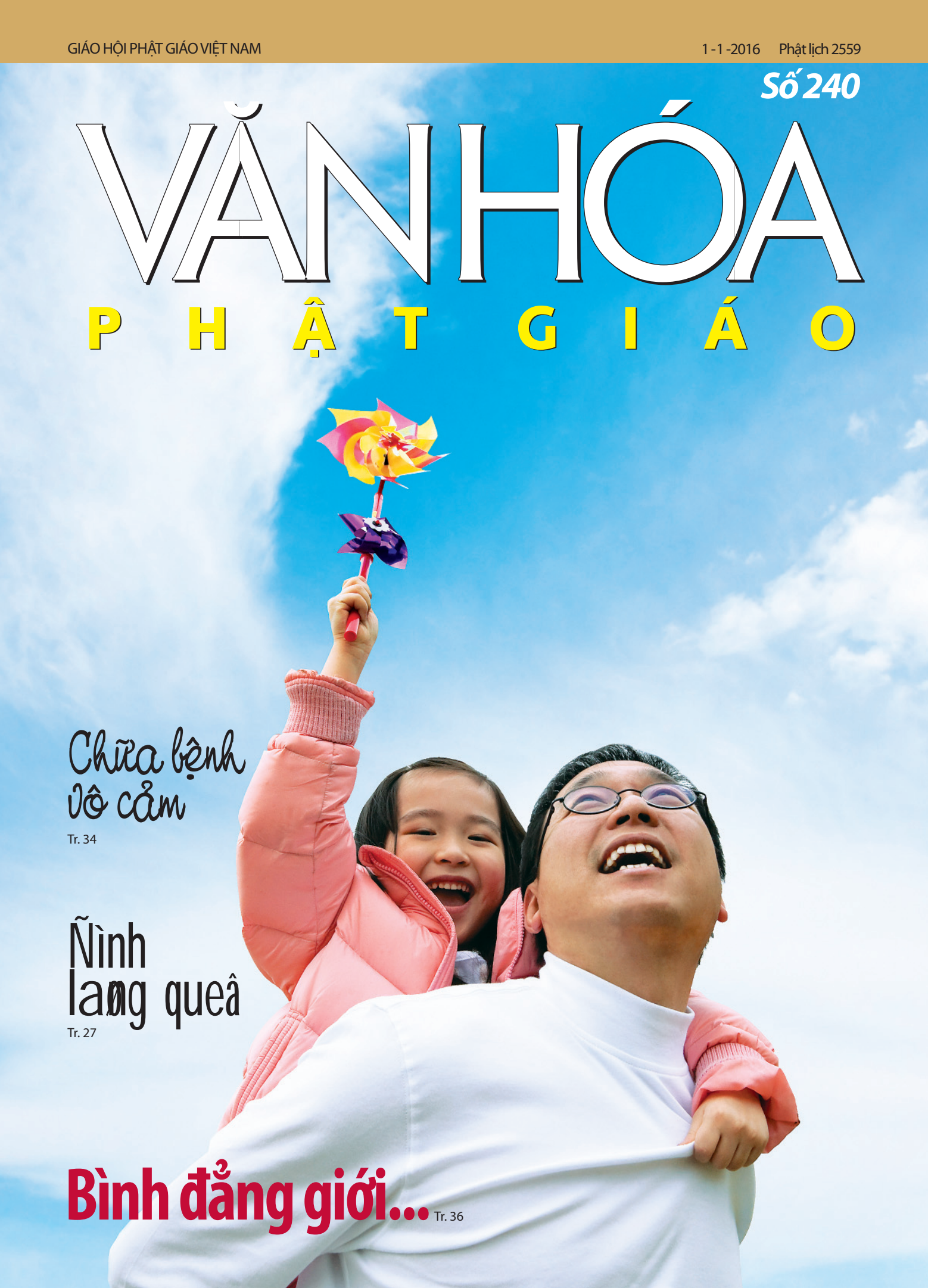
Chữa bệnh
đô cảm

Tr. 34

Nhìn
lang queâ

Tr. 27

Bình đẳng giới... Tr. 36





Baieido

KIỆT TÁC HƯƠNG TÂM LINH TỪ NHẬT BẢN

KÍNH HƯƠNG, TIÊN HƯƠNG, PHÚC HƯƠNG – TUYỆT ĐỈNH CỦA HƯƠNG TÂM LINH, LẦN ĐẦU TIÊN XUẤT HIỆN Ở VIỆT NAM.



TIÊN HƯƠNG TÔN QUÝ
DÂNG CÚNG CHƯ THÁNH, MẪU



KÍNH HƯƠNG TÔN QUÝ
DÂNG CÚNG CHƯ PHẬT, BỒ TÁT



PHÚC HƯƠNG TÔN QUÝ
HIẾN CÚNG TỔ TIÊN

Nhất KỲ (NAM) nhì TRẦM (HƯƠNG).
KỲ NAM là báu vật hiếm có của TRỜI ĐẤT.
Dâng KỲ NAM hương, công đức muôn phần!

Từ xa xưa, TRẦM và KỲ NAM nhờ mùi hương đặc sắc và tự tính tâm linh cao nên đã giữ vai trò quan trọng trong những nghi lễ về tôn giáo, tâm linh nói chung.

Được hình thành từ chất liệu KỲ NAM có xuất xứ Việt Nam (nơi được mệnh danh là ĐỆ NHẤT DANH KỲ trên thế giới), dòng "KỲ NAM hương" của Baieido là sự hòa quyện tinh tế của nghệ thuật làm hương và cái tâm thành kính của người làm nên nên hương ấy.

Bằng uy tín của một thương hiệu từ Nhật Bản đã tồn tại gần **350** năm, Baieido luôn tâm niệm đem đến cho người sử dụng những sản phẩm đúng CHẤT nhất!



TINH HOA NHẬT BẢN ĐÃ CÓ MẶT TẠI VIỆT NAM



HÀNH TRÌNH
MAY MẮN



VUI LÒNG TRUY CẬP WWW.HANHTRINHMAYMAN.VN ĐỂ NHẬN ƯU ĐÃI.



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngõ Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1131297
Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Vấn đi tìm một xã hội tử tế (Nguyễn Cảnh)	4
Nhân viên Công tác xã hội trong Bệnh viện (Đỗ Hồng Ngọc)	8
Sự khác biệt về phong cách dịch kinh Phật giáo của Đại sư Cưu-ma-la-thập và Pháp sư Huyền Trang (Nguyễn Anh Vũ)	10
Không tên, không trường phái, không phương pháp (Huệ Viên)	14
Nguyễn Du trên bến Giang Đình (Nguyễn Nhã Tiên)	16
Về một Giáo hội hưng thịnh (Thiện Trí)	18
Hành hương về chùa Hương ngày cuối năm (Nguyễn Mạnh Hùng)	22
Chào buổi sáng, thưa chú Bồ-tát (Blanche Hartman, Khánh Uyên dịch)	24
Đình làng quê (Tôn Thất Thọ)	27
Tục cầu siêu cho người sắp mất của người Khmer Sóc Trăng (Thạch Ba Xuyên)	30
Gia đình văn hóa và những nghi ngại (Trịnh Chu)	32
Chữa bệnh vô cảm (Nguyễn Văn Toàn)	34
Bình đẳng giới và tư duy chống gậy (Lê Hải Đăng)	36
Có tiền mua tiền cũng được? (Hoàng Tá Thích)	38
Đi qua những ngày tháng Chạp (Quyển Văn)	41
Khi mùa xuân trở lại (Hoàng Quy)	42
Em đừng lớn nữa, chị đừng đi (Lê Hứa Huyền Trân)	44
Bước chân của cha (Nguyễn Thị Sương)	46
Tiếng chửi rủa và lá khô (Nguyễn Thị Thùy Linh)	47
Cho anh được vào bếp (Nguyễn Hoàng Duy)	48
Lời giới thiệu “Đường rộng thênh thang” (Nhóm Hương Bối)	49
Thơ (Trường Khánh, Mai Phương Nam, Phạm Thị Thanh Vân, Nguyễn Tấn On, Sông Hương, Thiên Nhất Phương, Lê Nghi)	50
Lời nguyện của núi (Bùi Trường Trí)	52
Tiếng chim sẻ trên nhánh cây khế (Đặng Trung Thành)	56
Hỏi đáp (Bàng Ấn)	57

Bìa 1: Con gái yêu của bố. Nguồn: [shutterstock.com](https://www.shutterstock.com)

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả

Năm mới dương lịch 2016 đã đến!

Năm mới được xem là biểu hiện hứa hẹn vận hội mới. Với niềm tin đó, tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* bày tỏ ước vọng về một năm mới tươi đẹp với những thành tựu sau:

Thế giới được an bình, nhân loại sống với nhau trong thương yêu hòa hợp không còn tranh chấp, để cùng nhau xây dựng một tịnh thổ ở cõi nhân gian.

Phật giáo, tôn giáo của từ bi và trí tuệ, chứa đựng tinh thần khoan dung và cổ võ hòa bình, ngày càng lan tỏa khắp nơi; giảm thiểu khổ đau, gia tăng hạnh phúc cho mọi người.

Đất nước Việt Nam tiếp tục phát triển bền vững; xã hội Việt Nam luôn luôn ổn định trên cơ sở đạo đức truyền thống; gia đình Việt Nam mãi mãi là thành trì vững chắc bảo tồn mọi giá trị của dân tộc; con người Việt Nam từng bước vươn lên đồng bộ với nhịp tiến của văn minh loài người.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam ổn định và phát triển mạnh mẽ về tất cả mọi mặt để Phật giáo Việt Nam luôn tỏa sáng trong lòng dân tộc.

Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* đạt nhiều thành tựu mới, giữ vững tinh thần phục vụ, thực hiện tốt chủ trương là "Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa, và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc".

Trước thềm năm mới dương lịch 2016, *VHPG* thành tâm nguyện cầu Tam bảo gia hộ để những ước vọng nói trên trở thành sự thật.

Kính chúc toàn thể quý độc giả một năm mới dương lịch 2016 an Khang và thịnh vượng.

Văn Hóa Phật Giáo



**Cái này là tối thượng giữa các tầng trưởng,
này các Tỳ-kheo, tức là tầng trưởng trí tuệ.
(*Kinh Tăng Chi Bộ, Chương I, Một pháp*)**





Vẫn đi tìm một xã hội tử tế

NGUYỄN CÂN

Con ruồi và sự tử tế

Chuyện con ruồi trong chai “trà xanh không độ” đã làm dư luận dậy sóng từ cuối năm ngoái, nay đang khơi lại, dữ dội hơn, sau khi tòa tuyên án người có chai nước chứa ruồi, anh Võ Văn Minh, là “cưỡng đoạt tài sản” với bản án bảy năm tù. Nhưng người ta cũng đồng thời phê phán thái độ của Công ty sản xuất THP là “bẫy” anh Minh khi đồng ý mua chai nước ngọt ấy với giá 500 triệu, để rồi báo công an bắt quả tang tổng tiền. Thực hư còn chưa rõ nhưng các bên đều thiệt hại nặng. Gia đình anh Minh mất một người chồng, người cha, lao động chính, trong bảy năm; mà bản án chắc còn đè nặng tâm hồn anh ấy suốt đời. Công Ty THP báo cáo sơ bộ thiệt hại 2.000 tỷ cho đến nay, và dự báo sẽ tiếp tục chịu hậu quả vì tâm lý quần chúng đang đứng về phe kẻ “yếu thế”, kêu gọi nhau tẩy chay sản phẩm của THP. Nguy hiểm khôn lường! Chỉ vì hai bên thiếu tinh táo hay đúng hơn thiếu một chút “tử tế” trong ứng xử với nhau. Giá như hai bên ngồi lại bàn bạc trong tinh thần xây dựng và cầu thị thì cả doanh nghiệp lẫn người khách hàng của mình không

phải đảo tụng đình và tránh bao nhiêu thiệt hại. Tiếc cho một thương hiệu quốc gia gây dựng bấy lâu!

Về mặt quan hệ công chúng (PR, Public Relations), xử lý khủng hoảng như vậy là không đúng!

Trong đời sống xã hội không bao giờ tránh được những bất đồng giữa con người với nhau về ý kiến hay lợi ích. Có vô số những xung đột thật đa dạng cần phải được điều chỉnh bằng cách này hay cách khác. Giải quyết vấn đề bằng cách nào đây? Đại để chỉ có hai phương cách khả dĩ: hoặc là dựa trên luận chứng và lý lẽ (bao gồm cả kiện tụng pháp lý), hoặc là dùng bạo lực.

Người tử tế là người cố tránh dùng bạo lực, ráng giải quyết vấn đề bằng lý lẽ hay thỏa hiệp. Anh ta cố thuyết phục người khác bằng luận chứng chứ không dùng sức mạnh để trấn áp hay đe dọa. Việc tranh cãi bằng lời lẽ chưa đủ là bằng chứng cho thái độ ôn hòa và tử tế. Người ta có thể tranh cãi với thái độ tin chắc mình là đúng còn kẻ cãi lại là sai lầm hay tệ hơn nữa là kẻ đòi bại. Khi đó tranh cãi sẽ chỉ là một hình thức khác của bạo lực.

“... Người tử tế thường là người ý thức được mình đã

từng sai lầm và không quên đi những sai lầm ấy. Người tử tế biết lắng nghe và xét đoán vô tư”.

Nguyễn Văn Trọng - *Vì một xã hội tử tế - Thời báo Kinh tế Sài Gòn* - Xuân 2015)

Điều khó khăn là thái độ ôn hòa và tử tế chỉ có thể được thiết lập trên sự đồng thuận của cả hai phía. Trong khi đó, chúng ta đang chứng kiến bao nhiêu là hình ảnh “thiếu tử tế” vì luôn có những kẻ sùng bái bạo lực và dựa vào sức mạnh của uy quyền, của tiền bạc, của danh phận. Nghĩa là khi người ta có quyền, có tiền, có chức, có bằng cấp, có địa vị... có không ít người cho phép mình trở thành những kẻ thiếu tử tế. Câu chuyện trong báo *Pháp Luật và Đời Sống* ngày 19-9-2014 kể một cán bộ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước nạt một người phụ nữ. Khi người đó hỏi lại chuyện gì đó, vị nữ cán bộ la lên “Cô là dân mà sao dám hỏi tôi câu đó?”. Báo *Người Đô Thị* khi đưa tin về việc này viết “Người nữ cán bộ Bình Phước vừa đột nhiên khởi phục chế độ phong kiến”. Nhưng nên biết rằng kể cả dưới thời phong kiến, người tử tế cũng không ai nói vậy. Hãy nhớ rằng công chức làm “dịch vụ” (service) cho dân, và họ là công bộc (servant) của dân, bắt nguồn từ động từ “serve” mà ra! Vì dân phải đóng thuế để trả lương cho họ. Còn bao nhiêu chuyện tương tự trong trường học, bệnh viện, chợ búa, các cơ quan công quyền... Mà lạ thay, trên biển hiệu của các cơ quan, chỗ nào cũng có chữ “Nhân dân” to tướng: Tòa án Nhân dân, Ủy ban Nhân dân... Chúng ta thấy thái độ hách dịch, của quyền từ anh dân phòng dẹp lòng lẽ đường cho đến anh quan chức bàn giấy. Nói chi đến những kẻ tham nhũng, đều là những người không “tử tế” vì họ làm những điều vô trách nhiệm, vô lương tâm. Đó là nguồn cơn của những con đường vừa nghiệm thu đã lún nứt, của những thứ thực phẩm độc hại len lỏi vào bàn ăn chúng ta, của những kiểu quản lý hành... là chính! Ta nhớ câu nói của Albert Einstein: “*Chỉ có một cuộc đời phục vụ người khác là đáng sống*”.

Đi tìm người tử tế

Một xã hội như một cơ thể gồm nhiều tế bào - đó là gia đình - và trong tế bào ấy phải xét đến từng ADN hay từng cá nhân. Cách đây hơn hai mươi năm, đạo diễn Trần Văn Thủy khi làm phim “*Chuyện tử tế*” đã tạm giải thích: “Hai chữ ‘tử tế’ gộp lại có nghĩa là cẩn thận từ những việc nhỏ bé, rồi do lâu đời ta đọc khác đi và nghĩa cũng khác đi. Sự tử tế, tử tế thật sự không phải là chuyện có tiền bạc hoặc muốn là có ngay. Nó cũng phải được học hành, được dạy dỗ, được tập luyện, kể thừa và gìn giữ. Tử tế như hoa thơm, hoa đẹp không thể thiếu được của cuộc đời”.

Cũng đã có rất nhiều định nghĩa về người tử tế.

Chúng ta hãy hiểu rằng trước hết đó phải là người tự trọng - tôn trọng phẩm giá của chính mình - vì nếu chúng ta không tôn trọng mình thì sao có thể tôn trọng người khác được? Người tử tế là người biết tôn trọng

giá trị sống hay người biết lắng nghe tòa án lương tâm. Chúng ta nhớ câu chuyện Socrates trả lời khi được hỏi kẻ làm sai có nên bị trừng trị không. Ông trả lời rằng cần phải trừng trị đúng mực, nếu không, thoát lưới pháp luật, làm sao ăn ngon ngủ yên nếu lương tâm cắn rứt. Chúng ta làm chuyện tử tế vì mình muốn làm chứ không vì sợ ai đó đánh giá hay vì cái nhìn của người khác. Anh dừng xe trước đèn đỏ là vì anh tôn trọng luật chứ không phải vì có ông công an. Tôi từ chối nhận phong bì vì tôi không chấp nhận việc ấy theo suy nghĩ của tôi về ý nghĩa của phục vụ, hay vì tôi không muốn phạm giới “ăn cắp” theo năm giới dành cho người tại gia của nhà Phật.

Có nhà lý luận cho rằng người tử tế là người có năng lực khai phóng và khai tâm (khai minh và giải phóng). Theo Immanuel Kant, “Khai minh là việc con người đi ra khỏi sự không trưởng thành do chính mình tự chuốc lấy”. (bản dịch của Bùi Văn Nam Sơn). Con người phải tự duy khác, thoát khỏi trạng thái “không trưởng thành” do chính mình gây ra, nhận thức lại những vấn đề quan trọng nhất ở đời. “Khai tâm là ta phải có một trái tim có hồn, một trái tim biết rung lên trước cái hay cái đẹp... biết thổn thức trước nỗi đau, biết phẫn nộ trước cái sai, cái xấu và cái ác” (Giản Tư Trung - *Đúng việc*).

Có vị giáo sư giảng rằng hệ thần kinh ở con người cũng không khác ở con ruồi bao nhiêu; chuyện hy sinh cho nhau thì loài vật cũng có thực hiện, chỉ có một điều khác là con người có thể tha thứ kẻ khác khi họ làm hại mình, còn các sinh vật khác thì không con vật nào có. Trong giáo lý nhà Phật, đức khoan dung và ngay trong những học thuyết đạo đức Tây phương, kể cả Kitô giáo cũng rao giảng thái độ khoan dung nhân danh tình yêu con người với kỳ vọng con người làm lạc rất cuộc sẽ hối cải và giác ngộ. Thế nên, những kẻ cố chấp rất khó làm người tử tế. Vì sao?

Ngoài việc luôn khoan dung, hãy mở lòng đón nhận những ánh sáng chân lý của kẻ khác. Mỗi người mỗi gia đình hay mỗi xã hội có một “hệ quy chiếu” riêng cho mình. Theo một số nhà nghiên cứu thì hệ quy chiếu phải gồm những thứ đạo: đạo luật, đạo lý, đạo giáo (hay đạo Thiên - chữ dùng của Giản Tư Trung), đạo sống... Nghĩa là mỗi hành động đều dựa theo những đạo ấy. Nếu xảy ra xung đột giữa các hệ quy chiếu, phải tự quyết định, ví dụ người làm cách mạng sẽ dựa theo đạo giáo hay đạo sống (way of life) của mình mà có thể không tuân thủ một số quy ước khác nếu nó đi ngược lại nguyện vọng quần chúng. Nhưng nói gì thì nói, con người tử tế ấy phải biết tu dưỡng thẳng nhân, nghĩa là cần phải có quyết tâm, gột rửa con người, quán xét nội tâm, cảm nghiệm mọi mặt của đời sống chung; phải biết đối nhân xử thế, từng trải nhân tình phức tạp, tấm nhuan thân tâm ta trong gió mưa gian khổ để hiểu đời và hiểu người, giải quyết công việc mau lẹ chính xác hợp tình hợp lý...

Nói như Plato, “Con người là một sinh vật luôn đi tìm ý nghĩa”. Thế nên phải xác định chúng ta học để

làm gì và sống để làm gì. Người tử tế luôn tin vào hệ quy chiếu các giá trị sống của mình dù có phải lấy cái chết chứng minh như lời của Socrates trước tòa án: “Dù ở thế giới này hay thế giới bên kia, tôi vẫn sẽ tiếp tục tìm hiểu ai là người thông thái thực sự, ai là người thông thái giả hiệu, ai thì không. Ở thế giới bên kia, người ta không xử tử một người chỉ vì anh ta dám đặt ra những câu hỏi. Vì thế thưa quý tòa, tôi sẽ đón nhận cái chết với thái độ hân hoan, và chắc chắn một điều rằng sẽ không có một điều nào xấu xa có thể xảy ra với một *con người tử tế*, khi còn sống cũng như khi chết đi. Giờ khởi hành đã điểm. Chúng ta sẽ đi con đường của mình - tôi đi về cái chết, các vị đi vì cái sống. Đường nào tốt hơn thì chỉ có Chúa mới biết”.

Không cần Chúa đâu, nhân loại hôm qua và hôm nay đều biết! Chính thái độ “tử tế” làm cho chúng ta phân biệt trí thức với những thứ trí như có người gọi là trí ngu, trí dỏm, trí nô vì “Trí thức là người quan tâm đến những việc không phải chỉ riêng cá nhân mình”. (Jean Paul Sartre). Nó giúp ta phân biệt doanh nhân và con buôn do cách kiếm tiền hay sử dụng đồng tiền ấy. Anh đóng góp sản phẩm cho xã hội hay anh làm tổn hại bá tánh với hàng gian hàng giả.

Hạnh phúc không chỉ là khi anh có tiền nhưng là khi anh được mọi người quý trọng và không làm gì trái với đạo lý hay đạo sống của mình.

Tóm lại, người ta sinh ra chưa phải LÀ người ngay, mà phải học LÀM NGƯỜI trước đã rồi mới làm cán bộ hay nhân dân.

Điều kiện của một xã hội tử tế

Có lẽ chúng ta lại nghe điệp khúc “phú quý sinh lễ nghĩa” chứ gì? Xin thưa, không cần giàu có và cũng không cần học thức cao.

Chúng ta còn nhớ câu chuyện ở Trung Quốc năm 2011 khi một đứa bé bị xe cán qua hai lần, nằm quần quai hơn bảy phút, có 18 người đi qua không ai ngó ngang gì, đến người thứ 19 là một chị bán ve chai dừng lại, chị ẵm em vào bệnh viện cấp cứu nhưng em đã tử vong. Điều đáng buồn không chỉ là thái độ vô cảm của những người xung quanh mà là những câu chất vấn sau đó dành cho chị: “Tại sao chị lại làm chuyện ấy? Chị tính nổi tiếng sao?” hay “Chị thu được bao nhiêu tiền từ việc ấy?”. Xã hội ấy vô cảm biết bao! Còn ở ta thì sao? Câu chuyện gần đây nhất ngày 25-12-2015, khi một xe bồn mất thắng tông vào sáu xe gắn máy đang chờ đèn



xanh làm sáu người bị thương. Kể lại trên báo Zing, bà Phạm Thị Hà (44 tuổi), một trong những nạn nhân, kể lại; khi bà tông vào đuôi xe máy và ngã ra ngoài, bà thất vọng khi thấy nhiều người có mặt tại hiện trường nhưng không có hành động cứu giúp hai nạn nhân bị mắc kẹt dưới gầm xe. Bà nói, “Chúng tôi ngã nằm đó nhưng hàng chục người chỉ đứng nhìn chứ không có hành động giúp đỡ; tình người giờ sao nhạt quá; may có một người phụ nữ chạy đến thì những người khác mới làm theo”. Thế thì xã hội Việt Nam hôm nay cũng ở vạch đỏ về sự vô cảm rồi đấy!

Những người giàu thì có điều kiện “cho đi” ví dụ như Chiến dịch “Giving Pledge” ở Hoa Kỳ “đã có 70 tỷ phú tham gia, trong đó có những người như Bill Gates hay Warren Buffet cho đến hơn 90% tài sản của mình. Nhưng khi họ sang Trung Quốc, một nước có số lượng tỷ phú tương đương, để quảng bá chương trình này thì hầu hết đều lánh mặt, thoái thác vì sợ bị “xin tiền”. Như vậy, sự phồn vinh vật chất chưa hẳn là điều kiện tất yếu khiến người ta tử tế. Còn về trình độ học thức thì sao?

“Một xã hội tử tế không đòi hỏi đa số các thành viên của nó nhất thiết phải có học vấn cao. Điều quan trọng nhất để cho con người không nghiêng nạt hạnh phúc của những người khác trong khi mưu cầu hạnh phúc cho mình, ấy là cảm nhận về tình người, là sự cảm thông với nỗi đau của đồng loại, là mối gắn bó với những người xung quanh. Những giá trị mà con người theo đuổi trong cuộc sống thường mâu thuẫn với nhau và mỗi cá nhân buộc phải có lựa chọn. Mỗi sự lựa chọn đều dẫn đến việc hy sinh hay làm suy giảm một số giá trị nào đó” (Nguyễn Văn Trọng - bđd).

Để có xã hội tử tế, chúng ta cần xây dựng những con người và những gia đình tử tế. Chúng ta đang tập trung hô hào xây dựng “gia đình văn hóa”. Con số đạt được hết sức ấn tượng: gần 19 triệu gia đình trong tổng số hơn 22 triệu gia đình đạt chuẩn danh hiệu gia đình văn hóa, đạt tỉ lệ 85,03%, tăng 2% so với năm 2014. NHƯNG... theo các báo phỏng vấn thì người dân cho biết:

“Danh hiệu chỉ là hình thức. Hầu như nhà nào trong tổ mình cũng được công nhận “gia đình văn hóa”, tuy nhiên có một số gia đình còn tình trạng cãi vã, đánh bạc, gây mất trật tự khu phố” (Chị T.K, Hóc Môn, TP.HCM). Một tổ trưởng tổ dân phố ở quận Tân Phú TP.HCM cho biết nhiều hộ gia đình được trao danh hiệu gia đình văn hóa chỉ để địa phương đạt đúng chỉ tiêu chứ họ không thật sự xứng đáng.

“Nhiều tổ trưởng chỉ làm qua loa để đủ chỉ tiêu, để khu phố mình được danh hiệu khu phố văn hóa. Khi trao tặng danh hiệu này chúng tôi cũng nghĩ nhiều hơn tới việc được lòng dân thôi chứ cũng không quan trọng gia đình nào có văn hóa thật sự”. Cá biệt, lãnh đạo Đà Nẵng “khoe” là có tỉ lệ gia đình văn hóa thấp nhất cả nước (77%), và coi đây như một chiến tích của toàn ngành văn hóa thời gian qua vì theo ông Nguyễn Hữu

Chiến, Phó Giám đốc Sở Văn hóa Đà Nẵng, ông chọn “gia đình văn hóa thực chất” vì ông cho rằng tiêu chí xét chọn chung còn “hơi thoáng quá”, không thực tế, là nguyên nhân làm tăng tỉ lệ gia đình văn hóa. (Nhưng phải chăng 77% cũng còn quá cao?). Nhận định của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam về danh hiệu trên, “Có không vui, mất không buồn” khi ông chủ trì hội nghị tổng kết. Phó Thủ tướng đặt câu hỏi: “Tại sao văn hóa xã hội lại rất có vấn đề như vậy, vệ sinh an toàn thực phẩm, sản xuất và buôn bán các loại thực phẩm nguy hại cho sức khỏe đồng loại vẫn diễn ra đến mức bất chấp đạo lý? Tại sao có đến 85% số gia đình đạt chuẩn văn hóa, khu dân cư văn hóa mà những vấn đề vi phạm văn hóa, đạo đức vẫn đầy rẫy, phổ biến như thế. Nếu tỷ lệ thống kê là đúng, chắc những khu dân cư, những thôn bản văn hóa như thế đã rất thanh bình, đáng sống, không còn ngập rác, mất vệ sinh, không còn bạo lực, tệ nạn... nữa rồi”. Phải chăng các tiêu chí để đưa ra chưa chuẩn, việc thực hiện vẫn chạy theo hình thức, vì thành tích?

Như vậy thì gia đình văn hóa theo tiêu chí hiện nay không thể gọi ngay là gia đình tử tế được bởi lẽ trong chúng ta vẫn còn rất nhiều người không “tử tế”, làm ăn chộp giựt, xử sự thô bạo, thiếu văn minh... Vì sao? Có lần khi nói về lương tâm, nói về “văn hóa biết xấu hổ”, chúng tôi đã viết: “Cũng như họ, chúng ta đang đối diện với sự tha hóa tâm hồn... “Thói phàm tục tinh thần”, điều mà một số nhà văn Nga như A. Gersen đã từng phê phán kịch liệt, đang trở lại “ngày càng trơ trên” trong đời sống (Nga), thậm chí đang có tham vọng trở thành “tinh hoa” do “sự tháo khoán thả cửa” của những chính sách văn hóa đang bị tư tưởng thương mại hóa đầu độc, do nhu cầu giải trí tầm thường mà các phương tiện truyền thông đầu độc, do sự “buông xuôi” của một bộ phận trí thức - những người có nghĩa vụ gác cửa cho ngôi đền tinh thần của nhân dân. Sự buông xuôi này, suy cho cùng, cũng là một sự sa đọa. Bởi lẽ nghệ sĩ, nhà văn hay những người quản lý giáo dục, những nhà giáo, trí thức phải thức tỉnh, không thể đánh tráo giá trị, xóa bỏ sự khác biệt giữa cái thiện và cái ác... chấp nhận một thứ chủ nghĩa tương đối về đạo đức với tư cách là chuẩn mực của các mối quan hệ qua lại giữa người với người”, có nghĩa là anh ta đã “tước đoạt của con người những giá trị vĩnh cửu... giết chết lương tâm, sự xấu hổ, sự trong trắng của tâm hồn nhân dân” (Mikhail Ulyanov).

Nói người mà ngẫm đến ta, cũng xuất phát từ một xã hội bao cấp chuyển sang kinh tế thị trường giai đoạn đầu, mang theo nhiều “bệnh tật” của cả hai thời kỳ mà tàn dư của nó còn đang hiện diện trong đời sống hôm nay, khiến chúng ta mất đi tâm tâm, quý, mất đi tính xấu hổ, dấu vết của lương tri còn lại trong lòng mỗi con NGƯỜI.

Phải đánh thức nó dậy. Nếu không chúng ta sẽ chỉ tìm ra cái xã hội tử tế ấy ở trong sách mà thôi. ■



Nhân viên Công tác xã hội trong Bệnh viện

ĐỖ HỒNG NGỌC

"Sức khỏe là một tình trạng hoàn toàn sáng khoái về thể chất, tâm thần và xã hội chứ không phải chỉ là không có bệnh hay tật" (WHO, 1946).

Ta thấy sức khỏe như vậy cần có đủ cả ba yếu tố: sáng khoái về thể chất, sáng khoái về tâm thần và sáng khoái về xã hội. Một người có bệnh đến bệnh viện thì thể chất của họ đang có vấn đề, nhưng nỗi lo âu và sợ hãi của họ còn lớn hơn bởi không biết

chuyện gì sẽ xảy ra; bên cạnh đó là những xáo trộn về công ăn việc làm, về các mối quan hệ, chuyện tiền bạc, đi lại, ăn ở... bao nhiêu thứ làm cho họ sống như trong đám sương mù!

Cho nên nhìn người bệnh mà chỉ thấy có bệnh không thấy có người là một thiếu sót lớn. Ngày nay với những tiến bộ vượt bậc của y học, với máy móc kỹ thuật tân kỳ, thì khoảng cách giữa thầy thuốc với bệnh nhân ngày càng xa ra, và y khoa dần thiếu bóng

dáng con người. Bệnh tâm thần ngày càng phát triển. Tâm thần trở thành một trong ba ưu tiên bên cạnh sức khỏe của người già và trẻ em. Tình trạng đô thị hóa, di dân, biến đổi khí hậu, bệnh do hành vi lối sống gây ra ngày càng gia tăng, các yếu tố nguy cơ rượu, thuốc lá, ma túy, mại dâm... ngày càng nhiều, không kể thiên tai, chiến tranh, tai nạn thương tích... Vấn đề sức khỏe thực chất là một vấn đề xã hội.

Các nghiên cứu cho thấy đa số bệnh nhân đến bác sĩ là có vấn đề stress đằng sau những bệnh chứng. Bác sĩ chỉ quan tâm chữa cái đau trước mắt. Có thể nói bác sĩ chỉ chữa được cái đau mà không chữa được cái khổ, chữa được cái bệnh mà không chữa được cái họa. Nhưng không thể trách họ được, Họ học để làm điều đó. Nhiệm vụ của bác sĩ là điều trị bệnh (CURE), nhiệm vụ của điều dưỡng là chăm sóc bệnh (CARE).

Cho nên Nhân viên Công tác xã hội trong Bệnh viện (Medical Social Worker) là rất cần thiết, góp phần tích cực trong việc giúp đỡ toàn diện người bệnh nhờ quan tâm đến những vấn đề tâm lý-xã hội của họ bên cạnh người thầy thuốc chữa bệnh.

Dù dưới màu áo nâu sồng, áo chùng xám hay blouse xanh blouse hồng... mỗi khi họ xuất hiện, người bệnh đã có thể thấy yên tâm, bởi có thể nói với họ những điều chưa dám nói, vì họ biết lắng nghe, biết tôn trọng, biết thấu cảm. Lớp sương mù che khuất tâm nhìn được lau sạch đi, tấm màn được vén lên, giúp họ nhìn rõ để có những quyết định đúng. Xung đột sẽ giảm, nỗi lo sợ vơi đi, lòng tự tin vươn lên.

Bác sĩ, điều dưỡng cũng có thể làm được như vậy, nhưng họ không có thì giờ bởi nhiệm vụ chính của họ là chữa bệnh. Bác sĩ phải tìm kiếm các dấu chứng, triệu chứng, làm các xét nghiệm để đi đến chẩn đoán chính xác và điều trị hiệu quả. Họ cần bình tĩnh và nhiều khi lạnh lùng, luôn giữ một khoảng cách khoa học. Điều dưỡng lo chăm sóc người bệnh, giám sát tình trạng bệnh lý. Chỉ có người nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện mới là người gần gũi người bệnh, nhạy cảm với những đáp ứng con người (human response), lắng nghe được nỗi khổ của người bệnh và tìm cách giúp đỡ họ.

Công tác xã hội trong bệnh viện là một nghề đặc biệt. Ở các nước phát triển đã hình thành từ lâu. Ngành y tế nước ta cũng đã và đang bắt đầu triển khai hoạt động. Tuy nhiên, nếu không được thực hiện một cách đúng đắn sẽ tạo thêm sự công kênh, nặng nề, tăng thêm khó khăn cho người bệnh khi đến với y tế.

Nhân viên Công tác xã hội ở Bệnh viện hẳn phải khác với nhân viên công tác xã hội ở các lãnh vực khác. Trước hết họ phải là người có tấm lòng nhân hậu, chín chắn, nhạy cảm với cảm xúc và suy nghĩ của người bệnh, không thiên vị, không phân biệt đối xử. Họ phải có kỹ năng truyền thông tốt, biết lắng nghe,

thương thảo, khơi dậy, có khả năng giao tiếp, làm việc nhóm, phối hợp... Họ cũng có mối quan hệ rộng rãi ở cộng đồng, với giới truyền thông, với các tổ chức, các trung tâm xã hội như một mạng lưới để hỗ trợ một cách cụ thể khi cần.

Họ có kỹ năng tham vấn tâm lý, biết tôn trọng, chân thành và thấu cảm nhưng giữ tinh thần khoa học, khách quan, không bị ảnh hưởng bởi văn hóa cá nhân. Luôn kiên nhẫn và, Từ bi hỷ xả.

Đồng thời họ là một nhân vật trung gian, đại diện cho cả hai phía, bệnh viện và bệnh nhân, thiết lập mối quan hệ bình đẳng và truyền thông có hiệu quả giữa hai phía, giúp giảm xung đột, nâng cao hiệu quả điều trị.

Đặc biệt, ở trong môi trường y khoa, họ phải thấm nhuần Y đức: *primum non nocere* - trước hết không gây hại - gây hại ở đây không chỉ dùng thuốc hay kỹ thuật y khoa mà là lời ăn tiếng nói, cử chỉ, thái độ. Họ phải tôn trọng sự tự chủ (autonomy) của bệnh nhân và của thầy thuốc. Trung thực, công bằng và bình đẳng, biết tôn trọng nhân phẩm con người, biết giữ bí mật nghề nghiệp.

Với những đòi hỏi như vậy, đầu vào sẽ rất quyết định, người nhân viên công tác xã hội phải được chọn lọc kỹ, qua một cuộc phỏng vấn, một bài tự luận chẳng hạn, là rất cần thiết. Trong quá trình hoạt động, họ cần được quan tâm tạo điều kiện để có cuộc sống ổn định, có cơ hội thăng tiến. Họ cũng rất cần sự hỗ trợ tâm lý cho chính bản thân bởi không khỏi đôi lúc thất vọng, nản lòng.

Chiếc áo không làm nên thầy tu. Nhưng "chiếc áo" của người Nhân viên Công tác xã hội trong Bệnh viện (Medical Social Worker) cũng là của những... "thầy tu" vậy! ■





Sự khác biệt

về phong cách dịch kinh Phật giáo của Đại sư Cưu-ma-la-thập và Pháp sư Huyền Trang

THÍCH GIỚI KHÔNG
NGUYỄN ANH VŨ phóng dịch

Phật giáo từ Ấn Độ truyền đến Trung Quốc, vấn đề phiên dịch kinh điển Phật giáo là một sự kiện lớn quan hệ đến việc truyền bá giáo lý của Phật có được chính xác hay không.

Trong lịch sử, Cưu-ma-la-thập, Chân Đế, Huyền Trang, Nghĩa Tịnh (có thuyết là: Cưu-ma-la-thập, Chân Đế, Huyền Trang, Bất Không) được gọi chung là “Tứ đại dịch kinh gia”, trong số đó, đặc biệt nhất là Đại sư Cưu-ma-la-thập và Pháp sư Huyền Trang (phát âm đúng là Huyền Tạng)¹ có cống hiến rất lớn đối với sự nghiệp phiên dịch kinh điển Phật giáo.

Lịch sử phiên dịch kinh điển Phật giáo ở Trung Quốc chủ yếu kéo dài khoảng hơn 700 năm, từ cuối thời Đông Hán đến khoảng giữa đời Đường, kinh văn hiện còn lưu giữ hơn 8.000 quyển, số dịch giả lên đến vài trăm người.

Trong “*Phật điển chi phiên dịch*”, Lương Khải Siêu đã chia lịch sử phiên dịch kinh Phật ở Trung Quốc thành ba giai đoạn:

- Giai đoạn một: Từ thời Đông Hán đến Tây Tấn, đại biểu là An Thế Cao, Chi-lâu-ca-sấm, Chi Khiêm.

- Giai đoạn hai: Từ thời Đông Tấn đến đời Tùy, Cưu-ma-la-thập là đại biểu kiệt xuất nhất.

- Giai đoạn ba: Từ niên hiệu Trinh Quán đến niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường, Huyền Trang là đại biểu đứng đầu.

Về sau, đời Tống tuy cũng có mở một số dịch trường do nhà nước tổ chức, nhưng trình độ dịch kinh không cách nào vượt qua đời Đường. Thủy Dã Hoảng Nguyên, học giả Nhật Bản, cho rằng: Liên quan đến danh từ “Hán dịch” (tức dịch kinh điển Phật giáo ra tiếng Hán) có thể căn cứ niên đại dịch ra mà chia thành ba loại: “cổ dịch”, “cựu dịch” và “tân dịch”.

Gọi là “cổ dịch”, là chỉ các bản dịch trước thời La-thập, bao gồm các tác phẩm cổ đại thời Đông Hán, Tam Quốc và Tây Tấn; gọi là “cựu dịch”, là các bản dịch bắt đầu từ La-thập phiên dịch đến trước thời Huyền Trang phiên dịch; “tân dịch” là chỉ các danh từ phiên dịch mới do chính Huyền Trang xác lập, các tác phẩm phiên dịch sau này chủ yếu đều căn cứ các danh từ phiên dịch mới này. Cách phân loại này khá có lý, xét từ góc độ phong cách dịch kinh, hai vị Đại sư Cưu-ma-la-thập và Huyền Trang đều có cống hiến mang tính đột phá đối với sự nghiệp dịch kinh lúc đó, có thể nói hai vị này là hai nhân vật tạo ra cột mốc phân ranh giới giữa “cổ dịch”, “cựu dịch”, và “tân dịch” trong lịch sử phiên dịch kinh điển Phật giáo ở Trung Quốc.

Dịch ý và dịch trực tiếp là hai phương pháp phiên dịch khác nhau. “Dịch ý” chú trọng sự “đạt ý”, khiến cho người đọc dễ hiểu; còn “dịch trực tiếp” là phương pháp dịch trung thành với nguyên tác, chú trọng sự tỉ mỉ và tính xác thực của từng câu chữ; nhưng cả hai phương pháp đều không được để mất ý chỉ của nguyên tác. Hai vị đại sư, mỗi người đã chọn cho mình một phong cách dịch, so sánh bản dịch của Đại sư Cưu-ma-la-thập và của Pháp sư Huyền Trang, ấn tượng đầu tiên chính là độ dài ngắn của bản dịch. Bản dịch của Đại sư Cưu-ma-la-thập rất giản lược, còn bản dịch của Pháp sư Huyền Trang thì dài dòng hơn nhiều.

Do phương pháp biểu đạt của Hán ngữ chủ trương đơn giản mà rõ ràng, còn Phạn ngữ thì chú trọng sự trau chuốt và tụng đọc lặp đi lặp lại; vì thế, nếu dịch giả chuộng “văn” thì sẽ chọn phương pháp dịch ý, thường sẽ theo tập quán thích ngắn gọn của người Trung Quốc mà đơn giản hóa bản dịch, lược bớt nguyên bản tiếng Phạn; còn dịch giả chuộng “chất”, sẽ dùng phương pháp dịch thẳng, đa số sẽ tôn trọng tập quán của Phạn văn mà cho ra bản dịch rất dài dòng. Nhưng xét từ góc độ lời và ý, có lúc “lời không diễn hết được ý”, có lúc “lời lẽ ngắn gọn nhưng hàm ý phong phú”; cũng vậy, nhiều lúc một bản dịch đơn giản cũng có thể biểu đạt được nghĩa lý của bản gốc, cũng có lúc bản dịch dài dòng chưa chắc đã biểu đạt được nghĩa lý của bản gốc một cách hoàn mỹ.

Chỉ nói về số chữ, chúng ta thử lấy vài bộ kinh thường thấy do hai vị đại sư dịch để so sánh:



1. Đại sư Cưu-ma-la-thập dịch “*Phật thuyết A-di-đà kinh*” khoảng hơn 2.300 chữ, còn Pháp sư Huyền Trang dịch “*Xung tán tịnh thổ Phật niếp thụ kinh*” khoảng hơn 4.500 chữ.

2. Đại sư Cưu-ma-la-thập phiên dịch “*Duy-ma-cật sở thuyết kinh*” khoảng 30.500 chữ, còn Pháp sư Huyền Trang phiên dịch “*Thuyết Vô Cấu Xung kinh*” gần 46.000 chữ.

3. Đại sư Cưu-ma-la-thập phiên dịch “*Kim cương Bát-nhã Ba-la-mật kinh*” khoảng hơn 6.000 chữ, còn Pháp sư Huyền Trang phiên dịch “*Năng đoan Kim cương Bát-nhã Ba-la-mật kinh*” lại khoảng hơn 9.300 chữ.

Hai bản dịch của cùng một bộ kinh tiếng Phạn, không những dịch ra các danh từ khác nhau, mà về số chữ càng khác nhau rất xa. Lúc Đại sư Cưu-ma-la-thập dịch “*Đại trí độ luận*”, ngoại trừ 34 quyển trước, còn lại đều là trích những điểm chính; lúc dịch “*Bách luận*”, sư cũng đã lược bớt nửa bộ sau. Về độ dài ngắn, bản dịch của Đại sư Cưu-ma-la-thập thường đều ít hơn khoảng 1/3 so với bản dịch của Pháp sư Huyền Trang, bản dịch giản lược và dài dòng có thể thấy rõ ràng ở đây. Sự khác biệt về số chữ nhiều hay ít trong bản dịch của hai vị tuyệt đối không phải là ngẫu nhiên, đây là do phong cách dịch kinh của hai vị quyết định.

Đại sư Cưu-ma-la-thập chủ trương dịch ý, là có ý ngầm phê bình các bản dịch kinh điển Phật giáo ở Trung Quốc trước đó. Trong “*Cao tăng truyện*” quyển 2 viết: “(Đại sư Cưu-ma-la-thập) đã đọc nhiều bản dịch các kinh, về ý nghĩa thấy có nhiều chỗ sai lầm, thấy đều do các dịch giả trước đây đã đánh mất tông chỉ, không tương ứng với Phạn văn”. Vì vậy ngài đã dịch lại một số kinh điển.



Còn Pháp sư Huyền Trang lúc dịch kinh lại cố gắng tôn trọng nguyên bản tiếng Phạn, không ngại dài dòng rườm rà. Thật ra, ban đầu lúc pháp sư Huyền Tạng dịch “Đại Bát-nhã kinh”, sư cũng có ý nghĩ lược bớt, trong “Đại Từ Ân tự Tam tạng pháp sư truyện” quyển 10 viết: “Bản kinh tiếng Phạn tổng cộng có 20 vạn bài tụng, câu chữ quá nhiều, các học trò xin lược bớt, Pháp sư thuận theo ý mọi người, giống như cách dịch của La-thập, lược bớt những chỗ trùng lặp”. Nhưng sau đó Pháp sư Huyền Trang nham mộng thấy điềm không hay bèn bỏ lối dịch lược, về sau dịch lại theo phương pháp dịch đầy đủ. Pháp sư Huyền Trang không chịu lược bớt bản gốc tiếng Phạn, là do nhất quán với phong cách dịch nghiêm túc quyết định, vì vậy lúc ngài dịch kinh Phật tất nhiên phải trung thành với bản gốc. Lúc văn niên, Pháp sư Huyền Trang theo lời thỉnh cầu của các đệ tử, muốn dịch “Đại bảo tích kinh”, nhưng thấy số quyển cũng nhiều như “Đại Bát-nhã kinh”, thà không dịch, chớ không chịu dịch lược giống như Đại sư Cưu-ma-la-thập.

So sánh cách xử lý đối với vấn đề dịch âm, xét từ góc độ ý nghĩa, làm công việc phiên dịch là phải mang

nguyên văn kinh Phật phiên dịch thành tiếng Hán, nếu hoàn toàn dùng phương pháp dịch âm thì không cách nào biểu đạt được ý tứ của câu văn trong kinh Phật. Các công trình dịch kinh điển Phật giáo thời kỳ đầu đã để lại một số từ ngữ dịch âm, đây là những trường hợp khó dùng Hán ngữ để biểu đạt Phạn ngữ, những từ ngữ này đa số là nhân danh, địa danh và một số thuật ngữ Phật giáo. Trong các bản dịch cũ trước thời La-thập, các dịch giả đều không xử lý tốt được vấn đề dịch âm. Người thì dùng quá nhiều từ ngữ dịch âm (như Chi-lâu-ca-sấm), có người thì cố gắng không dùng từ ngữ dịch âm (như Chi Khiêm). Dùng nhiều từ ngữ dịch âm có chỗ dở là bản dịch trúc trắc khó hiểu, trái lại, nếu dịch hoàn toàn thành Hán ngữ thì thường thường lại không biểu đạt hết được ý tứ trong nguyên bản tiếng Phạn.

Trong quá trình dịch kinh, Đại sư Cưu-ma-la-thập ý thức được chỗ bất túc của các bản dịch cũ, ngài đã thử điều chỉnh lại cách xử lý từ ngữ dịch âm một cách dung hòa hơn. Thái độ của Đại sư Cưu-ma-la-thập đối với các bản dịch cũ không phải là làm công việc hiệu đính lại, mà vẫn bảo lưu một số từ ngữ dịch âm nhất định, nhưng không phải là tùy ý, mà ngài đã cân nhắc rất kỹ lưỡng. Có học giả cho rằng, sở dĩ bản dịch của Đại sư Cưu-ma-la-thập được lưu truyền hậu thế là do ngài đã bảo lưu số từ ngữ dịch âm một cách rất khéo léo, khiến cho bản dịch tăng thêm mỹ cảm thần bí.

Sự nghiệp dịch kinh điển Phật giáo ở Trung Quốc từ thời La-thập đến thời Pháp sư Huyền Trang là một quá trình phát triển kéo dài hơn 300 năm, đối với vấn đề dịch âm đã được giải quyết rất tốt và có tiêu chuẩn rõ ràng. So sánh bản dịch của hai vị đại sư, chúng ta có thể thấy, khuynh hướng của Pháp sư Huyền Trang là cố gắng hết khả năng phiên dịch toàn bộ nguyên văn thành Hán ngữ, nhiều từ ngữ mà Đại sư Cưu-ma-la-thập đã dịch âm, Pháp sư Huyền Trang đều mang ra phiên dịch thành Hán ngữ. Như Đại sư Cưu-ma-la-thập dịch là “Phật thuyết A-di-đà kinh”, Pháp sư Huyền Trang thì dịch là “Xưng tán tịnh thổ Phật nhiếp thụ kinh”; Đại sư Cưu-ma-la-thập dịch là “Duy-ma-cật sở thuyết kinh”, Pháp sư Huyền Trang thì dịch là “Thuyết Vô Cấu Xưng kinh”. Trong “Phật thuyết A-di-đà kinh” do Đại sư Cưu-ma-la-thập dịch, các danh hiệu của Phật phần lớn đều dùng phương pháp dịch âm. Còn trong “Xưng tán tịnh thổ Phật nhiếp thụ kinh” do Pháp sư Huyền Trang dịch, tuyệt đại đa số các danh hiệu Phật đều không dùng phương pháp dịch âm, như “A-di-đà Phật” dịch lại thành “Vô Lượng Thọ Phật”. So sánh phương pháp dịch của Pháp sư Huyền Trang với phương pháp dịch của Đại sư Cưu-ma-la-thập về vấn đề có dùng cách dịch âm hay không đối với một số tên riêng, có thể thấy đã có tiến bộ hơn một bước. Đương nhiên, Pháp sư Huyền Trang cũng không bài xích phương pháp dịch âm. Theo thống kê, trong “Đại Đường Tây Vực ký”, đối với cách dịch cũ, Pháp sư Huyền Trang đã dịch lại và củ

chính câu chữ hơn 58 điều. Trong đó có một phần ngài đã đổi từ cách dịch âm thành cách dịch trực tiếp ra Hán ngữ. Ví dụ:

“Tô-mê-lô sơn” (Phạn: Sumeru), dịch ra tiếng Hán là “Diệu cao sơn”; cách dịch cũ là “Tu-di / Tu-mi”, hoặc “Tu-di lâu / Tu-mi lâu”.

“Bi-ma-la-cật / Tỳ-ma-la-cật” (Phạn: Vimala-kīrti), dịch ra tiếng Hán “Mô Cầu Xung / Vô Cầu Xung”; cách dịch ý cũ là “Tịnh Danh”, “tịnh” là “vô cầu”, “danh” là “xung”, nghĩa tuy tương tự, nhưng cách gọi vẫn khác; cách dịch âm cũ là Duy-ma-cật.

“Mai-đát-lê-da” (Phạn: Maitreya), dịch ra tiếng Hán là “Tử”; cách dịch âm cũ là “Di-lặc”.

Về mặt câu cú, tuy hai vị đều có điều chỉnh để thích ứng với ngữ pháp tiếng Hán, nhưng bản dịch của Đại sư Cưu-ma-la-thập thường dùng cấu trúc câu đơn giản, lược bỏ bớt phần lặp đi lặp lại theo kiểu của Phạn văn, dịch những câu văn dài thành những câu ngắn gọn.

Nếu đối chiếu bản dịch “*Kim cương kinh*” của hai vị đại sư, chúng ta sẽ thấy Pháp sư Huyền Trang dịch là:

“爾時世尊於日初分。整理裳服執持衣鉢。入室羅篋大城乞食。訖時，捨 Tôn ư nhật sơ phân, chỉnh lý thường phục, chấp trì y bát, nhập Thất-la-phiệt đại thành khát thực” (*Lúc nọ, gần đến trưa Thế Tôn bèn sửa sang áo quần, đắp y cầm bát, vào thành Thất-la-phiệt khát thực*). Còn Đại sư Cưu-ma-la-thập thì dịch là:

“爾時、世尊食時、著衣持鉢、入舍衛大城乞食。訖時，捨 Tôn thực thời, trước y trì bát, nhập Xá-vệ đại thành khát thực” (*Lúc nọ, Thế Tôn đến giờ ăn, bèn đắp y cầm bát, vào thành Xá-vệ khát thực*).

Trường hợp gộp nhiều câu thành một câu như trên trong bản dịch của Đại sư Cưu-ma-la-thập còn rất nhiều. Riêng về cách dịch của Pháp sư Huyền Trang, do ngài hoàn toàn chiếu theo nguyên tác để phiên dịch, nên bản dịch khá rườm rà, khó lưu hành trong xã hội hơn so với bản dịch ngắn gọn của Đại sư Cưu-ma-la-thập. Mãi đến ngày nay, thường nhật người ta cũng tụng đọc bản dịch của Đại sư Cưu-ma-la-thập nhiều hơn.

Tóm lại, xử lý vấn đề câu cú, cả hai vị đều có tính đến thói quen của Hán ngữ, nhưng về độ dài ngắn của câu, Pháp sư Huyền Trang vì trung thành với bản gốc nên cấu trúc câu rườm rà hơn, còn Đại sư Cưu-ma-la-thập thường chỉ dùng câu đơn giản ngắn gọn.

Bàn về mức độ chính xác, mặc dù lúc Đại sư Cưu-ma-la-thập dịch kinh đã khắc phục nhiều chỗ thiếu sót của các bản dịch trước đó, khiến cho trình độ phiên dịch kinh Phật đạt tới một độ cao mới, nhưng do nhu cầu truyền bá kinh điển nên bản dịch của ngài đã lược bỏ rất nhiều, khiến cho một số nghĩa lý biến thành mơ hồ, làm người đọc dễ hiểu sai ý của nguyên bản tiếng Phạn, đây cũng là điều bất lợi cho hậu nhân khi muốn hiểu một cách chính xác kinh Phật. Trường hợp của Pháp sư Huyền Trang, ngài là một nhà dịch kinh

người Hán, đương thời Phật giáo Trung Quốc đang xảy ra nhiều tranh luận và mâu thuẫn về giáo lý, do đó mới phát tâm đến Ấn Độ thỉnh kinh để phát triển sự nghiệp dịch kinh. Vì vậy thái độ của ngài rất cẩn trọng, cố gắng trung thành với nguyên văn.

Lấy nội dung của một bộ kinh mà hai vị đều đã phiên dịch để so sánh: Trong bản dịch “*Phật thuyết A-di-đà kinh*” của Đại sư Cưu-ma-la-thập có câu như sau:

“極樂國土有七寶池，八功德水充滿其中。Cực lạc quốc độ, hữu thất bảo trì, bát công đức thủy, sung mãn kỳ trung” (*Cõi cực lạc có ao “Bảy thứ quý báu”, nước “Tám năng lực to lớn” đầy tràn trong đó*).

Còn trong bản dịch “*Xung tán tịnh thổ Phật nhiếp thụ kinh*” của pháp sư Huyền Tạng là:

“極樂世界淨佛土中。處處皆有七妙寶池。八功德水彌滿其中。何等名為八功德水。一者澄淨。二者清冷。三者甘美。四者輕軟。五者潤澤。六者安和。七者飲時除飢渴等無量過患。八者飲已定能長養諸根四大。增益種種殊勝善根。多福眾生常樂受用。Cực lạc thế giới tịnh Phật độ trung, xứ xứ giai hữu thất diệu bảo trì, bát công đức thủy di mãn kỳ trung. Hà đẳng danh vi bát công đức thủy? Nhất giả trùng tịnh, nhị giả thanh lãnh, tam giả cam mỹ, tứ giả khinh nhuyễn, ngũ giả nhuận trạch, lục giả an hòa, thất giả ẩm thời trừ cơ khát đẳng vô lượng quá hoạn, bát giả ẩm dĩ định năng trường dưỡng chư căn tứ đại, tăng ích chủng chủng thù thắng thiện căn, đa phúc chúng sinh thường lạc thụ dụng” (*Trong cõi Phật thanh tịnh là thế giới Cực lạc, chỗ nào cũng có “ao Bảy thứ quý báu”, trong đó đầy ắp “nước Tám năng lực to lớn”. Tại sao gọi là “nước Tám năng lực to lớn”? Một là lòng sạch, hai là trong mát, ba là ngon ngọt, bốn là mềm nhẹ, năm là tươi nhuận, sáu là an hòa, bảy là lúc uống vào trừ được đói khát, không có họa hoạn, tám là uống vào chắc chắn nuôi lớn được các căn tứ đại và tăng thêm các căn lành đặc biệt*).

Trong bản dịch Đại sư Cưu-ma-la-thập không nói “nước Tám năng lực to lớn” là gì. Rõ ràng trong trường hợp này, bản dịch của Đại sư Cưu-ma-la-thập quá giản lược, nên khó hiểu hơn so với bản dịch của Pháp sư Huyền Trang. ■

Chú thích:

1. Trước nay, âm Hán Việt tên ngài Tam tạng Pháp sư đời Đường thường được đọc là Huyền Trang hay Huyền Tráng. Tuy nhiên, căn cứ vào cách phiên thiết được nêu trong *Khang Hy tự điển* hoặc *Hình âm nghĩa tổng hợp đại tự điển* của Cao Thụ Phiên (Đài Loan), chữ “奘” trong “玄奘” phải được đọc là Tạng, vì vậy, lẽ ra danh xưng của ngài đọc là Huyền Tạng mới đúng.

Tài liệu nguồn: 罗什大师和玄奘三藏译经风格之比较, La-thập Đại sư hòa Huyền Tạng Tam tạng dịch kinh phong cách chi tỷ giáo, 释界空 Thích Giới Không, 闽南佛学院, 闽南佛学研究院, 2007.



Không tên, không trường phái, không phương pháp

HUỆ VIÊN

Theo Lão Tử thì đạo mà có thể diễn tả được vốn không phải là đạo vĩnh cửu bất biến; tên mà có thể đặt ra (để gọi đạo) thì cũng không phải là tên vĩnh cửu bất biến.

Cốt tủy của nghệ thuật cũng vậy, nó không có tên gọi, không chủ nghĩa, không phương pháp. Những cách định danh phong cách cho nghệ thuật chỉ dùng để xét cái hữu dụng của nó, vai trò lịch sử của nó mà thôi.

Khởi nguồn của trời đất không có ngôn ngữ, không có định danh, không có khái niệm, không có



cấu trúc ngữ nghĩa... Đến khi ngôn ngữ xuất hiện thì mới có sự phân biệt xác định vạn vật.

Khởi nguồn của mỹ thuật cũng thế, không có những khái niệm như chủ nghĩa cổ điển, hiện đại, hậu hiện đại... cũng chẳng có phong cách phương Đông hay phương Tây, dã thú hay tối giản, high-tech hay thiết kế bền vững... Những tuyên ngôn trường phái nọ, chủ nghĩa kia chỉ là cành lá; còn cái gốc của nghệ thuật, vốn chẳng có tên như vậy.

Nghệ thuật nói chung, dù là hội họa, kiến trúc, âm nhạc, điện ảnh, ca múa, văn thơ... thì cái điều cốt

yếu không phải ở những ngôn từ dùng để định danh, diễn giải cho nó mà là cái cảm quan phi ngôn ngữ. Đó là cảm hứng, sự say mê, sự dẫn thân không biết mệt mỏi của người nghệ sĩ.

Người nghệ sĩ sáng tác bởi có sự thôi thúc tự nhiên trong mình chứ không phải vì muốn thể hiện những khái niệm ngôn ngữ như trường phái, phong cách, chất liệu, kỹ thuật... Nói như thế không có nghĩa phủ định tầm quan trọng của việc sáng tạo lối thể hiện mới mà là khẳng định rằng chính những cảm quan không có tên gọi luôn phá vỡ những lối mòn sáng tác đã được quy ước bằng ngôn từ.

Vào cuối thế kỷ XIX ở Pháp, Claude Monet đã chán ngán lối vẽ kinh viện cứng nhắc trong các xưởng vẽ nên ông muốn ra ngoài trời và muốn chớp lấy những biểu hiện thoáng qua của ánh sáng và bầu khí quyển, vẽ thật nhanh cái cảm xúc bất chợt đó và không quan tâm tới những hình thể tỉ mỉ, những hòa sắc trau chuốt. Sau này những nhà phê bình mới gọi lối vẽ ấy là ấn tượng chứ bản thân Monet đâu có đặt ra một tên gọi nào để ép tranh mình vào khuôn đó. Sáng tạo nghệ thuật chính là sự phá bỏ những tên gọi, phương pháp, chủ nghĩa... được cố tình gán cho những tác giả và tác phẩm.

Thạch Đào là một danh họa làm thay đổi hoàn toàn quan niệm hội họa ở Trung Hoa. Ông viết rằng: *"Bậc chí nhân không có phương pháp gì. Nói vậy không có nghĩa là họ không có phương pháp, mà là họ có cái phương pháp cao nhất, phương pháp của vô phương pháp"*¹. Những bức tranh của Thạch Đào rất sống động, đầy rung cảm, chúng khác hẳn với những bức tranh xinh xắn trau chuốt trong Hội viện; cách dụng mực của ông cũng chẳng tuân theo quy tắc của Nam phái hay Bắc phái, mực sô hay mực nhòe, nhưng nó vô cùng tự nhiên và sống động. Cái vô phương pháp mà Thạch Đào nói đến ở đây là họa sĩ không nên bị những quan điểm thẩm mỹ của tiền nhân, những phương pháp thể hiện của các họa phái... bó buộc khả năng sáng tạo của mình.

Một trong những đặc điểm quan trọng trong nghệ thuật hội họa Trung Hoa là sự tôn sùng các họa sĩ đời trước, cố gắng vẽ đẹp như tiền nhân. Sao chép tranh là một trong sáu nguyên tắc của hội họa mà Tạ Hách đặt ra khoảng năm 490 nhưng có sức ảnh hưởng mạnh mẽ suốt chiều dài lịch sử, thậm chí tới tận bây giờ. Nhưng Thạch Đào đánh đổ hoàn toàn quan điểm đó. Ông cho rằng họa sĩ vì không hiểu được cái Đạo của vũ trụ, cái vận chuyển xoay vần của trời đất nên mới thành nô lệ của phương pháp, thành kẻ ăn thừa từ những họa sĩ khác; và chỉ có vẽ tự do theo ý mình thì các câu chữ lưu truyền những phương pháp do người đời trước đặt ra mới tiêu tan.

Cao Hành Kiện, một nhà văn và cũng là một họa sĩ vẽ tranh thủy mặc, nên ít nhiều bị ảnh hưởng tư

tưởng phóng dật, xa lánh chốn nhộn nhạo của các danh họa cổ điển Trung Hoa.

Ông nói: *"Tôi tin rằng điều quan trọng nhất cho một nghệ sĩ là giữ mình ở xa khỏi những người khác càng nhiều càng tốt để tránh bị trộn lẫn trong trào lưu nào đó"*². Vào năm 1996, ông xuất bản một tập tiểu luận mang tên *"Không có chủ nghĩa"*, phản đối tư tưởng sáng tác văn học theo sự chỉ đạo của các chủ nghĩa, vốn rất gần gũi với tư tưởng toàn trị, xơ cứng.

Ông viết: *"Cá nhân yếu mềm, một kẻ tác gia, trợ trụ một thân, giáp mặt với xã hội, phát ra tiếng nói của mình, tôi coi đó mới là tính gốc của văn học, từ xưa tới nay. Còn như tác gia bày tỏ ra sao, phương pháp và kỹ thuật, chỉ là thứ yếu"*³.

Quả thật, văn học nghệ thuật mà bị định hướng sáng tác thì không thể nào có được những tác phẩm trác tuyệt, nó chỉ tạo ra những thứ xinh xắn, an toàn, bó buộc và thời thượng. ■

Chú thích:

1. Lâm Ngữ Đường, *Hội họa Trung Hoa qua lời các vĩ nhân và danh họa*, Trịnh Lữ dịch, Nxb Mỹ Thuật 2006.
2. Cao Hành Kiện, *Nghĩ về hội họa*, Homa&Sekey Books, Nguyễn Tiến Văn dịch, talawas.de, 2002.
3. Cao Hành Kiện, *Không có chủ nghĩa*, Nguyễn Tiến Văn dịch, talawas.de, 2002.



Nguyễn Du trên bến Giang Đình

NGUYỄN NHẢ TIÊN

Nhất phiến hàn thanh tống cổ kim.

(Nguyễn Du)

Bến Giang Đình là một trong “bát cảnh”, những danh thắng nổi tiếng của huyện Nghi Xuân, quê hương của đại thi hào Nguyễn Du. Tôi đã từng bao lần có dịp về Tiên Điền viếng thăm khu lưu niệm và Bảo tàng Nguyễn Du, nhưng để được một lần thưởng ngoạn cái bến xưa “*Giang Đình cổ độ*” từng lấp lánh hình ảnh của Tố Như trên bến sông này:

Bạch phát sa trung kiến

Ly hồng hải thượng văn.

Tạm dịch nghĩa:

Tóc trắng in trên cát bãi

Chim hồng gọi ngoài biển xa.

Thì quả, đây là lần đầu tiên. Lại rơi đúng vào cái kỳ gian:

Thanh minh trong tiết tháng Ba!

Theo các nhà am tường địa chí của huyện Nghi Xuân thì bến Giang Đình thuở xa xưa có tên là bến đò Tả Ao, cùng tên với tên làng Tả Ao nằm bên bờ Nam của dòng sông Lam. Vào năm Tân Mão 1771, Tể tướng Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm về quê Tiên Điền trí sĩ, quan lại phủ huyện địa phương đã sức dân dựng cái Giang Đình trên bến sông để đón rước Xuân Quận công trở về. Kể từ đấy bến sông này được đổi tên thành bến Giang Đình. Năm ấy Nguyễn Du vừa mới sáu tuổi, được theo cha (Nguyễn Nghiễm) ngồi trên xe ngựa trong cuộc đón rước tưng bừng tại bến Giang Đình. Có lẽ đây là hình ảnh huy hoàng nhất về quê nhà trong cái thiên đường ký ức của tuổi thơ Nguyễn Du. Để rồi về sau, khi trở lại ngồi trên bến xưa, từ hồi quang lung linh của ký ức, Nguyễn Du đã viết bài thơ “*Giang Đình hữu cảm*” mô tả lại cảnh huyền ảo rộn ràng ngựa xe đưa rước của một thời vang bóng ấy:

Ức tích ngô ông tạ lão thì

Phiêu phiêu bồ tứ tử giang mi

Tiên chu kích thủy thần long đấu

Bảo cái phù không thụ hạc phi...

Tạm dịch nghĩa:

Nhớ xưa cha ta cáo lão về hưu

Xe tứ mã rộn vang trên bến sông quê

Thuyền tiên lướt sóng như rồng thần giao đấu

Lọng tán che bay giữa trời không như chim hạc

báo tin lành...

Có lẽ trên con đường hành hương qua bến bờ cổ độ này, thơ Nguyễn Du là những ánh lửa duy nhất có đủ sức soi rõ bao cuộc trăm năm, cho người đời sau có thể nương vào ánh sáng ấy mà lần dò ra từng quá khứ.

Tôi đã từng đứng hàng giờ trên bờ đê dòng sông, nhìn một dải đất bồi ngút ngát xanh lúa thừa từng chùm bóng cây bần hoang dại. Thiên nhiên tuồng như bày biện trước mắt ta chuyện biến dịch lở bồi, có khi diễn ra từng ngày, từng khoảnh khắc, chứ nào phải đầu đợi đến một cuộc trăm năm. Mà Nguyễn Du của cái thời “*Giang Đình hữu cảm*”, tính từ những bước chân thơ dại tung tăng trên bến bãi này trong cuộc đón rước vang lừng Xuân Quận công về quê trí sĩ cho đến bây giờ, cũng đã ngót phần tư thiên niên kỷ rồi, vậy thì chuyện *trải qua một cuộc bể dâu* hay nhiều cuộc bể dâu như thế, cũng là chuyện thường tình của “con tạo”, của *trăm năm trong cõi người ta!* Thế nên có chú tâm dán con mắt vào hình sông thế núi, mà đoán định ra cái bến Giang Đình, hoặc là cái gian nhà lá mà Nguyễn Du từng dựng lên trên bãi cát bồi ven sông thì, với tôi, chỉ còn cách tựa vào thơ Tố Như dẫn đường.

*Long Vĩ giang đầu ốc nhất gian
U cư sấu cực hốt tri hoan
Đạt nhân tâm cảnh quang như nguyệt
Xử sĩ môn tiền thanh giả san...*

(Tập ngâm II)

Tạm dịch nghĩa:

Dựng một gian nhà ở đầu sông Long Vĩ (sông Long Vĩ là một quãng sông Lam chảy qua địa phận Nghi Xuân)

Ấn cư sấu chất ngắt, bất chợt gặp một niềm hoan lạc

Lòng người khoáng đạt như vầng trăng sáng tỏ

Trước cửa nhà kẻ xử sĩ vẫn (nhân chứng) là những ngọn núi xanh.

Tới đây thì thơ Nguyễn Du dẫn đường cho tôi, không phải vì cái men say ngày xuân lạc đường lạc ngõ theo dòng sông Lam lạc bước đến cửa Hội chân trời, mà là gặp... Ưc Trai - Nguyễn Trãi! Ưc Trai Nguyễn Trãi sinh ra trước Tố Như Nguyễn Du đến 385 năm, nghĩa là cũng từng bao cuộc trăm năm bãi bể hóa nương dâu. Nhưng có một thứ không thể nào chuyển dịch thay đổi được, đấy là những ngọn núi xanh kỳ vĩ cao đẹp, sừng sững trong tâm thức của dân tộc. Nếu như Ưc Trai - Nguyễn Trãi, vào những tháng năm quay về ẩn dật ở Côn Sơn, nghe ra từ núi thiêng ấy đêm ngày:

Đàn cầm suối trong tai dội

Còn một non xanh là cố nhân.⁽¹⁾

Thì với Tố Như - Nguyễn Du, vào những tháng ngày thanh bần ở Tiên Điền, con mắt đau đau nhìn lên đỉnh Hồng Sơn, tựa núi cao kia làm nhân chứng:

Trước cửa nhà kẻ xử sĩ

Vẫn những ngọn núi xanh nhân chứng.

Hai cái đỉnh non thiêng từ Côn Sơn cho tới Hồng Lĩnh ấy, một nơi lấp lánh soi bóng xuống Lục Đầu giang, một nơi lung linh ảnh trầm trên dòng Lam thủy, tinh anh ấy vĩnh hằng trên đường đi của dân tộc. Để giờ đây, mỗi bước chân hành hương qua những địa chỉ văn hóa và lịch sử, ta lại nghe ra, tưởng ra, tiếng người xưa quanh quất đầu đây.

Nước chảy âu không xiết bóng non.

Đấy là thơ Ưc Trai nói về cái bóng núi Côn Sơn in xuống Lục Đầu giang, cho dẫu dòng nước xiết trôi đi, chảy đi, dẫu cho sông cạn đá mòn thì cũng chẳng thể nào cuốn mất đi bóng núi ấy được.

Trên bến Giang Đình này cũng vang dội những thanh âm, cũng huyền ảo một bóng núi như thế.

Hồng Sơn nhất sắc lâm bình cử

Thanh tịch khả vi hàn sĩ cư

Thiên lý bạch vân sinh kỷ tịch

Nhất song minh nguyệt thường cầm thư...

(Tập thi II)

Tạm dịch nghĩa:

Núi Hồng Sơn soi bóng nước một màu trong xanh

Cảnh thanh tịch của kẻ hàn sĩ ở ẩn

Có mây trắng ngàn dặm bay về quanh chỗ nằm

Trăng soi vào song cửa chiếu sáng thư đàn...

Một nơi trên bến Giang Đình mà sao lại chẳng khác mấy với cảnh Nguyễn Trãi ở Côn Sơn.

Láng giềng một áng mây bạc

Khách khứa hai ngàn núi xanh.

Có tiếng tâm linh nào vọng xuyên suốt thời gian, không gian kỳ diệu như thế. mây trắng ngàn dặm bay quanh lót chỗ nằm của Tố Như và mây trắng láng giềng thân thiết Ưc Trai, xem ra có khác gì nhau đâu!

Dòng sông Lam trong xanh lặng lẽ xuôi về cửa Hội ửng sáng sắc mây bạc mùa xuân đẹp đến nao lòng. Viết về quê xứ, mà rõ nhất là dòng sông Lam, có lẽ xưa nay không mấy ai viết nhiều hơn Tố Như. Tôi đoán chắc điều này, dù chỉ lướt qua ba tập: *Thanh Hiên tiền hậu tập, Nam Trung tạp ngâm và Bắc hành tạp lục.⁽²⁾*

Sinh ra và lớn lên tại Bích Câu - Thăng Long, và mất tại Huế. Kỳ thực thời gian Nguyễn Du về ở tại quê nhà của mình không nhiều so với cả cuộc đời dằng dặc lắm phong trần kia. Thế nhưng quê hương xứ sở dường như tuần hoàn thường hằng trong máu huyết của Nguyễn Du, hiện lên rõ nhất là trong thơ. Ngay những nhà nghiên cứu địa chí, thơ Nguyễn Du cũng là một thứ lửa giúp cho đời sau truy tìm "lý lịch" của đất. Ví như một địa danh trong thơ Nguyễn Du trong bài "*Dạ Xuân*":

Nam Đài thôn ngoại Long giang thủy

(Thôn Nam Đài ở ngoài dòng sông Long thủy - tức sông Lam).

Vậy là ngoài cái tên làng Tả Ao, hay Giang Đình, qua thơ Nguyễn Du chúng ta còn phát hiện thêm cái tên thôn Nam Đài nằm bên bờ Nam sông Lam. Chỉ có điều, lang thang trên con đường chạy dọc theo bờ sông, tôi hỏi một vài người gặp trên đường, chẳng thấy ai biết những tên làng tên đất ấy.

Ngồi xuống trên bờ sông, vốc từng vốc nước mát lạnh khóa vào mặt mũi. Trong phút giây đó, niềm hoan lạc lên tiếng, hay nước sông Lam là thứ nước biết réo gọi mù khơi trí nhớ ủa về hòa điệu cùng cơn gió xuân phơn phớt lạnh, để tôi hào sảng ngâm tràn câu thơ người xưa, như hàm dưỡng âm vang dòng sông vang dội mãi tiếng thơ bất tuyệt!

Nhất phiến hàn thanh tống cổ kim!

Vâng, tiếng sóng lạnh nghìn thu vẫn ngày ngày tiễn đưa kim cổ! ■

Chú thích:

(1) Trích thơ Ưc Trai trong *Nguyễn Trãi toàn tập*.

(2) Các tập thơ Nguyễn Du được trích dẫn.

VỀ một Giáo hội hưng thịnh

THIỆN TRÍ



Thế nào là một giáo hội hưng thịnh?

Một thời, Đức Thế Tôn hoan hỷ nhìn chúng Tỳ-kheo và nói lên lời tán thán:

“Hội chúng này, này các Tỳ-kheo, không có lời thừa thãi. Hội chúng này, này các Tỳ-kheo, không có lời dư thừa, đã được an trú trong lời cây thanh tịnh. Chúng Tỳ-kheo như thế này, này các Tỳ-kheo, hội chúng như thế này, này các Tỳ-kheo là một hội chúng đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời. Chúng Tỳ-kheo như thế này, này các Tỳ-kheo, hội chúng như thế

này, này các Tỳ-kheo, là một hội chúng bố thí ít, được (phước báo) nhiều, bố thí nhiều, càng được (phước báo) nhiều hơn nữa. Chúng Tỳ-kheo như thế này, này các Tỳ-kheo, hội chúng như thế này, này các Tỳ-kheo, là một hội chúng khó thấy ở đời. Chúng Tỳ-kheo như thế này, này các Tỳ-kheo, hội chúng như thế này, này các Tỳ-kheo, là một hội chúng xứng đáng đi nhiều do-tuần với một bao lương thực trên vai để được yết kiến. Chúng Tỳ-kheo này là như vậy, này các Tỳ-kheo; hội chúng này là như vậy, này các Tỳ-kheo.

Này các Tỳ-kheo, trong chúng Tỳ-kheo này, có những Tỳ-kheo là những A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn trừ, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, mục đích đã thành đạt, hữu kiết sử đã được đoạn tận, được giải thoát nhờ chánh trí. Này các Tỳ-kheo, có những bậc Tỳ-kheo như vậy trong chúng Tỳ-kheo này. Này các Tỳ-kheo, trong chúng Tỳ-kheo này, có những Tỳ-kheo đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, ở đây được nhập Niết-bàn, không còn phải trở lại đời này nữa. Các bậc Tỳ-kheo như vậy, này các Tỳ-kheo, có mặt trong chúng Tỳ-kheo này. Này các Tỳ-kheo, trong chúng Tỳ-kheo này, này có những Tỳ-kheo đã đoạn trừ ba kiết sử, đã làm cho muội lược tham, sân, si, là bậc Nhất lai, sau khi sanh vào đời này một lần nữa, sẽ đoạn tận khổ đau. Các bậc Tỳ-kheo như vậy, này các Tỳ-kheo, có mặt trong chúng Tỳ-kheo này. Này các Tỳ-kheo, trong chúng Tỳ-kheo này, có những Tỳ-kheo đã đoạn trừ ba kiết sử, là bậc Dự lưu, không còn đọa vào ác đạo, chắc chắn sẽ được giác ngộ. Các bậc Tỳ-kheo như vậy, này các Tỳ-kheo, có mặt trong chúng Tỳ-kheo này.

Này các Tỳ-kheo, trong chúng Tỳ-kheo này, có những Tỳ-kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm tu tập bốn niệm xứ. Các bậc Tỳ-kheo như vậy, này các Tỳ-kheo, có mặt trong chúng Tỳ-kheo này. Này các Tỳ-kheo, trong chúng Tỳ-kheo này, có những Tỳ-kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm tu tập bốn chánh căn. Các bậc Tỳ-kheo như vậy, này các Tỳ-kheo, có mặt trong chúng Tỳ-kheo này. Này các Tỳ-kheo, trong chúng Tỳ-kheo này, có những Tỳ-kheo, sống chuyên tâm, chú tâm tu tập bốn như ý túc. Các bậc Tỳ-kheo như vậy, này các Tỳ-kheo, có mặt trong chúng Tỳ-kheo này. Này các Tỳ-kheo, trong chúng Tỳ-kheo này, có những Tỳ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm tu tập năm căn. Các bậc Tỳ-kheo như vậy, này

các Tỳ-kheo, có mặt trong chúng Tỳ-kheo này. Đây các Tỳ-kheo, trong chúng Tỳ-kheo này, có những Tỳ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm tu tập năm lục. Các bậc Tỳ-kheo như vậy, đây các Tỳ-kheo, có mặt trong chúng Tỳ-kheo này. Đây các Tỳ-kheo, trong chúng Tỳ-kheo này, có những Tỳ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm tu tập bảy giác chi. Các bậc Tỳ-kheo như vậy, đây các Tỳ-kheo, có mặt trong chúng Tỳ-kheo này. Đây các Tỳ-kheo, trong chúng Tỳ-kheo này, có những Tỳ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm tu tập Thánh đạo tám ngành. Các bậc Tỳ-kheo như vậy, đây các Tỳ-kheo, có mặt trong chúng Tỳ-kheo này¹.

Trên đây là nhận xét của Đức Phật về thực trạng Tăng-già Tỳ-kheo dưới sự hướng dẫn và giáo huấn trực tiếp của Ngài, một hội chúng hưng thịnh bao gồm các bậc giác ngộ (A-la-hán) và những người tha thiết với lý tưởng giác ngộ, xứng đáng là chỗ nương tựa tu học cho nhiều người, là phước điền vô thượng ở đời. Một Tăng-già hưng thịnh như vậy có những đặc điểm gì và được xây dựng như thế nào?

Theo lời dạy của Bạc Giác ngộ thì một Tăng-già đạt đến hưng thịnh như vậy được gọi là hội chúng thâm sâu; hội chúng hòa hợp; hội chúng thù thắng; hội chúng bậc Thánh; hội chúng tinh ba; hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương; hội chúng tôn trọng diệu pháp, không tôn trọng tài vật; hội chúng đồng đẳng; hội chúng thuyết đúng pháp. Sau đây là sự cắt nghĩa của Đức Thế Tôn về các đặc điểm của một giáo hội hưng thịnh:

“Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hội chúng thâm sâu?”

Ở đây, này các Tỳ-kheo, tại hội chúng nào có các Tỳ-kheo không tháo động, không kiêu căng, không dao động, không lấm mồm lấm miệng, không lấm lời, không thất niệm, tỉnh giác, có định tĩnh, có nhất tâm, các căn được bảo vệ. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là hội chúng thâm sâu.

“Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hội chúng hòa hợp?”

Ở đây, này các Tỳ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỳ-kheo hòa hợp, hòa kính, không có đấu tranh, hòa hợp như sữa với nước, sống nhìn nhau với cặp mắt từ ái. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là hội chúng hòa hợp.

“Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hội chúng thù thắng?”

Ở đây, này các Tỳ-kheo, tại hội chúng nào, các Trưởng lão Tỳ-kheo không sống trong đầy đủ, không biếng nhác, từ bỏ gánh nặng đọa lạc, dẫn đầu trong đời sống viễn ly, có gia súc tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ. Còn lớp hậu nhân, tùy thuận sở kiến của họ, không sống trong sự đầy đủ, không biếng nhác, từ bỏ gánh nặng đọa lạc, dẫn đầu trong đời sống viễn ly, có gia súc tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là hội chúng thù thắng.

“Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hội chúng bậc Thánh?”

Ở đây, này các Tỳ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỳ-kheo như thật rõ biết: “Đây là Khổ”; như thật rõ biết: “Đây là

Khổ tập”; như thật rõ biết: “Đây là Khổ diệt”; như thật rõ biết: “Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt”. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là hội chúng bậc Thánh.

“Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hội chúng tinh ba?”

Ở đây, này các Tỳ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỳ-kheo không đi đến con đường dục, không đi đến con đường sân, không đi đến con đường si, không đi đến con đường sợ hãi. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là hội chúng tinh ba.

“Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương?”

Ở đây, này các Tỳ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỳ-kheo, đối với các kinh điển thì văn do các thi sĩ làm ra, với các nguyên âm hoa mỹ, với các phụ âm hoa mỹ, các kinh thuộc ngoại giáo, được các đệ tử ngoại giáo nói lên; khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ không khéo nghe, họ không lắng tai, họ không an trú tâm để hiểu biết chúng, họ không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng. Nhưng đối với các kinh điển do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa sâu kín, siêu thế, liên hệ đến không; khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ khéo nghe, họ lắng tai, họ an trú tâm để hiểu biết chúng, họ nghĩ rằng các pháp ấy cần phải được lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng. Và sau khi học thuộc lòng các pháp ấy, họ hỏi đi hỏi lại cùng nhau, họ mở rộng ra để thảo luận với những câu hỏi như sau: “Cái này là gì? Thế nào là ý nghĩa của cái này?”. Họ mở rộng những gì được che kín, họ phơi bày những gì không được phơi bày, họ giải nghi về các điểm nghi vấn trong Chánh pháp. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương.

“Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hội chúng tôn trọng diệu pháp, không tôn trọng tài vật?”

Ở đây, này các Tỳ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỳ-kheo trước mặt các gia chủ bận áo trắng, không tự tán thán lẫn nhau như sau: “Tỳ-kheo này là bậc Giải thoát cả hai phần, Tỳ-kheo này là bậc Tuệ giải thoát, Tỳ-kheo này là bậc Thân chứng, Tỳ-kheo này là bậc Kiến chí, Tỳ-kheo này là bậc Tín giải thoát, Tỳ-kheo này là bậc Tùy pháp hành, Tỳ-kheo này là bậc Tùy tín hành, Tỳ-kheo này là bậc có Giới hạnh, theo Thiện pháp, Tỳ-kheo này là kẻ Ác giới, theo Ác pháp”. Do vậy, họ được các lợi dưỡng. Họ thọ hưởng các lợi dưỡng ấy, không bị trói buộc, mê say, đắm trước, thấy các sự nguy hại, hiểu rõ sự giải thoát khỏi các lợi dưỡng ấy. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là hội chúng tôn trọng diệu pháp, không tôn trọng tài vật.

“Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hội chúng đồng đẳng?”

Ở đây, này các Tỳ-kheo, tại hội chúng nào, nghiệp đúng pháp được thi hành, nghiệp phi pháp không được thi hành, nghiệp đúng luật được thi hành, nghiệp phi luật không được thi hành, nghiệp đúng pháp được phát huy, nghiệp phi pháp không được phát huy, nghiệp đúng luật được phát huy, nghiệp phi luật không được phát huy. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là hội chúng đồng đẳng.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hội chúng thuyết đúng pháp?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỳ-kheo khởi lên sự tránh tụng hợp pháp hay phi pháp. Sau khi khởi lên sự tránh tụng ấy, họ tin cho nhau biết và tìm cách tin cho nhau biết. Họ hòa giải với nhau và tìm cách đi đến hòa giải. Họ cương quyết tin cho nhau biết, họ cương quyết hòa giải với nhau, họ từ bỏ tránh tụng ấy, họ không kiên trì tránh tụng ấy, không chấp thủ, không thiên chấp và không tuyên bố: 'Chỉ có đây là sự thật, ngoài ra là hư ngụy'. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hội chúng thuyết đúng pháp².

Như vậy, một Tăng-già được xem là hưng thịnh khi nào Tăng-già ấy có mặt các bậc giác ngộ và những người tha thiết với lý tưởng giác ngộ, thể hiện đầy đủ các đặc điểm của một Tăng-già đã đạt đến địa vị cao quý, nghĩa là khéo huấn luyện, thâm sâu, hòa hợp, thù thắng, tinh ba, tôn trọng diệu pháp, đồng đẳng, thuyết đúng pháp. Nói cách khác, đó là một giáo hội mà thành viên trong đó bao gồm các bậc Thánh và những vị đang nỗ lực hướng đến địa vị Thánh giả, những con người được khéo huấn luyện, khéo nhiếp phục bởi Bát Thánh đạo hay giáo pháp Giới-Định-Tuệ, tâm thức đã đạt đến chỗ tinh luyện, thâm sâu, thù thắng, sống hòa hợp với nhau như nước với sữa, không tranh chấp, không tranh luận, tuy khác thân nhưng đồng một tâm, tức có chung một chí hướng và cứu cánh là nỗ lực nhiếp phục tự nội, tận diệt tham-sân-si để đạt đến vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đó là một tập thể hoàn bị nhất về phương diện nhân phẩm, bao gồm những con người hoàn thiện về giới đức, tâm đức và tuệ đức hiện hữu bên cạnh những người khao khát sự hoàn thiện, được thiết lập vì mục đích hoàn thiện con người, khuyến khích sự hoàn thiện, lấy sự hoàn thiện con người làm mục tiêu nỗ lực.

Rõ ràng, với một tập thể gồm những người có phẩm hạnh cao quý và có chí nguyện tu học lớn lao như vậy thì tập thể ấy chắc chắn đạt đến hưng thịnh và hòa hợp, không vì lý do gì mà trở nên suy yếu hay chia rẽ. Mọi tranh chấp và chia rẽ chỉ xảy ra khi tâm thức con người không được tu tập, không được nhiếp phục, rơi vào dục vọng, không thanh tịnh, không hướng thượng, không tìm thấy mục đích nào cao quý hơn ngoài các mục tiêu danh vọng và lợi dưỡng thường tình thuộc thế gian. Nhưng những người có tâm tu tập đạt đến tầng thượng, có trí tuệ thấy rõ sự nguy hại và hạ liệt của dục vọng, thì không còn ham thích dục lạc, không rơi vào tranh chấp, không bị chi phối hay trói buộc bởi các ham muốn thế gian. Kinh Pháp Cú nói rằng đệ tử của các bậc Chánh giác không tìm cầu dục lạc thuộc nhân loại hay thuộc chư Thiên; chỉ ưa thích ái diệt, tức Niết-bàn tịch tịnh, vắng bật tham-sân-si³. Trong một văn cảnh khác, người xuất gia được mô tả là có tâm tư siêu trần thoát tục, không còn ham thích chốn tù túng thế gian; giống như con ngỗng trời dễ dàng rời bỏ chốn ao hồ tù đọng

để tự do đi lại giữa vùng trời rộng lớn vậy⁴. Nói khác đi, khi con người ta đã tìm thấy nhiều mục tiêu khác lớn lao và thù thắng hơn các mục tiêu thường tình thuộc nhân thế (chỉ cho sự thực nghiệm các Thiện chứng và tuệ giác giải thoát nhờ hành sâu Thiện định mà kinh Phật gọi là các pháp thượng nhân - các pháp tịnh lạc siêu việt loài người -, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh) thì không có gì giữa cuộc đời này có thể mê hoặc hay khuấy động được tâm thức người ấy. Đây là đặc điểm quan trọng nói rõ sự hưng thịnh và hòa hợp của Tăng-già, tức chư Tăng có tâm tu tập đạt đến tầng thượng, có kinh nghiệm nội chứng thanh tịnh, siêu việt, vượt lên trên mọi tư niệm danh lợi thế gian, tha thiết hướng về cứu cánh Niết-bàn - sự dập tắt hoàn toàn tham-sân-si, cội gốc của mọi mê chấp khổ đau. Chính tâm thức ấy khiến mỗi thành viên của Tăng-già đều ý thức rõ và nỗ lực phát triển tạo ra sự thanh tịnh và hòa hợp tập thể, vì đó là cái tâm có chung chí hướng và mục tiêu duy nhất, tức nỗ lực nhiếp phục tự nội, dứt trừ tham-sân-si, chứng đắc Niết-bàn tịch tịnh. Vua Pasenadi từng nêu nhận xét về thành quả nhiếp tâm tu học của các Tỳ-kheo tạo nên không khí thanh tịnh hòa hợp của Tăng-già:

"Bạch Thế Tôn, con đi du hành tản bộ từ công viên này đến công viên khác, từ cung uyển này đến cung uyển khác. Ở đấy, con thấy một số Sa-môn, Bà-la-môn gây mòn, khốn khổ, da xấu, bạc nhược, tay chân gân nổi, hình như không có gì đẹp mắt để người ta nhìn. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: 'Thật sự các bậc Tôn giả này sống Phạm hạnh không được hoan hỷ hay có những ác nghiệp được giấu kín. Do vậy, các vị Tôn giả này mới gây mòn, khốn khổ, da xấu, bạc nhược, tay chân gân nổi, hình như không có gì đẹp mắt để người ta nhìn'. Còn ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các Tỳ-kheo hân hoan, phấn khởi, hỷ lạc, các căn thoải mái, không dao động, bình tĩnh, sống dựa vào sự hỷ cúng của người khác, với tâm tư như con thú rừng. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: 'Thật sự các bậc Tôn giả này ý thức được một sự tối thắng thù diệu nào trong giáo lý Thế Tôn, một sự thành đạt tuần tự nên các bậc Tôn giả này hân hoan, phấn khởi, hỷ lạc, các căn thoải mái, không dao động, bình tĩnh, sống dựa vào sự hỷ cúng của người khác, với tâm tư như con thú rừng'.

Lại nữa bạch Thế Tôn, vua chúa cãi lộn với vua chúa, Sát-đế-ly cãi lộn với Sát-đế-ly, Bà-la-môn cãi lộn với Bà-la-môn, gia chủ cãi lộn với gia chủ, mẹ cãi lộn với con, con cãi lộn với mẹ, cha cãi lộn với con, con cãi lộn với cha, anh em cãi lộn với anh em, anh em cãi lộn với chị em, chị em cãi lộn với anh em, bạn bè cãi lộn với bạn bè. Còn ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các Tỳ-kheo sống với nhau thuận hòa, thân hữu, không cãi lộn nhau, hòa hợp như nước với sữa, nhìn nhau với cặp mắt ái kính. Bạch Thế Tôn, con không thấy ngoài đây ra, có một Phạm hạnh nào khác viên mãn, thanh tịnh như vậy.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, con là một vị vua Sát-đế-ly, đã làm lễ quán đảnh, có thể hành quyết những ai đáng bị

hành quyết, gia phạt những ai đáng bị gia phạt, trục xuất những ai đáng bị trục xuất. Nhưng bạch Thế Tôn, khi con ngồi xử kiện, có người đôi khi nói ngắt lời của con. Và con không có dịp để nói: 'Này quý vị, chớ có ngắt lời nói của ta, khi ta đang ngồi xử kiện. Quý vị hãy chờ cho đến khi ta nói xong'. Bạch Thế Tôn, thế mà có người vẫn ngắt lời nói của con. Còn ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các Tỷ-kheo, trong khi Thế Tôn thuyết pháp cho đồ chúng hàng trăm người, trong khi ấy không có một tiếng nháy mũi hay tiếng ho khởi lên. Bạch Thế Tôn, thuở xưa, trong khi Thế Tôn thuyết pháp cho đồ chúng hàng trăm người, có người đệ tử Thế Tôn ho lên. Một đồng Phạm hạnh khẽ đập vào đầu gối và nói: 'Tôn giả hãy im lặng, Tôn giả chớ có làm ồn. Thế Tôn, bậc Đạo Sư của chúng ta đang thuyết pháp'. Bạch Thế Tôn, con khởi lên ý nghĩ như sau: 'Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Thánh chúng này thật khéo được huấn luyện, không gậy, không kiếm. Bạch Thế Tôn, con không thấy ngoài đồ chúng này có một đồ chúng nào khác được khéo huấn luyện như đồ chúng này'".⁵

Du sĩ Vacchagotta thì cho rằng các đệ tử xuất gia và tại gia của Sa-môn Gotama có chung mục đích là Niết-bàn, sự dập tắt hoàn toàn tham-sân-si, và họ sống hòa hợp với nhau trong tâm niệm nỗ lực "cần cầu vô thượng an ổn khỏi các khổ ách" cho đến khi cùng hòa nhập Niết-bàn:

"Tựa như sông Hằng (Ganga) hướng về biển cả, chảy về biển cả, xuôi dòng về biển cả, liền đứng lại khi xúc chạm với biển cả; cũng vậy hội chúng này của Sa-môn Gotama, gồm có cư sĩ và xuất gia, hướng về Niết-bàn, chảy về Niết-bàn, xuôi dòng về Niết-bàn, đứng lại khi xúc chạm với Niết-bàn"⁶.

Nhìn chung, Đức Phật đã từng xây dựng được một Tăng-già thanh tịnh hòa hợp, bao gồm những thành viên cao quý, xứng đáng với lời tán thán của mọi người:

"Diệu hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Trục hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Như lý hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Chánh hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị". Chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời"⁸.

Hẳn nhiên, một Tăng-già hay giáo hội có các đặc điểm cao quý như vậy luôn luôn là lý tưởng để cho mọi tổ chức Phật giáo trên thế giới nhắm đến nhằm hoàn thiện chính mình. Vì đó là một xã hội tinh tảo và trong sạch nhất trên thế gian, nơi hội tụ và sản sinh ra những con người Thánh thiện (Ariya), những bậc chân nhân (sappurisa), những người đã dứt sạch hoặc đang nỗ lực dứt trừ tham-sân-si, gốc rễ của mọi phiền toái khổ đau xảy ra trên cuộc đời; là biểu tượng hiện thực cao quý về sự hoàn thiện con người, hoàn thiện xã hội, xứng đáng cho mọi người nỗ lực học tập và noi gương. ■

Chú thích:

1. Kinh Nhập tức xuất tức niệm, *Trung Bộ*.
2. Kinh số 1-10, Phẩm Hội chúng, *Tăng Chi Bộ*.
3. *Kinh Pháp Cú*, kệ số 187.
4. *Kinh Pháp Cú*, kệ số 91.
5. Kinh Pháp trang nghiêm, *Trung Bộ*.
6. Đại kinh Vacchagotta, *Trung Bộ*.
7. Bốn đôi: 1. A-la-hán và A-la-hán đạo, 2. Bất lai và Bất lai đạo, 3. Nhất lai và nhất lai đạo, 4. Dự lưu và Dự lưu đạo; tám vị gồm: 1. Các bậc A-la-hán, 2. Những vị đang trên đường hướng đến quả vị A-la-hán, 3. Các vị Bất lai, 4. Những người đang trên đường hướng đến quả vị Bất lai, 5. Các vị Nhất lai, 6. Những người đang trên đường hướng đến quả vị Nhất lai, 7. Các vị Dự lưu, 8. Những vị đang trên đường hướng đến quả vị Dự lưu.
8. Kinh Ví dụ tám vãi, *Trung Bộ*.





Hành hương về chùa Hương ngày cuối năm

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Mùa xuân là mùa trẩy hội chùa Hương. Bao nhiêu năm nay, hàng triệu người con nước Nam đều hương về chùa Hương mỗi khi xuân sang. Đầu năm đi chùa lễ Phật là một truyền thống quý giá mà chúng ta ai cũng nhớ, cũng làm. Xuân đến không để lại dấu vết, chỉ có những người con Phật đến với chùa Hương và luôn lưu luyến nơi đây.

Ấy vậy mà chúng tôi lại chọn cho mình một cách riêng: hành hương về chùa Hương ngày cuối năm. Hương Sơn non non nước nước mây mây vào những ngày cuối năm khác lắm, lạ lắm.

Mười hai thầy trò chúng tôi thuộc tòa soạn Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo và Công ty sách Thái Hà ngồi trên thuyền dọc theo suối Yến mà cứ ngỡ là mơ. Không gian yên tĩnh đến lạ kỳ. Nước suối trong veo, tĩnh lặng. Sự yên tĩnh của chiều đông Hà Nội làm cho tâm chúng tôi lắng xuống, lắng sâu hòa quyện vào đất trời linh thiêng của đất mẹ hiền Quán Thế Âm. Hình như chúng tôi đang nhận được tình yêu thương của mẹ. Của đất. Của nước. Của núi. Của rừng. Của không gian bao la. Của muôn vàn vật bao quanh nơi chốn thiêng này.

Ngồi trên thuyền dọc suối Yến chúng tôi như tìm lại được chính mình, như trở về với bản tâm của mình đã bị quên lãng bao năm tháng theo thời gian. Ngắm cây, ngắm hoa, ngắm trời xanh trong thời tiết mát dịu làm ai cũng thấy thoải mái. Người Bắc kẻ Nam hòa quyện làm một. Tình thầy trò lắng sâu theo tiếng nước dạt dào.

Mùa đông ở chùa Hương không có sự ồn ào náo nhiệt, không có hàng quán và những lời mời chào. Chúng tôi lặng lẽ bước những bước nhẹ nhàng tiến vào chùa Thiên Trù. Cảnh quan như chào đón tâm hồn

chúng tôi. Đệ nhất động như dành toàn bộ sinh khí ra chào đón chúng tôi.

Thượng tọa Thích Minh Hiền đợi sẵn. Những câu chuyện bên ấm trà làm chúng tôi gần nhau đến lạ. Tôi quý nhất là sự ân cần thăm hỏi của Thượng tọa. Có những "của ngon vật lạ" nào Thầy cho mang ra chiêu đãi hết. Từ bánh kẹo đến trái cây và trà thơm. Cái tình người có lẽ là quý hơn cả. Tôi giật mình: hẳn tính cách quán sát hay nghe, thấy tất cả mọi tâm tư của chúng sinh đã ngấm sâu vào bậc thầy đáng kính đang trụ trì nơi đây để thầy có tấm lòng rộng mở và tràn đầy yêu thương đến vậy. Cách ứng xử rất gần gũi và nhiệt thành của Thượng tọa Thích Minh Hiền làm tôi bồi ngùi nhớ về người thầy tâm linh đầu tiên của tôi - cố Hòa thượng Thích Viên Thành. Tôi nhớ về thầy như nhớ về tâm từ bi hoàn mãn, tình yêu thương lớn lao khó tả nên lời mà Thầy đã dành cho chúng tôi những ngày xưa.

Thượng tọa Thích Minh Hiền vào vai hướng dẫn viên đưa chúng tôi thăm cảnh chùa. Thầy chỉ dẫn và phân tích cho chúng tôi nghe ý nghĩa của từng chữ trong từng câu đối có rất nhiều ở khắp nơi trong và ngoài chùa. Có lẽ những bài học quý giá nhất mà tôi học được của ngày hôm nay là những ý nghĩa sâu xa của từng từ từng chữ. Tôi ngồi ngẫm rất lâu chữ PHẬT mà chính tay Thượng tọa đã viết và làm thành bức thư pháp rất đẹp, rất đặc biệt.

Chúng tôi bất ngờ khi Thượng tọa nhẹ nhàng bước đến và thỉnh một hồi trống dài. Chưa bao giờ tôi nghe thấy ai thỉnh trống hay và oai hùng đến vậy. Tiếng trống rất hùng dũng và tràn ngập năng lượng. Tiếng trống vừa đầy yêu thương lại như tiếng sư tử hống, vừa gần gũi mà lại như tiếng vọng từ nơi xa xăm, thậm chí từ ngàn xưa vọng về. Anh Nhật cũng tâm sự với tôi rằng chưa bao giờ nghe được tiếng trống có sự thôi thúc đến vậy.

Đêm nay chúng tôi có một trải nghiệm thú vị: thức đêm để bàn chuyện đạo chuyện đời. Thật bình an và lắng đọng. Tôi nhận ra rất rõ rằng có một sự bình an lạ kỳ đang lan tỏa quanh chúng tôi. Càng về đêm càng tĩnh mịch và tình người giữa chốn núi rừng càng như sâu lắng hơn.

Không có con đường dẫn đến hạnh phúc. Hạnh phúc chính là con đường. There is no way to Happiness. Happiness is the way. Cả quá trình chúng tôi bên nhau từ khi bước chân lên thuyền dọc theo suối Yến đến giờ phút này luôn tràn ngập hạnh phúc.

Tôi lắng nghe Thượng tọa Thích Minh Hiền kể về chuyến đi Bhutan mới đây. Tôi lắng nghe mà như thấy mình đang có mặt tại quốc gia duy nhất trên thế giới có Gross National Happiness - GNH. Tôi như đang hòa cùng những người dân của xứ sở đặt hạnh phúc là mục tiêu tối thượng của mỗi cá nhân và của cả quốc gia.

Chúng tôi bàn về hạnh phúc và bình an, về tình yêu thương và trí tuệ. Tôi thì chỉ có mong muốn làm sao đạo Phật đến được thật nhanh tới giới lãnh đạo, doanh nhân và sinh viên. Giới doanh nghiệp gần đây cũng đã bắt đầu muốn đo lường sự phát triển bằng chỉ số hạnh phúc. Ít nhất đó là mong muốn của rất nhiều bạn bè và học trò của tôi.

Đêm nay chúng tôi ngủ chỉ có hai tiếng. Sớm mai Hương Sơn đón chúng tôi bằng không khí mát lạnh đến lạ kỳ. Chúng tôi nhẹ bước dưới những tán cây, dưới bầu trời mùa đông rất mát. Tiếng chim hót sáng nay hay đến lạ kỳ. Tự nhiên tôi nhớ đến kinh *Vô Lượng Thọ* và cảm nhận rằng những chú chim đang hót nơi đây chính là tiếng của loài chim do Đức Quán Thế Âm Bồ-tát biến hóa ra và là những bài pháp diệu kỳ nhất mà chúng tôi may mắn được thưởng thức.

Những bước chân dạo trên con đường cạnh suối Yến sớm mai thanh thản vô cùng. Hoa súng trên suối Yến rất nhiều và rất rực rỡ. Các bạn thi nhau chụp hình. Tôi thì ngồi yên ngắm suối ngắm cây ngắm rừng. Nước tĩnh lặng chiếu. Xa xa thình thoảng mới có một con thuyền nhẹ nhàng lướt trên sông. Mùa này khách hành hương vắng lắm.

Ấn tượng sáng nay là bữa trà dưới cội bồ-đề. Trong sân chùa Thiên Trù có một cội bồ-đề khá lớn. Chúng tôi pha ấm trà và ngồi đó bên nhau thưởng thức. Chắc bạn khó có thể tưởng tượng ra không gian tĩnh lặng giữa chốn sơn môn và ấm trà nóng giữa mùa đông. Tĩnh bằng hữu Bắc Nam tràn dâng trong những chén trà. Hương trà tỏa ra thơm ngát làm tôi ngỡ như đây là hương từ bi, hương của trí tuệ ngàn năm thoang thoảng và phảng phất quanh chúng tôi.

Thượng tọa Thích Minh Hiền lại xuất hiện. Thấy dẫn chúng tôi đi thăm các ngôi tháp và phân tích về ý nghĩa của từng từ từng chữ, từng chi tiết. Đến đây tôi thật sự nhận ra rằng mình chẳng biết gì cả. Đến đây bao lần mà hầu như mình vô tâm không để ý, chẳng hiểu ý nghĩa của những gì hiện diện nơi đây. Hóa ra chỉ riêng ở đây thôi, nếu được hướng dẫn hoặc tự quán sát sâu sắc ta sẽ thấy vô vàn bài pháp rất ý nghĩa. Một cảm giác hạnh phúc kỳ lạ lan tỏa trong tôi.

Chợt giật mình. Hạnh phúc quá giản đơn. Hạnh phúc rất dễ có. Bất cứ ai cũng có quyền và có thể có hạnh phúc, được hưởng và thưởng thức hạnh phúc. Muốn hạnh phúc con người cần làm chủ thân tâm của mình. Sự đồng cảm vị tha đang kết nối chúng tôi để tất cả cùng có hạnh phúc. Hạnh phúc là nhân chứ không phải là quả. Chúng tôi đang hạnh phúc có nghĩa là chúng tôi đang giàu có hơn. Giàu có về cả vật chất lẫn tinh thần.

Buổi chiều chúng tôi lên động Hương Tích. Có những thành viên lần đầu tiên đến đây nên rất hồi hộp. Đây là cơ hội chúng tôi thực sự quay về với chính mình, nhìn sâu vào bên trong, dành thời gian lắng nghe tâm mình. Không khí và phong cảnh trong động rất khác lạ. Càng lắng nghe chính mình chúng tôi càng thấy tình yêu thương lớn hơn, lớn đến mức yêu thương vô cùng từng trụ đá, từng gốc cây, từng bậc thang, từng bước chân. Hình như cả thế giới này, cả vũ trụ này đang lắng nghe chúng tôi, yêu thương chúng tôi. Chúng tôi như đang kết nối bản thân mình với vũ trụ mệnh mông.

Chốn Hương Sơn ngày đông cuối năm không hàng quán, không túi ny-lông, không có rác. Môi trường thật sạch và thật tuyệt. Tôi chợt mơ về mùa xuân tới, khi hàng vạn người ủa về trụ hội chùa Hương mà cũng sẽ sạch rác thế này. Nếu đánh mất môi trường sinh quyển liệu sự sống có tồn tại?

Chiều nay Thượng tọa Thích Minh Hiền lại đích thân dẫn chúng tôi tham quan tàng kinh viện. Một không gian tuyệt vời với bao bộ kinh quý. Rồi chúng tôi ngắm các bức ảnh chụp những ngôi chùa, những bức tượng Phật, những không gian tràn ngập tính giáo dục. Chợt giật mình nhớ lại câu nói của người xưa: "Muốn xây dựng đất nước, trước hết phải phát triển giáo dục. Muốn trị nước, phải trọng dụng hiền tài". Đúng thế, Phật giáo muốn phát triển về lượng và chất cần phải phát triển giáo dục và trọng dụng người có tài đức, chân tu thật học, có tâm nguyện phụng sự, cống hiến.

Hiện nay có khóa học dành cho cả tu sĩ và cư sĩ tại chùa Hương. Quý thầy từ Bhutan đang giảng bài. Nhìn qua khe cửa thấy những người con Phật chăm chú và thành tâm học tập mà tôi thấy vui vô cùng. Rồi đây những hạt giống quý giá này sẽ góp phần mang Phật pháp lan tỏa đến muôn phương.

Chúng tôi rời chùa Hương trong tâm trạng quuyến luyến rất lạ. Vạn hữu làm nên một vùng non xanh nước biếc đẹp đến thế này. Phong cảnh chùa Hương đẹp lắm nhưng tình thầy trò, tình người ở nơi đây mới thật sự đẹp hơn nhiều. Chúng tôi như nạp năng lượng cho mình để chuẩn bị đón chào năm mới. Tôi biết rằng năm mới sẽ có rất nhiều cái mới bởi chúng tôi đã được tự đổi mới, được giác ngộ trong chuyến đi đặc biệt này.

Tự nhiên tôi muốn quay lại chùa Hương. Nhưng có một mong muốn là về chùa Hương ngày cuối năm. Và tôi đang mơ ước được nhìn được nghe Thượng tọa Thích Minh Hiền thỉnh trống nơi từng lâm Hương Tích. ■



Chào buổi sáng, thưa chú BỒ-tát!

BLANCHE HARTMAN
KHÁNH UYÊN dịch

Chỉ còn sống là đủ rồi

Năm 1989, tôi bị một cơn đau tim. Khi rời bệnh viện, tôi bước đi trong ánh nắng mặt trời và có được một nhận thức bất chợt, “Ồ! Tôi còn sống! Có thể tôi đã qua đời! Chao ôi! Những ngày còn lại của đời tôi đúng là một quà tặng!”. Và tôi nghĩ, “Coi kìa, mọi sự vẫn luôn như thế, ngay từ bắt đầu. Chẳng ai nợ tôi cuộc sống này. Cuộc sống này chỉ là điều tôi đã được ban tặng. Thật tuyệt”. Và ngay trong khoảnh khắc nhận ra điều ấy, tôi đã khám phá một cảm giác phong phú tuyệt vời là phải biết ơn về việc còn sống. Chỉ ngay lúc này, tại đây, mãi mãi như vậy. Tôi chẳng phải có bất kỳ một điều gì đặc biệt hơn việc biết rằng chỉ còn sống là đủ rồi.

Nhà thơ Emily Dickinson đã viết, “Sống là hết sức sung sướng về sự sống, đến nỗi chẳng có mấy thời giờ cho bất kỳ điều gì khác”. Giáo sĩ dòng Benedictine người Áo David Steindl Rast từng nói, “Điều ngạc nhiên lớn nhất là chẳng có gì hết cả, rằng chúng ta đang ở đây”. Triết gia người Bulgaria Omraam Mikhaël Aïvanhov cũng đã chia sẻ, “Cái ngày tôi đạt tới thói quen nói lên những lời cảm ơn một cách có ý thức, tôi có cảm tưởng mình

vừa sở hữu một cây dưa thần có khả năng chuyển hóa mọi sự”. Thực vậy, việc sống cái đời sống biết ơn này đã thực sự thay đổi cuộc sống của tôi. Tôi từng vừa hết sức ngoan cố vừa sẵn sàng chỉ trích bất kỳ ai không đồng quan điểm với tôi. Nay tôi đã nhận ra rằng cuộc sống của tôi tùy thuộc vào tất cả những sự sống có mặt quanh tôi. Tất cả chúng ta đều nâng đỡ lẫn nhau. Không một ai trong chúng ta có thể hoàn toàn tự thân mình chăm sóc cho chính mình. Cho nên chúng ta hoàn toàn gắn bó với nhau và phụ thuộc lẫn nhau. Cuộc đời của chúng ta phụ thuộc vào nhau. Và khi ta bắt đầu nhận thức điều đó, chúng ta chẳng thể làm gì khác hơn là có lòng biết ơn.

Trách nhiệm đối với quà tặng cuộc sống

Cùng đến với quà tặng cuộc sống ấy là một số trách nhiệm về việc nâng đỡ sự sống, việc tham dự vào công cuộc chăm sóc cho món quà thần kỳ của cuộc sống ấy trên quả đất này mà chúng ta đã được trao tặng. Và ngày nay đó là một điểm đặc biệt quan trọng trong lịch sử của chúng ta, khi chúng ta phát hiện rằng lối sống hiện

nay của chúng ta đang gây nguy hiểm cho sự tiếp nối sự sống. Chúng ta thấy rằng chúng ta phải thực hiện một số thay đổi trong cái cách chúng ta sử dụng nhiên liệu hóa thạch, bởi vì chúng ta đang bị nguy hiểm trong việc tự đầu độc mình và làm biến đổi khí hậu trên quả đất đủ để khiến quả đất không còn là nơi có thể nâng đỡ sự sống. Có một trách nhiệm đối với việc nhận được quà tặng của cuộc sống và đó là phải chăm sóc sự sống theo bất kỳ cách nào chúng ta làm được. Tôi đã được nghe ai đó phát biểu, “[Nhiệm vụ] của chúng ta không phải là việc sửa chữa toàn thể thế giới này ngay lập tức mà là mở rộng việc tu bổ từ từ từng phần của thế giới nằm trong phạm vi của ta”. Cho nên chúng ta cần tìm ra nơi nào ta có thể thực hiện bất kỳ hình thức đóng góp nào có thể để chăm sóc quả đất và tất cả những chúng sinh khác đang cùng chia sẻ quả đất với chúng ta.

Chào buổi sáng, thưa chư Bồ-tát!

Lời nguyện Bồ-tát hạnh của Đức Đạt-lai Lạt-ma như sau, “Hàng ngày, hãy nghĩ khi ta vừa thức giấc: Hôm nay, tôi may mắn nhận biết mình còn đang sống, tôi có một đời sống quý báu. Tôi nguyện không phí phạm đời sống này. Tôi nguyện sử dụng mọi năng lực để phát triển chính mình, để mở rộng quả tim tôi đến những người khác, để thành tựu sự giải thoát vì lợi ích của mọi chúng sinh. Tôi nguyện có những suy nghĩ tử tế về mọi người khác. Tôi nguyện không giận dữ và có suy nghĩ xấu về người khác. Tôi nguyện mang lại lợi ích cho người khác đến hết khả năng của mình”. Đây chính là lời nguyện thiết yếu thuộc Bồ-tát hạnh của tất cả chúng ta. Và đúng vậy, tất cả quý vị đều là những Bồ-tát. Đại sư Suzuki luôn luôn bắt đầu cuộc trò chuyện với lời chào, “Chào buổi sáng, thưa chư Bồ-tát”. Đó chính là lý do chúng ta có mặt ở đây, trở thành các chúng sinh tinh thức. Và các chúng sinh tinh thức là tinh thức về sự kết nối sâu xa mà chúng ta có với tất cả mọi sự vật, với tất cả mọi chúng sinh. Chúng ta cùng thuộc về một sự sống, và chúng ta cần chăm sóc sự sống đó để sự sống mãi mãi nối tiếp từ đời này sang đời khác.

Tất cả là Tình yêu và Niềm vui

Tôi nhận được một cuộc điện thoại cho biết một người bạn thân của mình đang hấp hối; đó là một người đã thọ giới với tôi cách đây vài năm khi tôi còn sống ở Green Gulch. Tôi sắp xếp với chồng của bà ấy để đến thăm và để trao giới cho bà một lần nữa. Một trong những điều đã từng rất có ích cho tôi liên quan đến vấn đề sống chết này – dù sao đi nữa, cũng là liên quan đến vấn đề cái chết của tôi – là việc gặp gỡ cái chết với sự tò mò lớn lao. Đó là điều gì vậy? Chúng ta không biết. Chúng ta không thể biết trước. Chúng ta có thể có mặt vì cái chết và phát hiện được cái bí mật lớn lao về sự sống và cái chết là gì chẳng? Khi đến thăm người bạn Jenny của tôi, tôi nói với bà ấy, “Xem nào, Jenny, có vẻ

như bạn sắp phát hiện được cái bí mật lớn lao này trước khi Pete và tôi có thể hiểu được”. Người bạn tôi vẫn nằm trên giường bệnh trong phòng, nhưng bà ấy nhay lên rồi đưa hai cánh tay ôm lấy cổ tôi và nói, “Blanche à! Tất cả là tình yêu và niềm vui!”. Điều đó diễn ra chưa đầy một tuần trước lúc bà ấy mất. Và vì thế, tôi xin cảm ơn bạn vì bài học ấy, Jenny. Tất cả là tình yêu và niềm vui. Có thể nào chúng ta cho phép điều đó diễn ra trong tâm ta khi chúng ta tìm hiểu niềm bí mật lớn lao ấy? Tôi biết rằng càng già tôi vẫn tưởng tượng xem tôi có thể nói được một điều như thế lúc lâm chung hay không, nhưng chắc chắn đó là điều tôi vẫn nói về việc tôi tiến gần đến giờ phút cuối của đời mình. Rằng tình yêu và niềm vui thực sự ở ngay đây và có sẵn cho chúng ta nếu chúng ta mở rộng cho những tình cảm ấy. Và tôi nghĩ về việc tự làm quen với những giáo lý của Phật giáo, đặc biệt là giáo lý về lòng từ đi đôi với sự giúp đỡ.

Tôi nhận được một thư điện tử của chồng Jenny khi bà ấy qua đời. Lúc người ta chúc ngủ ngon, bà ấy trả lời, “Tôi đang đến gặp sự bí mật”. Đó là những lời cuối bà ấy nói với chồng mình. Cho nên, tôi hiến quý vị dòng chữ sau, “Tôi muốn tràn đầy sự tò mò”, vì đó chính là sự nâng đỡ đối với tôi suốt nhiều năm liền.

Sống thế nào nếu ta đang chết dần

Tôi đã đến với sự hành trì vì tôi phát hiện rằng mình đang đến gần với cái chết – cá nhân tôi. Trước đó tôi chẳng bao giờ nghĩ đến cái chết, nhưng bấy giờ người bạn thân nhất của tôi, người cùng tuổi với tôi và cũng có những đứa con cùng tuổi với con tôi, một đêm bị đau đầu khi chúng tôi đang trò chuyện với nhau. Đó là một cơn đau đầu kịch liệt khiến bà ấy phải đến thăm bác sĩ vào sáng hôm sau. Bà ấy được chẩn đoán là có một khối u không thể điều trị. Sau đó bà bất tỉnh rồi chết. Trời ạ! Có thể tất cả chỉ kéo dài chừng một tháng kể từ cơn đau đầu tiên. Xem nào, điều đó cũng dễ dàng xảy ra cho tôi như đã xảy ra cho Pat. Ôi trời!, tôi đang chết dần. Nhưng ngay sau đó tôi lại nghĩ, “Ta sẽ sống thế nào nếu ta biết ta đang chết dần?”. Đó cũng là một món quà đến với tôi, rằng tôi đã nghĩ như vậy. Và tôi bắt đầu tìm kiếm người nào có thể dạy cho tôi biết tôi nên sống thế nào khi tôi biết tôi đang dần tiến đến cái chết. Và tôi thực sự biết mình đang chết. Thế thì tôi chỉ chia sẻ với các bạn Năm Điều Cần Phải Quán Sát Hàng Ngày trích từ Tuyền tập kinh *Tăng Chi* (chương Năm pháp, kinh số 57):

1. *Bản chất của tôi là trở nên già. Không có cách nào thoát khỏi việc trở nên già.*
2. *Bản chất của tôi là có bệnh. Chẳng có cách nào thoát khỏi việc có bệnh.*
3. *Bản chất của tôi là sẽ chết. Chẳng có cách nào thoát khỏi cái chết.*
4. *Tất cả những điều đó đều thân thiết với tôi; tất cả những gì tôi có và tôi yêu mến đều có bản chất biến đổi. Chẳng có cách nào thoát khỏi việc đánh mất chúng.*

5. Chỉ mọi hành động của tôi mới là tài sản thực của tôi. Tôi không thể nào thoát khỏi mọi hậu quả do những hành động của tôi mang lại. Mọi hành động của tôi chính là đất đứng chân của tôi.

Đối với tôi, dường như Năm Điều Cần Phải Quán Sát Hàng Ngày này chính là đầu mối cho việc bạn phải sống thế nào nếu bạn biết rằng bạn đang chết dần. Hãy chú ý đến cách sống của bạn. Hãy chú ý đến những hành động của bạn. Hành động của bạn có tử tế, hiền thiện không? Hành động của bạn có được nâng đỡ bởi khát vọng giúp ích tha nhân, mang lại lợi lạc cho các chúng sinh khác không? Hành động của bạn có tính ích kỷ hay có sự độ lượng, hào phóng? Bạn đang sống cái đời sống này như thế nào?

Sự yên nghỉ an lạc

Mỗi sáng tôi đều tụng một bài kinh hướng đến vị Bồ-tát của lòng từ để cầu cho sự bình phục của những vị đang bị bệnh trong Tăng đoàn của tôi cũng như tất cả những ai mà tôi biết là đang bệnh; và cũng là để cầu cho sự bình tĩnh vượt qua để rồi yên nghỉ trong an lạc của tất cả những ai mới qua đời. Thế nhưng, khi tôi tụng kinh cầu nguyện cho riêng người chồng quá vãng của tôi, tôi nhận thấy mình bị giằng xé giữa một bên là việc cầu nguyện về sự bình tĩnh vượt qua để rồi được yên nghỉ trong an lạc của một số người, còn một bên là việc tôn trọng khát vọng của những người mong muốn tái sinh để tiếp tục hạnh nguyện Bồ-tát của họ. Tôi không nắm chắc lắm về những điều này. Nhưng cái chết của chồng tôi đã khiến tôi phải suy nghĩ nhiều hơn về những lời cầu nguyện của tôi.

Khi tôi tụng kinh cầu nguyện cho chồng mình, trong tâm tôi xuất hiện vấn đề yên nghỉ trong an lạc và tái sinh. Chồng tôi hết sức chân thành đối với những lời nguyện Bồ-tát đạo của anh ấy về việc sẽ hành trì vì lợi ích của toàn thể chúng sinh.

Chồng tôi và tôi đã cùng nhau tìm học ở một vị thầy Tây Tạng, người đã tổ chức một cuộc hội thảo về các giấc mơ. Chồng tôi rất quan tâm đến những giấc mơ của mình và có cảm tưởng rằng những giấc mơ đều có ý nghĩa quan trọng. Trong cuộc hành trình đến và rời khỏi cuộc hội thảo, một lúc nào đó giữa lúc trò chuyện, chồng tôi đã bộc lộ một vài tư tưởng của anh ấy; và vị thầy, ngài Tarab Tulku Rinpoche, bảo, “Ồ, thế đấy; đó là vì kiếp trước ông đã từng là một tu sĩ”. Kể từ lúc ấy, chồng tôi rất chú tâm đến việc trở thành một tu sĩ – không phải là một giảng sư, một học giả, một chức sắc, mà chỉ là một tu sĩ. Có lẽ anh ấy muốn có được vô số kiếp sống của một tu sĩ cho đến khi những lời nguyện Bồ-tát về việc chấm dứt mọi đau khổ cho mọi chúng sinh không còn cần thiết nữa. Dù sao chăng nữa, tôi thật sự đánh giá cao những bình luận của ngài Shohaku Okumura trong tập sách *Realizing Genjokoan* (tạm dịch *Thực hiện công án Hiện Thành*) như sau:

Củ thì biến thành tro. Nhưng tro thì không thể biến thành củ được nữa. Tuy nhiên, chúng ta không nên có quan điểm rằng tro đến sau và củ đến trước. Chúng ta nên biết rằng củ ngụ tại vị thế của củ và có vị thế trước đó cũng như vị thế sau đó của chính nó. Mặc dù vị thế trước và vị thế sau có thật, nhưng quá khứ và tương lai vừa bị cắt đứt. Tro ngụ tại vị thế của tro với vị thế trước và vị thế sau của chính nó. Cũng như củ không bao giờ biến thành củ trở lại sau khi đã bị đốt thành tro, cũng sẽ không có sự trở lại với đời sống sau khi một người chết đi. Tuy nhiên, trong giáo lý của Đức Phật, có một truyền thống không thay đổi là không nói rằng sự sống trở thành cái chết. Cho nên, chúng ta nói rằng sự sống “không xuất hiện”. Đường lối vững chắc của việc chuyển bánh xe pháp của Đức Phật là không nói rằng cái chết biến thành sự sống. Cho nên, chúng ta nói rằng cái chết “không tàn lụi”. Sự sống là một vị thế trong thời gian. Cái chết cũng là một vị thế trong thời gian. Điều đó giống như là mùa xuân và mùa đông. Chúng ta không nghĩ rằng mùa đông trở thành mùa xuân. Và chúng ta cũng không bảo rằng mùa xuân trở thành mùa hè.

Sinh tử sự đại

Trong toàn thể giáo lý của Thiền sư Đạo Nguyên Hy Huyền, câu hỏi về sự sinh ra và chết đi, hay về cuộc sống và cái chết, được gọi là “vấn đề lớn”. Trên tám mộc bản được dùng để tập trung Tăng chúng vào thiền đường, chúng ta có trích dẫn một lời dạy thường được chư Tăng tại các tu viện Nhật Bản tụng đọc hàng đêm như sau: “Chuyện sinh tử là việc lớn. Mọi sự vô thường, chóng qua. Mỗi người đều hãy nhận biết! Chớ để đời này luống qua!”. Có một ý thức khẩn cấp về việc hiểu được sự sống và cái chết, và đó là điều mà Thiền sư Đạo Nguyên thường nhắc nhở. Lời chia tay thông thường ở người Nhật là “Hãy thận trọng về đại sự” (*Odaiji ni*), hàm ý hãy quan tâm đến việc lớn trong đời, việc sinh tử. Đó chính là điều chủ yếu trong giáo pháp của Phật giáo. Sinh tử được hiểu là tiến trình của sự sống; trong tiến trình ấy, chúng ta được sinh ra, sống cuộc sống của mình, rồi chết. Hai chữ sinh tử có thể được coi là tương đương với thuật ngữ luân hồi.

Sự thực hành là thực hành về sự sống và cái chết. Cuộc sống này là sự thực hành của chúng ta. Sự thực hành này là đời sống của chúng ta – vì tất cả là về sự sống và cái chết. Tất cả chúng ta đều đã được sinh ra, và tất cả chúng ta đều đang tiến dần đến cái chết. ■

Nguyên tác: *Good evening, Bodhisattvas*, Blanche Hartman.

Nguồn: *Lion's Roar*, <http://www.lionsroar.com/author/blanche-hartman/>

Blanche Hartman là cựu nữ tu viện trưởng của Trung tâm Thiền Phật giáo ở San Francisco. Bà được coi là một động lực của Phật giáo Hoa Kỳ, một người hành trì tinh tấn, một vị giáo thọ, và là vị Ni đầu tiên giữ vai trò tu viện trưởng.



Nhìn làng quê

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Từ rất lâu, khi nói đến văn hóa làng, nét văn hóa của nông thôn Việt Nam, ai cũng liên tưởng đến những hình ảnh rất đặc trưng làm nên biểu tượng của làng quê. Đó là những hình ảnh “cây đa, bến nước, sân đình...”. Từ bao đời nay, đình làng là hình ảnh thân quen, gắn bó với tâm hồn của mọi người dân Việt; là nơi chứng kiến những sinh hoạt, lễ thói và mọi đổi thay trong đời sống xã hội của làng quê qua bao thế kỷ. Ngôi đình làng trang trọng và thiêng liêng, nó gần như đại diện, là biểu tượng của quyền lực làng xã; cùng với ngôi chùa làng, đình làng là hình ảnh tiêu biểu cho mỗi làng quê trên khắp mọi miền đất nước.

Nhiều tư liệu cổ sử đã ghi chép về nguồn gốc ngôi đình của người Việt. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: Năm 1156 nhà Lý làm hành cung Ngự Thiên, trong tổng thể kiến trúc có “đình Thường Hoà”.

Theo nhà nghiên cứu Trần Lâm Biền trong bài viết đăng trên tạp chí *Văn Hóa Nghệ Thuật* (số 4-1983), ngôi đình cổ xưa nhất ở miền Bắc là đình cạnh động Thiên Tôn thuộc Khu di tích Hoa Lư; đây là nơi còn lưu dấu tích của thời Đinh, Tiền Lê, Lý. Song đó là *dịch đình* (đình trạm) chứ không phải là *đình làng* thờ thần như sau này. Mặt khác, ông cũng cho biết trên văn bia chùa Linh Xứng (Thanh Hóa) dựng năm 1126 có ghi: “*Kể sông có một đình nhỏ. Thường thuyền bè qua lại dùng đó để nghỉ ngơi...*”.

Điều đó chứng tỏ rằng *đình* thời xa xưa là *đình trạm*, mục đích để cho mọi người nghỉ chân. Dưới thời nhà Trần, (Trần Thái Tông 1225-1400), sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “*Thượng hoàng xuống chiếu rằng trong nước ta, phàm chỗ nào có đình trạm đều phải tô tượng Phật để thờ. Thượng hoàng khi còn hàn vi, thường nghỉ ở đấy, có một nhà sư bảo rằng: ‘Người trẻ tuổi sau này phải*

đại quý, nói xong thì không thấy nữa. Đến nay, lấy được thiên hạ, mới có mệnh này”.

(ĐVSKTT, T2, tr.11)

Qua đó ta thấy đến đời nhà Trần, đình cũng chưa có chức năng thờ thần. Ngoài mục đích để mọi người nghỉ chân, đình đã có thêm chức năng tín ngưỡng thờ Phật, do các vua Trần đều là những vị vua hàm mộ đạo Phật. Cùng với những biến thiên của lịch sử, làng xã trở thành đơn vị hành chính cơ sở; từ đó hình thành nhu cầu có một ngôi nhà chung đảm nhận chức năng tín ngưỡng lẫn chức năng thể tục của làng xã. Đình làng đã dần được hình thành và trở thành biểu tượng của văn hóa làng xã. Bên cạnh đó, chùa làng cũng xuất hiện để mọi người thực hành tín ngưỡng thờ Phật. Đình là nơi sinh hoạt tâm linh của cư dân, mà trước hết, đó là nơi thờ tự Thành hoàng, vị Thần chung của dân làng.

Đình làng Việt Nam là một trong những công trình kiến trúc quan trọng của làng, là bộ mặt của làng nên việc xây dựng đình thế nào cho đẹp, cho uy nghi, bề thế luôn được cộng đồng người dân trong làng chú trọng. Đình làng thường được xây dựng ở nơi không gian quang đãng, rộng rãi, có cây cối râm mát, gần núi đồi, sông; hoặc là ở nơi trung tâm của làng, thuận đường nối với các ngõ, thôn. Xuất phát từ quan niệm tín ngưỡng dân gian, ngôi đình còn ảnh hưởng đến sự bình an, thịnh vượng hay nghề nghiệp của dân làng, do đó hướng của đình hay vùng đất dựng đình đều theo những quy tắc của thuật phong thủy hay địa lý. Sự an lành, thịnh vượng của dân làng nhiều hay ít đều tùy thuộc vào hướng đình tốt hay không.

Sân đình thường rộng rãi, có giếng nước, cây cổ thụ; phần lớn là cây đa. Cột đình (tán chân cột bao giờ cũng lớn) bằng gỗ thiết. Các đầu bẩy đều có chạm trổ, tùy theo từng thời kỳ mà có những hoa văn cổ kính. Câu đối, hoành phi, nghi trượng (trống, chuông, ngai, kiệu, ngựa...) là các vật mà dân làng tự hào về ngôi đình của mình. Nhiều đình có tượng Thành hoàng, có hòm sắt bảo quản kỹ lưỡng cùng với ngọc phả được bảo vệ chu đáo, ít khi mở ra. Giá trị văn hóa và lịch sử của những đạo sắc, thần phả, chuông trống, hoa văn chạm khắc... ở các đình làng là những tài liệu quý báu cho việc nghiên cứu lịch sử làng xã.

Cách thiết kế đình thường thống nhất. Từ ngoài vào là cổng đình, sân đình, hai bên là dãy tả hữu đối diện nhau, rồi đến nhà tiền tế, tòa đại đình, sau là hậu cung. Nghệ thuật kiến trúc độc đáo của đình là ở tòa đại đình. Đình lớn gồm chín gian hoặc bảy gian, đình nhỏ ít gian hơn, nhưng kiến trúc vẫn bề thế, quy mô so với tất cả đền, chùa, miếu, điện trong làng. Các đình đều là nơi tập trung các tác phẩm điêu khắc độc đáo. Để tài thông thường là *long, ly, quy, phương* (tứ linh) hay *thông, mai, cúc, trúc* (tứ quý); đặc biệt là hình ảnh về hoạt cảnh dân gian, những hình ảnh thân thuộc ở làng quê.

Đình làng cũng là nơi thực hiện những sự kiện về đời sống xã hội của người Việt. Đình là trụ sở hành chính xã thôn; nơi hội họp của hội đồng kỳ mục, là nơi phân chia công điền công thổ; giải quyết các vụ tranh chấp, thu thuế, thúc sưu... Đây cũng là nơi phạt vạ ăn khao. Ngoài ra, một số đình còn có chức năng không phải làng nào cũng có được, đó là nơi được dùng làm hành cung mỗi khi nhà vua đi qua làng trú ngụ.

Trong những ngày hội làng hay giỗ Thành hoàng, đình trở thành trung tâm văn hóa của làng. Tất cả kho tàng tích lũy văn hóa từ đời này sang đời khác đã được trình bày ở nơi đây với sự tham gia có tính tự nguyện của người dân trong làng. Điều đó được thực hiện trong tất cả các ngôi đình trải dài khắp đất nước; từ các vùng đất cổ phía Bắc đến các vùng đất Nam Bộ mới hình thành.

Trong sách *Gia Định thành thông chí*, cụ Trịnh Hoài Đức (1765-1825) đã ghi chép về sinh hoạt của đình Nam Bộ như sau: *“Tế của làng xã. Mỗi làng có dựng một ngôi đình, ngày cúng tế phải chọn cho được ngày tốt, đến buổi chiều ngày ấy lớn nhỏ đều nhóm tại đình, họ ở lại suốt đêm ấy, gọi là túc yết. Sáng ngày mai học trò lễ mặc áo, mũ, gióng trống khua chiêng làm lễ chánh tế. Ngày sau nữa làm lễ dịch tế, gọi là đại đoàn, lễ xong lui về. Ngày giờ cúng tế tùy theo tục từng làng không đều nhau, hoặc lấy tháng Giêng cầu phúc gọi là Tế xuân; hoặc lấy tháng 8, 9 báo ơn thần là Tế thu, hoặc lấy trong ba tháng mùa đông là tế tròn năm thành công. Tế chung, tế lập chạp là đáp tạ ơn thần. Việc tế đều có chủ ý chung gọi là Kỳ yên. Ngoài tế phẩm ra, có mổ trâu, bò và ca hát hay không ấy là tùy lệ từng làng. Việc ngôi có thứ tự đều nhượng cho vị hương quan ngôi trên, hoặc làng nào có học thức thì làm theo lễ Hương ẩm tửu, cùng giảng quốc luật và hương ước, ấy gọi là làng có tục tốt. Cũng trong ngày ấy, xét sổ sách làng coi trong một năm ấy thu nạp thuế khóa, tiêu dịch, lúa tiền thiếu thế nào, ruộng nương được mất thế nào trình bày tính toán công khai; rồi cử người chức sự làm việc làng và cũng bàn giao chức vụ trong ngày ấy...”.*

(GĐTTC, q4, Phong tục chí)

Có thể nói rằng ngôi đình làng đã có một vai trò hết sức quan trọng trong đời sống văn hóa và tín ngưỡng của người Việt xưa. Nếu ở thời kỳ đầu, đình mới chỉ là nơi trú ngụ cho người đi đường và là nơi thờ Phật thì sau này, đình đã trở thành một công trình công cộng của làng xã, là nơi ngự trị của Thành hoàng - vị thần mà trong tâm thức mỗi người Việt có một vị trí rất cao quý, đó là đấng thần linh luôn phù trợ, bảo vệ cho làng khỏi những biến cố, khó khăn trong cuộc sống, vị thần này đã mang đến cho người Việt cảm giác yên tâm vững vàng vì cả làng đang sống trong sự *phù hộ*, che chở của Thành hoàng. Chính vì lẽ đó mà đình làng trở thành nơi linh thiêng, trang nghiêm của làng, và từ đây mọi sinh hoạt văn hóa của làng đều được tổ chức tại đình



làng. Đình làng là nơi cố kết cộng đồng, ở đó, dân làng thể hiện tinh thần đoàn kết, trách nhiệm trong việc thờ tế cũng như mọi sinh hoạt văn hóa khác.

Bàn về vai trò của đình làng trong tâm thức của người Việt, nhà văn Sơn Nam trong tác phẩm *Đình miếu và lễ hội dân gian* đã bày tỏ: “Muốn vươn đến tương lai, con người phải đứng vững trên cơ sở quá khứ. Nhân hư đạo bất hư. Đến đình làng, nào chỉ mếu mọ, quen thân với những người phụ trách tế lễ, họ có đức hạnh thì ta tôn trọng, bằng không thì ta cứ bỏ qua. Ta muốn làm tròn phận sự của con người trước đất nước và vũ trụ, trong hệ thống lớn Thiên, Địa, Nhân, lắm khi linh cảm nhưng không lý luận được, để rồi lo làm ăn, buôn bán”.

(*Đình miếu và lễ hội dân gian*, tr.35)

Thời gian trôi đi, với sự khắc nghiệt của thiên nhiên, sự tàn khốc của chiến tranh và cả sự thờ ơ, thậm chí cả sự triệt phá của con người đã làm cho hầu hết ngôi đình làng không còn giữ được vẻ uy nghi thuở ban đầu. Nhiều đình làng không còn tồn tại, nhưng sự hiện diện của những ngôi đình còn lại vẫn đủ để khẳng định, rằng đình làng là hình ảnh thân quen, gắn bó với

tâm hồn của người dân Việt, là nơi chứng kiến những sinh hoạt, lễ thói và mọi đổi thay trong đời sống xã hội của làng quê. Đó cũng là nơi thể hiện tính tự trị cao của làng xã; ở đó, tình cảm cộng đồng được gắn kết một cách bền chặt.

Truyền thống tốt đẹp của người Việt là *Uống nước nhớ nguồn*, vì thế không gian kiến trúc cũ của đình làng cần phải được gìn giữ; những vật liệu mang hơi hướng của người xưa cần được bảo lưu cẩn thận.

Đừng nghĩ rằng tháo gỡ đi những vật liệu dễ hỏng như gỗ, ngói mà thay vào đó những vật liệu hiện đại đắt tiền, xây thật to và trang trí nhiều liễn, đối là thể hiện sự biết ơn với tiền nhân, bởi ngôi đình không phải đơn thuần chỉ là mái nhà, thân nhà, mà còn có cái hồn; cái không gian chứa đựng biết bao giá trị văn hóa của người xưa. ■

Tài liệu tham khảo:

- *Đại Việt sử ký toàn thư*, T2, Ngô Sĩ Liên, Nxb KHXH, 1967.
- *Gia Đình thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức, Lý Việt Dũng dịch, Nxb Đồng Nai, 2004.
- *Đình miếu và lễ hội dân gian*, Sơn Nam, Nxb Đồng Tháp, 1994.



Tục cầu siêu cho người sắp mất của người Khmer Sóc Trăng

Bài & ảnh: THẠCH BA XUYÊN

Ngày nay, cũng như các dân tộc anh em khác ở Sóc Trăng, người Khmer có địa bàn cư trú khá đa dạng.

Trước kia, người Khmer thường ở quanh các giồng đất. Các giồng này được tạo thành do sự phân chia các dòng chảy của sông rạch chằng chịt chở nặng phù sa, mặt trên là đất cát pha đất thịt, dưới sâu là đất sét. Giồng đất thường cao hơn mặt ruộng, lại rộng rãi, nên có thể cất nhà ở. Địa hình ấy cũng vừa dễ thoát nước trên mặt, vừa giữ được nước dưới sâu, tạo điều kiện cho cây trái, hoa màu phát triển xanh tốt. Sau này, do áp lực dân số, người Khmer bắt đầu đi xa hơn nơi cư trú ban đầu. Họ tiến vào các cánh đồng hoang vu đầy lau sậy, ngập nước bốn mùa. Cũng như người Việt, người Khmer dùng phang hay cù nèo để chế ngự cỏ lạt, bứng đưng năn; dùng nọc cầy lúa, nếp... dần dần mở mang nơi ăn, chốn ở.

Hệ thống kênh rạch, sông ngòi như ô bàn cờ chiếm vị quan trọng trong công việc trồng lúa, khoai, bắp đậu nói riêng và hoạt động kinh tế nói chung. Dọc hai bên bờ sông, ven kênh rạch, nhiều ngôi nhà của đồng bào Khmer cũng được mọc lên... Dù cư trú ở đất giồng, đất ruộng hay ven kênh rạch, thì thể chế xã hội của người Khmer cũng ít có sự thay đổi.

Theo tổ chức xã hội truyền thống, trên các văn bản hành chính Nhà nước quản lý thì *Khét* có nghĩa là *tỉnh*; *Sroc* có nghĩa là *huyện*; *Khum* là *xã* và *Phum* là *ấp*. Tuy nhiên, dân gian chỉ quen thuộc với hai đơn vị hành chính cấp thấp là Phum và Sóc.

Phum là đơn vị cư trú của người Khmer có từ năm đến bảy, hoặc từ chín đến mười hộ gia đình. Phum không có tên gọi riêng mà thường được gọi theo tên của người lập ra phum. Là một đơn vị cư trú nhưng đồng thời phum cũng là một thiết chế xã hội dựa trên quan hệ huyết thống

và quan hệ hôn nhân. Do vậy, những người sống trong phum bao gồm khoảng từ ba đến bốn thế hệ của những người bà con thân thuộc về cả phía cha hoặc phía mẹ. Phum còn là đơn vị xã hội tự quản nhỏ nhất của người Khmer, đứng đầu là một Mè phum – người có uy tín và trách nhiệm với các công việc đối nội, đối ngoại của phum.

Bên cạnh đơn vị cư trú phum, người Khmer còn cư trú theo đơn vị sóc – một đơn vị cư trú lớn hơn. Sóc của người Khmer là một tập hợp bao gồm nhiều phum lớn nhỏ khác nhau. Thông thường, sóc được xác định qua vị trí của một ngôi chùa và tên gọi riêng của nó. Việc quản lý xã hội truyền thống của sóc được dựa trên cơ chế quyền lực của cộng đồng và tổ chức Phật giáo Nam tông. Đứng đầu sóc là một Mè sóc; giúp việc cho một Mè sóc là một ban quản trị được dân bầu ra. Bộ máy này thực hiện các chức năng đối nội, đối ngoại và tiếp xúc với nhà chùa để duy trì sự ổn định của xã hội, làm cho mối quan hệ của các thành viên trong cộng đồng được đảm bảo. Bên cạnh ban quản trị do nhân dân bầu lên thì cũng có tổ chức của nhà chùa Nam tông, bao gồm một vị sư cả và các sư phó. Nhà chùa gần như định hướng tư tưởng cho người dân trong cộng đồng. Triết lý nhà Phật được tiếp nhận như những triết lý sống chi phối mọi hành vi và cách ứng xử của người dân. Do vậy, dù không nắm quyền quản lý hoàn toàn mọi công việc của một sóc, tổ chức nhà chùa được kính trọng nhất và luôn là linh hồn của một sóc.

Nhiều nơi ở Sóc Trăng, có những trường hợp một sóc trùng với một ấp, có sự tồn tại của cả hai hệ thiết chế xã hội truyền thống của người Khmer và nhà nước. Do vậy người dân vừa phải tuân thủ theo những luật pháp quy định của thiết chế nhà nước, nhưng đồng thời vẫn sinh hoạt, đặc biệt là sinh hoạt tín ngưỡng – tôn giáo theo thiết chế xã hội cổ truyền.

Cơ cấu xã hội hiện nay thể hiện rõ nét theo hai trục chính:

Một là theo cơ cấu hành chính. Đứng đầu là trưởng và phó ấp, sau đó tới các ban và hội như hội Phụ nữ, hội Nông dân, hội Thanh niên (như người Việt), tham mưu thì có ban Mặt trận ấp.

Hai là theo cơ cấu tôn giáo. Trong chùa có hai nhánh, đó là: Một là về phía các sư sãi trong chùa, phụ trách nghi lễ và kinh kệ, đứng đầu là sư cả. Hai là về phía ban Quản trị chùa (Khneh Am ma ba watt), phụ trách việc xây dựng và quản lý cơ sở vật chất, đứng đầu là trưởng ban quản trị chùa. Những công việc lớn của toàn cộng đồng được các bên thảo luận ý kiến và cuối cùng là sự nhất trí của sư cả.

Cũng như các dân tộc khác, người Khmer quan niệm con người có hai phần: linh hồn và thể xác. Niềm tin linh hồn là có thật được phổ biến trong cộng đồng người Khmer ở Ngã Năm. Do niềm tin đó, người Khmer ở Sóc Trăng có tục cầu siêu cho người sắp mất.

Khi người sắp chết đang trong thời kỳ hấp hối và khó qua khỏi, gia đình thường tổ chức mời các sư và năm vị Achar trong chùa đến hướng dẫn làm lễ. Vị Achar lớn

nhất gọi là Achar Yuki, người dùng phép dẫn dắt linh hồn, còn bốn ông Achar còn lại giúp việc cho Achar Yuki gọi là Achar Phlur đến đọc kinh tiếng Khmer gọi là Xôltkauvada, Apithom. Achar lập bàn thờ ở đầu giường nằm của người bệnh, có thiết một bàn thờ treo ảnh Đức Phật Thích-ca, rồi đọc kinh cầu siêu nhằm xin cho người sắp mất được ra đi thanh thản trong tình trạng đã thoát khỏi những tội lỗi mà họ đã làm ở trần gian và một phần cũng là để xin thêm tuổi cho người sắp chết. Trong thời gian này, con cháu trong nhà không được tranh cãi nhau và không được lên tiếng khóc than.

Tập tục này có nguồn gốc từ sự tích trong tín ngưỡng Phật giáo của người Khmer. Truyền kể rằng: Ngày xưa, có 500 đệ tử của Pras Sêrây-roth, lúc còn đương thời làm nhiều điều độc ác, nên khi chết đi, họ đều phải đầu thai làm 500 con dơi cùng sống chung trong một hang núi. Một hôm, Pras Chettha-puth đi vào hang núi đó và ông ngồi tụng kinh Apithom. 500 con dơi chăm chú nghe đến nỗi không hay biết quả núi sắp đổ. Đến khi quả núi đổ và đè chết 500 con dơi thì bên tai chúng vẫn còn vẳng vẳng tiếng kinh Apithom. Sau khi chết, 500 con dơi đều đầu thai làm người. Trở lại với kiếp người, họ đã thức tỉnh, chỉ biết làm điều lành, tránh điều ác, khổ luyện tu tâm dưỡng tánh, và khi đi tu, họ đều thành chánh quả.

Theo truyền tụng, thường thì khi các ông sư và Achar thực hiện xong nghi thức Xôltkauvada, có người khỏe mạnh lại sống thêm được vài năm; nhưng cũng có người đã quá già yếu sau khi Achar tụng Xôltkauvada thì chỉ một, hai đêm sau là nhắm mắt, xuôi tay.

Đại bộ phận người Khmer theo Phật giáo Nam tông, lấy chùa làm nơi sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần và tâm linh. Người Khmer thường có câu *kon lóengana, niêm Khơ me, kon loeng nung, niêm watt* (nơi nào có người Khơ me, nơi ấy có chùa). Từ quan niệm đó, nên khi ông, bà, cha mẹ sắp theo về hâu Phật tổ, con cháu tổ chức cầu siêu như một hình thức báo hiếu, gửi gắm niềm ao ước thiện nguyện cho người thân. Điều thần kỳ đó, nhiều khi giúp cho cha mẹ, ông bà hồi sinh bởi chưa nở lìa xa những người thân yêu trọn tình vẹn nghĩa. ■





Gia đình văn hóa và những nghi ngại

TRỊNH CHU

Những ngày qua, có dịp đến các hội nghị tổng kết 15 năm (2000-2015) thực hiện Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, tôi được nghe hàng loạt những con số ấn tượng.

Trải qua 15 năm, địa phương Lâm Đồng đã có 247.651 gia đình văn hóa (chiếm tỷ lệ 86%), 1.345/1.551 khu dân cư văn hóa, 58/147 xã (phường, thị trấn) văn hóa và văn minh, 1.332/1.652 cơ quan văn hóa. Bên cạnh đó, tỉnh Lâm Đồng đã có 25 xã và một huyện (huyện Đơn Dương) đạt tiêu chí nông thôn mới.

Các huyện (thành phố) thuộc tỉnh, con số các gia đình, khu dân cư, cơ quan đạt chuẩn văn hóa có tỷ lệ tương ứng. Cụ thể, tại huyện Di Linh, tỷ lệ gia đình văn hóa chiếm gần 90% (trên 33.000 gia đình). Các cơ quan

đạt chuẩn văn hóa của huyện này cũng chiếm tỷ lệ rất cao (153/156, trên 98%). Ngoài ra, Di Linh còn có 4 xã đạt xã văn hóa nông thôn mới và 166/203 khu dân cư văn hóa. Ở Bảo Lâm, toàn huyện đã có 24.503 gia đình văn hóa, chiếm 86%, 3 xã đạt xã văn hóa nông thôn mới, 128/134 khu dân cư văn hóa và 106/129 cơ quan văn hóa. Ngoài ra, huyện Bảo Lâm còn có 49 câu lạc bộ gia đình văn hóa, 58 câu lạc bộ thể dục thể thao, 4 nhà văn hóa cấp xã, 98 nhà sinh hoạt cộng đồng, 14 sân bóng đá mini, 56 sân bóng chuyền và 1 trung tâm văn hóa - thể thao cấp huyện. Tỷ lệ gia đình văn hóa của Bảo Lộc, qua 15 năm xây dựng, đã tăng lên 90% (33.749 gia đình). Hiện tại, thành phố Bảo Lộc có 156/160 khu dân cư văn hóa (tỷ lệ 76,5%), 205 cơ quan văn hóa và 120/160 khu dân cư có nhà sinh hoạt cộng đồng (tỷ lệ 70%)...

Cứ theo những số liệu này, có thể nói rằng, các địa phương trên, danh xưng văn hóa đã “phủ sóng” gần như toàn bộ đời sống. Thế nhưng, đó đây vẫn có những ánh nhìn nghi ngại về cái thực chất văn hóa và trình độ văn hóa của người dân hiện nay.

Bởi cách đây chưa lâu, trên địa bàn huyện Bảo Lâm xảy ra một vụ trọng án, gây hoang mang dư luận. Hung thủ Kiều Quốc Huy (27 tuổi, ngụ tại huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk) đã giết anh Hoàng Thế Vinh (35 tuổi, ngụ tại TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk) để cướp ô-tô Innova và một số tài sản khác, rồi chôn xác tại đồi thông (cạnh Tỉnh lộ 725, thị trấn Lộc Thắng). Trong quá trình điều tra, hung thủ Kiều Quốc Huy khai nhận: Trước đó, Huy đã ra tay sát hại vợ chồng anh Đỗ Hoàng Bình (31 tuổi) và chị Phạm Thị Mỹ Hạnh (cùng ngụ tại tổ 15, thị trấn Lộc Thắng). Khám xét khẩn cấp nhà hung thủ này thuê trọ (ở phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc), Cơ quan điều tra phát hiện, thu giữ 6 khẩu súng, hơn 80 viên đạn và các vật dụng liên quan khác. Hiện, Công an tỉnh Lâm Đồng đang tiếp tục điều tra, mở rộng vụ án. Mới đây, chỉ vì mâu thuẫn trong lúc uống rượu, anh trai Trương Thanh Hoàng (49 tuổi) đã dùng dao sát hại em ruột Trương Thế Hùng (47 tuổi). Cả hai anh em đều ngụ tại tổ dân phố 7, thị trấn Di Linh (huyện Di Linh)...

Những sự kiện nổi bật về mức độ kinh hoàng xảy ra án mạng thì như thế. Những chuyện đời thường thì hôm nay bắt gặp một vài trường hợp người tham gia giao thông coi chuyện vượt đèn đỏ là bình thường; ngày mai thấy cảnh giành quyền vào trụ ATM để giao dịch trước; ngày nọ lại thấy việc giành nhau để được đỗ xăng trước...

Cũng có người than phiền: *Hiện tại, có một bộ phận cán bộ ở các cơ quan công quyền, không ít lần gây sách nhiễu, phiền hà trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân. Tất cả những cái như thế, từ việc xảy ra án mạng cho đến những việc vượt đèn đỏ khi tham gia giao thông, hút thuốc lá nơi công cộng có thể gọi là gì, nếu không phải là thiếu văn hóa, phản văn hóa?*

Bà Nguyễn Thị Nguyên, Giám đốc Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Lâm Đồng, có kể câu chuyện:

“Chuyện xảy ra ở Đà Lạt. Một cán bộ khu phố đến nhà người dân để đưa giấy chứng nhận gia đình văn hóa. Gia chủ không có nhà, thế là cán bộ khu phố bèn cuộn tròn tờ giấy lại và... ném vào bên trong cổng”.

Câu chuyện mà bà Nguyên kể tại Hội nghị tổng kết 15 năm thực hiện Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa của thành phố Bảo Lộc hết sức đơn giản, nhưng đằng sau đó lại là cả một vấn đề lớn về thái độ ứng xử và câu hỏi được đặt ra là: *Bao giờ thì giấy chứng nhận gia đình văn hóa nhận được sự tôn trọng tuyệt đối của người trao và người nhận?*

Trong những lần trà dư tửu hậu, chứng kiến nhiều chuyện đời trái khoáy, ông bạn vong niên của tôi, nguyên là giám đốc sở, tiếc nuối: *“Thời của chúng tôi,*

nghèo thì nghèo thật, khổ thì khổ thật, nhưng được cái con người sống tử tế, có tình!”.

Tôi tò mò hỏi: *“Vậy, thời của các bác có danh hiệu gia đình văn hóa không ạ?”.*

Ông bạn vong niên cả cười: *“Thời ấy, nghèo đến mức ai cũng chỉ lo cái ăn, cái mặc. Đủ ăn, đủ mặc là mừng rồi. Còn danh xưng cao quý ấy, mọi người chưa nghĩ tới”.*

Chưa nghĩ tới, hay vì ở thời ấy, dù sống nghèo khó, sống khổ sở, nhưng mọi người đều coi sự tồn tại của văn hóa là lẽ đương nhiên, nên chẳng cần phải nghĩ ra cái danh xưng ấy. Còn bây giờ, đời sống có nhiều biến chuyển, nhưng cũng có nhiều chao đảo và nhiều lung lạc, khiến những ai nhạy cảm không khỏi hoang mang, nghi ngại về sự hiện diện của văn hóa; đặc biệt, văn hóa ứng xử.

Thầy tôi năm nay 74 tuổi, cái tuổi mà theo lẽ thường, rất đáng nhận được sự kính trọng. Thế nhưng, có dịp cùng thầy đi bộ trên hè phố, tôi để ý và không khỏi ái ngại khi phải chứng kiến chưa bao giờ các cô, cậu sinh viên của Trường Đại học Đà Lạt có nhã ý nhường đường đi cho thầy. Ngược lại, thầy tôi luôn là người chủ động nhường đường đi cho các cô, cậu sinh viên.

Gặp những trường hợp như vậy, thầy tôi thường hài hước: *“Ngày trước, kính lão thì đặc thọ. Còn ngày nay, phải kính trẻ mới được đặc thọ. Vì mình mà không nhường, có khi nó đánh cho ấy chứ!”.*

Cách hành xử như vậy ở những người được cho là có học, quả thật khiến tôi thật sự băn khoăn. Tôi tự hỏi, liệu những cô, cậu sinh viên này, đi học là để tìm kiếm phẩm vị làm người, một con người biết rung động, biết cảm thông chia sẻ, hay là để làm người... vô văn hóa? Và, dấu cho danh xưng về văn hóa có “phủ sóng” ở hầu khắp mọi nơi, thì những câu hỏi về văn hóa vẫn được đặt ra, luôn luôn đặt ra, không mới mà cũng chẳng hề cũ. ■



Ảnh minh họa

Chỗ bệnh vô cảm

NGUYỄN VĂN TOÀN

Sự vô cảm- những hành động trái đạo đức!

Xã hội chúng ta là một xã hội vô cảm? Điều đó đúng hay sai? Đúng thì đúng chỗ nào và nếu sai thì sai chỗ nào? Những câu hỏi này khiến nhiều người trong chúng ta bứt rứt.

Đã là con người thì phải có tình cảm. Đó là kết luận về mặt tâm lý học. Có nghĩa là con người không bao giờ vô cảm. Hiểu theo nghĩa đơn giản nhất là con người luôn luôn có phản ứng về mặt tình cảm hoặc hành động, hoặc là cả hai khi có kích thích từ bên ngoài tác động vào các giác quan. Điều khẳng định này đúng trong cả các trường hợp như trẻ trong bụng mẹ, người có đời sống thực vật hoặc bệnh nhân mắc bệnh tâm thần. Có lẽ chỉ có một trường hợp duy nhất không đúng. Đó là đối với người đã chết. Vì người đã chết thì không biết gì cả. Và cũng không ai trách người chết “vô cảm” với mình và xã hội.

Trong cuộc sống, đôi khi chúng ta gặp phải những khó khăn. Lúc đó chúng ta sẽ cần, hoặc muốn, được người khác giúp đỡ. Nhưng không phải cứ khó khăn là chúng ta lại cầu xin người khác giúp đỡ mình. Bởi khi người khác không “thỏa mãn nhu cầu” (từ chuyên môn trong tâm lý học) của chúng ta thì chúng ta sẽ gọi ngay những “kẻ đờ” là đờ “vô cảm”, “không có trái tim”, “khúc gỗ”, “chỉ sống vì mình”. Hãy xem xét xem: Điều suy nghĩ hời hợt trên của chúng ta đã đúng chưa?

Chúng ta không thể trách người bạn thân của mình chẳng cho chúng ta mượn tiền để tiêu xài. Bởi vì người bạn đó thấy chúng ta tiêu xài tiền không đúng cách và không có chữ tín trong việc trả tiền. Một bác sĩ không rớt một giọt nước mắt trước cái chết một bệnh nhân. Chúng ta không thể trách về lương tri của con người đó. Bởi đơn giản con người đó là một vị... bác sĩ. Nước mắt của một vị bác sĩ luôn chảy cho những cái chết đầu tiên trong sự nghiệp nghề y của họ. Và khi đã quen thuộc, người bác sĩ sẽ chai sạn dần về mặt tình cảm. Hành động khóc, biểu hiện của sự xúc động sẽ được chuyển thành tâm trạng ưu tư thường thấy trên các vị bác sĩ có thâm niên.

Chúng ta đã từng nghe các câu ca dao, tục ngữ như: “Thương người như thể thương thân”, “Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ”, “Bầu ơi thương lấy bí cùng - Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”, “Chị ngã em nâng”, “Kính lão đắc thọ”... Vậy chúng ta hiểu những ca dao, tục ngữ này như thế nào? Tại sao ông cha ta lại có quá nhiều câu tục ngữ, ca dao về tình nghĩa con người như vậy? Bởi ông cha ta thời xưa cũng đã băn khoăn rất nhiều về vấn đề đạo đức xã hội. Trong các chuyện cổ tích vẫn có người xấu người tốt. Và người xấu lại nhiều hơn người tốt. Ngay cả cô Tấm cũng bầm xác người em gái cùng cha khác mẹ – cô Cám – thành tương gửi cho bà mẹ ghẻ để trả thù. Vậy mà sự hiền, sự ác thời xưa lại được thể hiện bằng câu: “Cô Tấm ở hiền, thằng Lý Thông ở ác” trong văn thơ chúng ta



ngày nay. Điều không đúng sẽ dẫn đến việc hiểu không đúng. Và sau đó là hậu quả tiêu cực.

Sự vô cảm được nói đến ở đây là thái độ thờ ơ trước mọi hiện tượng đời sống chung quanh, chỉ biết nghĩ đến bản thân mình, đứng dưng trước cái xấu cái ác, lạnh nhạt trước cái đẹp cái tốt, có những hành vi trái với đạo đức chuẩn mực của xã hội. Và sự vô cảm này phải được hiểu là căn bệnh kinh niên của xã hội chúng ta. Trong cuộc sống hiện nay cũng vậy, những hành động không giống bản chất “người” vẫn đang diễn ra. Một vụ tai nạn biến thành một vụ “hồi cửa”. Hàng mấy chục người xúm lại lượm tiền của nạn nhân bị cướp giật và nhanh chóng bỏ đi. Cặp thanh niên nam thanh nữ tú điễm nhiên ngồi chễm chệ trên ghế xe buýt trong khi cặp vợ chồng già nua đứng cạnh vẫn giật mình thon thót những lúc chiếc thành linh phóng nhanh, “cua” mạnh. Đó là sự vô cảm trái với đạo đức, chuẩn mực xã hội. Một xã hội dù tiến bộ đến đâu nhưng không có đạo đức thì cũng chỉ là một xã hội phát triển khập khiễng.

Trong 14 kỳ thi đấu Robocom (Cuộc thi sáng tạo Robot Châu Á-Thái Bình Dương) từ năm 2002 đến 2015 thì Việt Nam vô địch đến bốn lần. Điều đó có nghĩa quốc gia chúng ta đang mong muốn, dù trong dự định, sẽ chế tạo các rô-bốt phục vụ cho đời sống con người. Và lẽ dĩ nhiên, rô-bốt sẽ ngày càng được chế tạo giống người hơn. Đặc biệt là giống về mặt tình cảm. Như rô-bốt dành cho người khuyết tật, rô-bốt dành cho người già, rô-bốt dành cho người neo đơn...

Nhưng ngược với trào lưu rô-bốt “mô phỏng nhân cách” thì một số con người trong xã hội ta đang được “rô-bốt hóa”. Biểu hiện của những con người này là hình như họ không quan tâm đến việc phục hưng các giá trị đạo đức của xã hội nữa. thậm chí, lối sống và hành vi của họ thực chất là dẫm đạp lên những giá trị chuẩn mực đó. Điển hình là vấn nạn tham nhũng, quốc nạn của quốc gia. Cho đến nay, bao vụ tham nhũng gặm nhấm hàng tỉ đồng tiền công quỹ còn nằm trong bóng tối vì “chưa được phát hiện”.

Để xã hội không vô cảm - làm gì đây?

Muốn cho xã hội không vô cảm, cần những điều kiện gì?

Một là, pháp luật Việt Nam phải có những quy định chế tài cụ thể về những hành vi vô cảm đối với cộng đồng. Chúng ta đã có những quy định pháp luật hiệu quả như phạt hành chính đối với việc xả nước thải ra đường, đổ rác bừa bãi, tại sao không nhân rộng, tăng cường hơn nữa? Chẳng hạn, pháp luật sẽ phạt hành chính thật nặng đối với các hành vi khạc nhổ, nhổ kẹo cao su... như ở Singapore. Hay báo về trường, bình xét đạo đức đối với các học sinh, sinh viên không nhường chỗ trên xe buýt cho trẻ em và người già.

Hai là, cả xã hội cùng vào cuộc. Trong đó Nhà nước và nhân dân phải cùng nghĩ, cùng làm, cùng đưa ra biện pháp và cùng khắc phục, giúp đỡ hỗ trợ nhau. Trong sự nghiệp chống tham nhũng, nếu Nhà nước và nhân dân cũng hăng hái như khi tham gia chống giặc ngoại xâm khi xưa thì “con ma” tham nhũng đâu còn dám lộ hành?

Ba là, vô cảm là một “căn bệnh tâm lý”. Do đó, để chữa trị căn bệnh này thì cách tốt nhất là cách “đánh vào lòng người”. Danh ngôn có câu: “Kẻ mất của cải là kẻ mất ít, mất bạn là kẻ mất nhiều, nhưng đánh mất đi cái ‘tình’ thì là mất tất cả”. Chúng ta phải làm sao để mọi người đều biết và phải hiểu rõ về điều này. Nếu kẻ làm điều xấu bị cô lập, bị lên án thì họ sẽ không dám làm nữa. Chẳng hạn như vấn đề đội mũ bảo hiểm khi đi xe gắn máy. Lúc đầu, ít người tuân theo. Nhưng khi dụng liệu pháp tâm lý-tuyên truyền thì hiệu quả tăng lên rõ rệt. Nhà nước giáo dục cho nhân dân biết đội mũ bảo hiểm không những “vì mình” mà còn “vì mọi người”. Bên cạnh đó, Nhà nước còn kết hợp việc tăng cường phạt tiền, từ mấy chục ngàn đồng lên mấy trăm ngàn. Rồi những thủ tục nộp phạt cố tình làm cho rườm rà khiến người vi phạm nhớ đời. Người ta hiểu thì người ta thấm thía, người ta sẽ làm theo và lôi kéo người khác làm theo.

Cuối cùng, con người ai cũng muốn được tiếng thơm, sợ mang tiếng xấu. Nếu hiểu được điều này thì công tác tuyên truyền chống lại sự vô cảm lại càng tốt hơn. Báo chí đưa tin và phê phán các việc xấu. Rất tốt. Nhưng sẽ tốt hơn nếu như nói nhiều hơn nữa việc nêu gương “người tốt việc tốt”. Vấn đề phải là gương người tốt việc tốt “thật”. Nếu thường phạt xứng đáng, công minh thì ai cũng muốn làm các việc tốt. Điều đó chỉ có ích lợi cho cộng đồng. ■





Bình đẳng giới và tư duy

LÊ HẢI ĐĂNG

Sau khi phê chuẩn Công ước Quốc tế về Bình đẳng giới 1981 (CEDAW 1981, viết tắt của Convention on the Elimination of All Forms of Discrimination Against Women), Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ trong quá trình thu hẹp khoảng cách giữa nam và nữ. Tại nhiều đô thị lớn, tỷ lệ phụ nữ tham gia công tác xã hội, đảm nhận vị trí quan trọng không ngừng gia tăng.

Căn cứ Hiến định đầu tiên liên quan tới bình đẳng giới ở Việt Nam là Hiến pháp năm 1946 đã quy định: “Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện”.

Tiếp đó, với các Hiến pháp năm 1959, năm 1980, năm 1992 và năm 2013, quyền phụ nữ tiếp tục được củng cố với nhiều nội dung đã cụ thể hóa bằng các đạo luật, như: Bộ Luật Dân sự năm 2005, Luật Bình đẳng giới năm 2006, Luật Phòng chống Bạo lực Gia đình năm 2007, Luật Quốc tịch năm 2008...

Ở Việt Nam, tỷ lệ trẻ sơ sinh giữa trai và gái dao động ở mức 114,8/100, tuy chênh lệch đáng kể, nhưng còn thua xa Trung Quốc, đất nước có truyền thống phong kiến lâu đời nhất châu Á.

Tỷ lệ chênh lệch giữa nam và nữ ở Trung Quốc là 120/100. Thực trạng này bị coi là hệ quả của chính sách một con áp dụng từ năm 1978! Trên thực tế, chính sách một con chưa hẳn tác động mạnh mẽ lên độ chênh lệch về giới ở Trung Quốc, mà khởi nguồn từ tư tưởng trọng nam khinh nữ và sự can thiệp sâu của y học hiện đại vào tiến trình sinh sản, vốn thuộc về tự nhiên. Ngoài ra, đối với Trung Quốc, một quốc gia đông dân nhất thế giới, nếu không áp dụng chương trình kế hoạch hóa gia đình, “quả bom” dân số chắc chắn đã phát nổ và gây hậu quả cho toàn thế giới.

Dưới tác động của tư tưởng trọng nam khinh nữ, quyền phụ nữ vẫn thể hiện ở mức độ thấp trong đa số gia đình người Việt. Mặc dù quyền phụ nữ đã được nâng cao, tập trung ở các văn bản pháp quy, nhưng đằng sau vẫn tự là thói quen văn hóa lăm lỳ, dai dẳng, thu hút quyền uy của nam giới. Nhiều người đàn ông cố tình hay vô ý phớt lờ quyền của phụ nữ được quy định tại pháp luật. Những biến chuyển quan trọng trên bề mặt xã hội không đủ lay động thái độ lý lợm và tư tưởng giá trị chìm sâu dưới lòng văn hóa, điển hình như tư duy “chống gậy” và “nổi dôi tông đường”.



chống gậy

Nhiều ông bố, bà mẹ chỉ thực sự yên tâm và được an ủi sau khi sinh hạ được mụn con trai để giải quyết ẩn ức chất chứa từ ngàn đời. Nếu không có con trai, cha mẹ dường như chưa thể yên tâm trong chuyến “khởi hành” sang thế giới bên kia, bất luận thế giới ấy có cần thiết “chống gậy” hay không. Câu chuyện “chống gậy” có liên quan hay có tác dụng gì đến cuộc sống thực tại và sau khi chết? Người ta chưa thể tìm ra câu trả lời thỏa đáng, nhưng đại đa số vẫn phục tùng bằng thói quen văn hóa như một mệnh lệnh truyền thống. Tư tưởng nối dõi tông đường cũng không phải ngoại lệ, nó góp phần tạo nên độ chênh về quyền giữa nam và nữ.

Nhiều gia đình người Việt coi bên ngoại đồng nghĩa với bên ngoài, cháu ngoại là cháu người ta. Con trai của con gái gọi là cháu trai, còn con trai của con trai mới chính thức là đích tôn, hiểu là cháu đích thực. Trong cuộc sống gia đình, vẫn phổ biến lối ứng xử “kép”. Con gái gánh trọng trách, nhiệm vụ tại gia. Khi cha mẹ đau bệnh, con gái là nguồn lực đầu tiên được huy động, giống như “cái gậy” cho cha mẹ chống lúc sống, còn con trai “chống gậy” lúc cha mẹ qua đời. Mặc dù ai cũng biết “cây gậy” chống

lúc sống quan trọng, thiết yếu hơn lúc qua đời, nhưng điều đó không đủ khả năng làm xoay chiều quan niệm trong hệ giá trị.

Đứng ở góc độ vật chất, người Việt đã tiến xa trên con đường tiếp cận văn minh, có lẽ chỉ thiếu mỗi phi thuyền để bay tới các vì sao. Nhưng, xét về tư tưởng, nhiều người vẫn chưa thoát khỏi quan niệm trọng nam khinh nữ có từ ngàn xưa. Nhiều gia đình, khi chưa sinh được cậu quý tử để “chống gậy” hay nối dõi tông đường thì xem ra vẫn chưa làm hết trách nhiệm đối với gia tộc, vẫn chưa tròn chữ Hiếu.

“Cây gậy” hẳn có một tác dụng không nhỏ trong quan niệm hộ tống linh hồn sang thế giới bên kia. Vì thế, cậu con trai, quý tử giữ vai trò quyền uy như một biểu trưng về trụ cột trong nền tảng gia đình. Nhiều quý ông sinh con một bề thường lãnh mặt trong bữa cơm chung; vì đối diện đàn con gái – mà nói theo ngôn ngữ kỳ thị là “thị mệ” – thì quý ông ấy cứ có cảm tưởng như đó là một sự sỉ nhục thầm lặng. Những quý ông này có phúc không biết hưởng.

Có quan niệm cho rằng con gái là tình nhân của ông bố ở kiếp trước. Nếu một người có nhiều tình nhân từ kiếp trước đến để “trả nợ” thì chẳng phải là phúc lớn hay sao? Song, xuất phát từ quan niệm trọng nam khinh nữ, người đàn ông sinh con một bề đã tự biến mình thành kẻ lãnh nợ và coi đám con gái là những món nợ. Nếu may mắn – hay vô phúc? – có “nặng” thêm một cậu con trai sau khi đã có cả bầy con gái đến trước, thì vị “quý tử út” này càng sớm giác ngộ quyền lợi của mình để thể hiện thực quyền bằng vai trò và nhu cầu hành khiển trong gia đình.

Quan niệm có người “chống gậy” đã ăn sâu vào tư tưởng đại đa số người Việt. Tình trạng bám chấp vào “sự chống gậy” như một trụ cột kiên cố khó thể phá vỡ đã tạo ra mâu thuẫn trong hành lang giá trị. Một mặt cha, mẹ tạo điều kiện cho cậu “quý tử” biểu diễn quyền lực, mặt khác lại ủy thác trách nhiệm lên vai con gái.

Tư tưởng “chống gậy” giống như chiếc cùm trói buộc con người vào nội hàm quan niệm, biến nhiều người thành nô lệ của thứ “công ước” tại gia. Giống như một khuôn đúc sẵn, giá trị này được cố thủ qua bao thế hệ và để lại hệ quả qua cách hành xử giữa cha mẹ với con cái trong phạm vi giới tính vốn đã mặc định từ truyền thống.

Đi dự tiệc tại nhiều gia đình, phụ nữ thường là những người lẫn xả vào công việc nội trợ, bếp núc, chuẩn bị bữa ăn cho gia đình, kể cả khách khứa. Họ thể hiện vai trò của mình như một bổn phận. Cánh đàn ông chỉ việc ngồi vào bàn, nâng ly, chúc tụng, tán gẫu; hết tiệc, phụ nữ lại tiếp tục nhận nhiệm vụ giải quyết hậu trường.

Chừng nào cảnh tượng ấy chưa chuyển cảnh trong đa số gia đình Việt Nam thì bình đẳng giới mới dừng lại ở những thành tích bề nổi, còn chìm sâu dưới hệ giá trị vẫn còn đó tư tưởng thâm căn cố đế của một dân tộc đeo bám quan niệm “trọng nam khinh nữ”. ■



mua tiền cũng được?

HOÀNG TÁ THÍCH

Hấn dùng xe gắn máy ở bãi gửi xe gần quán cà-phê quen thuộc thường đến hàng ngày. Người giữ xe bước đến chào hỏi và dắt xe của hấn dựng vào một nơi gần cửa ra vào. Đó là một chỗ có thể gọi là khá ưu tiên của bãi giữ xe, phía trên có mái che, và lúc hấn ra lấy xe thì khỏi phải chờ đợi lâu như nếu để tận phía trong. Sở dĩ hấn được chút đỉnh ưu ái như thế, là thay vì phí giữ xe mỗi chiếc là bốn ngàn thì hấn đưa cho cậu giữ xe mười ngàn. Không phải chỉ hôm nay mà từ mấy năm nay rồi, từ lúc giá giữ xe chỉ có hai ngàn. Chỉ tốn một chút, thêm mấy ngàn chẳng có là bao, mà đem đến cho hấn không biết bao nhiêu là cái khỏe, lại còn có thể giúp những người lao động vất vả chút đỉnh. Nhờ thế mà trời nắng, yên xe cũng không bị nóng, trời

mưa xe cũng chẳng bị ướt, kể cả cái mũ bảo hiểm treo trên xe.

Uống cà-phê xong, hấn ra lấy xe. Chưa đến bãi thì đã thấy mấy cậu thanh niên dựng xe hấn bên lề đường rồi, chỉ việc rồ máy và chạy. Đôi khi hấn để quên chìa khoá trong ổ xe, nhưng đang ngồi cà-phê với bạn, hấn cũng không buồn quan tâm, vì thỉnh thoảng có xảy ra chuyện như thế thì lúc xe đưa ra, chìa khoá xe đã nằm sẵn trong ổ khoá. Dĩ nhiên là năm ba ngàn đồng chẳng đáng là bao với những người giàu có, nhưng đối với những người giữ xe thì khác, nếu không họ cũng chẳng cần ưu ái hấn làm gì.

Không phải chỉ có bãi giữ xe này, mà bất cứ nơi đâu hấn thường đến, tiệm hút tóe, nhà hàng ăn uống thỉnh thoảng hấn mới đến... Dù chỉ lâu lâu mới ghé qua,

nhưng hễ thấy hần tới là nhân viên giữ xe đã phục vụ hần một cách chu đáo. Trong quán cà-phê quen thuộc hần đến gần như hàng ngày, hôm nào cũng có tiền “bo” cho nhân viên phục vụ, tuy chẳng là bao, nhưng đối với nhân viên, hần là một khách hàng không những quen thuộc mà còn lịch sự nữa, nên luôn luôn được ưu tiên mọi thứ. Ngay cả tiệm hớt tóc mỗi tháng mới đến một lần, nhưng hần thấy hình như nhân viên nào cũng thích gọi đầu xả tóc cho hần. Chẳng là gì, nhưng mỗi lần đi hớt tóc, hần cũng tốn một khoảng tiền bằng giá tiền hớt tóc để “bo” cho nhân viên. Hần thường nghĩ, những người đi làm việc lao động tầm thường như thế, chịu khó với khách cũng chỉ vì cần có đồng tiền, nên hần rất rộng rãi.

Ngay cả mỗi lần đi làm massage, thấy những cô nhân viên phải xoa nắn chân cẳng cho những người đàn ông không hề quen biết, hần cũng có suy nghĩ về thân phận những cô gái phải chịu khó với khách cũng chỉ vì chút tiền “bo” mà thôi. Đây là chưa kể họ phải còn chịu đựng với những người khách đang say xỉn hoặc chân cẳng chẳng thơm tho gì. Cho chút tiền “bo” chẳng khác gì làm việc thiện. Làm việc thiện, nếu không trực tiếp với người nhận thì đôi khi cái cảm giác không thích thú bằng khi hần đưa cho những người phục vụ thêm năm ba chục ngàn tiền thưởng, và nhìn thấy trong nụ cười khoé mắt của họ, lời cảm ơn thoáng qua một cách nhẹ nhàng.

Với người ngoài còn thế, huống hồ là nhân viên trong công ty của hần, thường được hần quan tâm đến đời sống khó khăn của họ. Trả lại sự ưu ái của hần, nhân viên phục vụ hần tận tình, không những là công việc của công ty, mà những chuyện cá nhân hần, không cần phải yêu cầu, nhắc nhở, cũng đều được phục vụ chu đáo. Hần không bao giờ phải tự tay đi đổ xăng, hay thay dầu nhớt định kỳ. Lúc nào cũng như xe mới vì được lau chùi mỗi ngày.

Hần còn có một thói quen khác là hễ cứ đến Tết ta, không chỉ nhân viên trong công ty, mà ngày đầu tiên vào những nơi hần thường đến, là hần lì xì cho tất cả nhân viên phục vụ. Năm chục, một trăm ngàn đồng không chỉ chẳng là bao đối với hần, mà cũng chẳng là bao đối với người được lì xì, nhưng gần như mọi người đều chờ đợi sự có mặt của hần vào ngày đầu năm mới. Phong bì đỏ đưa ra và hần nhận lại một nụ cười cảm ơn rất thiện cảm của người nhận. Đó là cái thú vui của hần vì được cho người khác và cũng có thể gọi là chút hạnh phúc của hần khi nhận được sự biết ơn của người khác. Dù hần không cần phải được cảm ơn, nhưng hần có thể nhận thấy trong thái độ cảm ơn của họ, niềm vui trong ánh mắt của họ lúc nhận cái phong bì đỏ. Chính đó là cái hạnh phúc nhỏ nhoi của hần.

Hồi trước hần có một người quen thân xài tiền như nước. Anh ta thường đến những nơi hết sức sang trọng và với những bữa ăn có giá gấp mấy chục lần bữa ăn

của một người bình thường nên số tiền thưởng nhân viên của anh ta cũng phải là một con số đáng kể đối với những người phục vụ. Dĩ nhiên là anh ta luôn luôn được chờ đợi đón mời trang trọng như một vị khách quý. Có điều là vì xài tiền rộng rãi quá, nên cũng có khi phải kẹt. Những lúc đó, anh ta lại không thể trở lại chỗ cũ vì không đủ tiền để hào hoa như lúc trước. Anh ta bỏ ra khá nhiều tiền để mỗi lần bước vào những nhà hàng đó, cả chủ tiệm và bồi bếp đều đứng cúi chào như một vị thượng khách và anh được hành diện với chính bản thân và nhất là với bạn bè, nên nếu không đủ phương tiện thì anh ta đành phải tránh mặt. Trái lại với hần, xài chỉ vài trăm ngàn mỗi ngày, làm sao mà đến nỗi phải thiếu tiền, nên cái hạnh phúc của hần vô cùng lâu dài. Tuy không đến nỗi được trọng vọng như một thượng khách, nhưng vẫn nhận được sự tiếp đón thân mật của mọi nơi.

Hạnh phúc của mỗi người thường đều do chính bản thân họ tạo ra. Mơ ước bình thường thì dễ thực hiện. Mơ ước cao xa quá thì cứ phải mang những thất vọng kéo dài vì chưa thực hiện được. Một chiếc xe gắn máy thì dễ hơn là một chiếc xe hơi. Một căn hộ dễ hơn là một ngôi biệt thự. Nhưng có những người biết là không đủ tiền để mua xe hơi, biệt thự mà vẫn ao ước mới là khổ. Cho bạc triệu mới là khó chứ năm ba chục ngàn thì gần như ai cũng có thể cho được, chỉ có điều làm hay không làm mà thôi. Những người đã có cái hạnh cho thì tuy không cho được nhiều, nhưng tâm niệm cho người khác là một hạnh phúc thì vẫn là công đức lớn.

Nói là “Có tiền mua tiên cũng được” quả là đúng thế, nhưng đến một lúc nào đó thấy tiền cũng chẳng làm cho mình hạnh phúc thì nhiều tiền cũng chẳng có ý nghĩa gì. Nói là một hai chục ngàn chẳng là bao, nhưng trong xã hội người nghèo khổ, con số đó cũng không phải là tệ. Hiện tại, có những nhà hảo tâm mở những tiệm ăn có tên là “Nụ cười”, mỗi bữa ăn chỉ có hai ngàn, chẳng khác gì cho không, đã đem lại hạnh phúc cho rất nhiều người nghèo khổ. Và hần thường nghĩ, cho là một thú hạnh phúc đôi khi còn hơn cả nhận nữa.

Không phải thế mà hai vợ chồng tỷ phú Bill Gates đã không những cống hiến tất cả tài sản của mình để làm việc thiện mà còn cống hiến luôn tài năng và cả cuộc đời của họ để phục vụ cho những người đang cần họ. Cái hạnh phúc thực sự không phải là nhiều tiền đến mua tiên cũng được, mà hạnh phúc ở chỗ là làm thế nào cho những người nghèo khổ được một chút cải thiện đời sống khó khăn của họ bằng sự cống hiến của mình. Phục ông Bill Gates ở cái chỗ không những cho cả cái gia tài đồ sộ tự tay mình làm nên mà còn cống hiến luôn cả cuộc đời mình để đem niềm vui đến cho kẻ khác. Không như những người cũng đại gia tỷ phú chỉ vung tiền qua cửa sổ để mua tiên, chỉ thấy tiên, nhưng ít khi nhìn thấy



những kẻ nghèo nàn khổ sở. Thực ra là vì nơi những đại gia đó đến, không bao giờ thấy có người nghèo. Hơn nữa, họ chỉ nghĩ đến chuyện mua tiên nên không để ý đến những cái trần tục. Trái lại, ông Bill Gates bỏ tài sản giúp người nghèo vì ông đã chịu khó đi tìm họ.

May cho hắn, cũng vì tiền không đủ để mua tiên nên hắn chỉ mua được những chút hạnh phúc bình thường, vì hắn cũng thường chỉ đi đến những chỗ tầm thường, thấy được những mơ ước bình thường của kẻ khác.

Nhiều người không để ý đến những điều nhỏ nhặt tầm thường như hắn. Họ chỉ sinh hoạt trong môi

trường sống của họ nên không nhìn thấy những điều mà người khác tưởng là họ không thèm quan tâm; thực ra là vì họ không có cơ hội nhìn thấy mà thôi. Một khi tình cờ nhìn thấy, có thể họ cũng sẽ sinh lòng trắc ẩn và làm những điều như hắn.

Có tiền mua tiên cũng được sao? Có tiền, có thể tạo ra những hạnh phúc nho nhỏ, nhưng bỏ tiền ra để có niềm vui lớn lao, như “mua tiên” thì e khó có thể. Đó là chưa kể mua được niềm vui nhỏ cho mình, có khi lại đưa đến sự chạnh lòng cho người không có tiền để mua! ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2016

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2016, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 40 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 11 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 10 cuốn/kỳ
Ô. Bùi Phong Lưu : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ

Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 5 cuốn/kỳ
Hoàng Mỹ - Thiên An : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 4 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Hoàn Ái - Huệ Minh : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên, Cty Cơ khí Mê Linh : 2 cuốn/kỳ

Cty Nén Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ
Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: 354 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn**, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. Tp. Hồ Chí Minh;
Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335
Email: toasoanhpg@gmail.com

Ban Biên tập



Đi qua những ngày tháng Chạp

QUYỀN VĂN

C huyến tàu thời gian vận hành trong năm rồi cũng đến ga cuối cùng là tháng Chạp thương yêu. Năm mới bắt đầu từ tháng Giêng thông dong lễ hội, tháng Hai xanh non ngô khoai đồng bãi, tháng Sáu rất bông trưa hè, tháng Mười trĩu vàng bông lúa và tháng Chạp rục rịch còi tàu nhớ thương của kẻ xa quê. Với những người xa quê thì tháng Chạp không những là sự trở về mà còn là niềm nhớ đau đáu của kỷ niệm tuổi thơ.

Những ngày tháng Chạp bên mẹ trên cánh đồng đã xỉn khô gốc rạ. Khói đồng làng bảng từng sợi, lờn vờn làn tóc muối tiêu của mẹ. Khói làm mắt ta cay. Bao năm qua mẹ là người bạn của cánh đồng, của những khối đất mùa nắng bạc phếch, mùa mưa nâu màu da ếch. Từ ruộng đất mẹ gieo mầm xanh hy vọng. Chỉ cần đến Giêng Hai thôi, những hạt mầm của mẹ sẽ nảy lộc và mướt xanh cánh lá. Cây gạo giữa đồng vươn những cánh tay khẳng khiu làm nơi cho bầy se sẻ về tụ họp. Từ gốc gạo phóng tầm mắt về phía xa xa là ngôi làng thân thuộc với những mái ngói âm dương rêu phong cổ kính. Khói bếp khê bay lên trong chiều đông nhẹ nhẹ. Nắng tháng Chạp không ươm vàng rục rờ, vẫn đủ thay màu áo vàng đều nhẹ cho những vồng cải chạy dài trên bờ bãi. Cải đã rục rờ hơn so với độ đầu mùa, đợi những cánh bướm về rập rờn làm duyên hút mật. Tất cả hòa quyện tạo một khung cảnh bình yên đến lạ!

Những ngày tháng Chạp theo cha đi tảo mộ. Thăm viếng, vun quén những nấm mộ, phát cỏ dại, chặt cây cối rậm rạp mọc quanh, sửa sang tu bổ lại phần mộ của ông bà tổ tiên cũng là một cách để ta tỏ lòng kính hiếu, thể hiện tình cảm hướng về với nguồn cội. Những lúc này ta càng thấm thía hơn câu ca dao:

*Cây có gốc mới nở cành xanh ngọn,
Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu.*

Dòng người đi tảo mộ thành tâm và lặng lẽ. Biết bao người sinh ra và lớn lên, hoặc gắn bó với mảnh đất này, hoặc ra đi tha phương cầu thực, hoặc tay trắng bàn tay hay công thành danh toại đều có lúc trở về, đối diện với đất quê lại thấy mình trẻ thơ một lẽ.

Những ngày tháng Chạp ngồi hong tóc cùng mẹ bên hiên. Một tiếng còi tàu bên hông nhà cũng làm mẹ mong ngóng những người con mưu sinh ở xứ người. Ánh mắt giếng khơi của người xa xăm, miệng lầm rầm "Không biết năm này chúng nó có về quê ăn Tết không?". Bữa cơm chiều ba mươi, bữa cơm cuối cùng tháng Chạp mẹ luôn mong cả gia đình đoàn tụ dẫu mâm cơm đủ đầy hay thiếu thốn. Vậy nên giờ đi xa, có khó khăn trăm bề cũng cố gắng chiều ba mươi về với mẹ để mắt mẹ không còn bồn thần, tủi lòng khi thấy nhà người khác sum vầy còn nhà mình lẻ loi bóng chiếc.

Những ngày tháng Chạp ăm ắp đầy tim nỗi nhớ bạn bè thuở xưa còn đầu trần chân đất vô tư lội cỏ ruộng đồng. Mặc kệ cỏ may ken kín lối đi, cỏ mật, cỏ lác cửa nhẹ gót chân, ta bay nhảy cùng cánh diều trong gió đông xào xạc. Nỗi nhớ tháng Chạp đến nhẹ nhàng bình dị như thế. Dù chỉ một dấu chân trâu in trên cánh đồng tháng Chạp cũng gợi nhớ gợi thương đến vô cùng. Hay tiếng dế bắt chợt kêu trong đêm lạnh. Chẳng thế mà trong mỗi giấc chiêm bao, từ một miền xa tít, miệng ú ớ cười chơi trò đuổi bắt, hay thảng thốt hét toáng lên khi thấy đĩa bám chân bạn. Tỉnh giấc rồi, mở mắt nhìn phố xá đông nghịt người qua lại vẫn thấy đầu đầy hương bùn trên cánh đồng ngai ngái. Liệu có còn ai nhớ tới kỷ niệm cùng ta?

Đi qua những ngày tháng Chạp thương yêu là bấy nhiêu kỷ niệm. Là những lo toan bộn bề cuộc sống, là sự sum vầy đoàn tụ bên mái ấm gia đình, là ăm ắp kỷ niệm tuổi ấu thơ. Qua những ngày đầu yêu tháng Chạp để ta nhận ra dòng đời bao kỷ niệm có cay đắng ngọt ngào, có niềm vui và nỗi buồn hòa quyện. Gạt bỏ muộn phiền ngày tháng Chạp cũ kỹ để đón chào tháng Giêng thiên thanh! ■



Khi mùa xuân trở lại

HOÀNG QUY

Hai bên con đường làng, bờ rào chè tàu cắt xén đẹp như những bức tường xanh, thấp vừa đủ để nhìn thấy những khu vườn thơm ngát hoa bưởi.

Phía sau những khu vườn ấy thấp thoáng những cảnh xuân đã già, những cảnh xuân nở muện, những bông hoa vàng lung linh trong nắng ấm tháng Giêng. Thảo ngồi trên tảng đá kê bên bờ hoa kiểng làm chiếc ghế. Từ lúc vườn sân được sửa lại, trong cái không gian gần gũi, phẳng phất đâu đó chút hồn nhiên của thi ca như muốn tìm về một thời vàng son lãng đãng phía quê nhà. Tựa lưng vào vách tường, Thảo cảm nhận như toàn thân rời rã, không phải vì công việc

mệt nhọc lau chùi, quét dọn, kê lại cái tủ, sắp xếp lại chỗ để cái bàn máy tính... Mọi thứ từ dưới bếp lên tới phòng khách, mọi nơi, mọi chỗ trong nhà gần như cũ mèm, bụi bặm. Đụng tới vật gì, Thảo cũng cảm thấy như nó đang than thở về thân phận của mình. Nó muốn chuyển dịch, nó muốn làm mới lại tất cả... hay chính tâm trạng của Thảo đang như thế từ ngày về hưu đến giờ?

Thảo ra trường, đi dạy. Có chồng. Gần ba mươi năm qua ôm ấp, chồng chất những vui buồn, những kỷ niệm... Giờ này ngồi một mình trong vườn sân vắng lặng, những tia nắng sớm len lỏi trên những cành lá, lấp lánh trong ngọn bắc cuối đông còn rớt lại. Thảo vươn vai đứng dậy tìm chút hơi ấm đầu ngày. Hình



như nổi cô đơn đang xói mòn những ngày tháng mệt mỏi, tìm không thấy một tia hy vọng nào có thể xoa dịu được con tim đã già, đã qua một thời ngây ngất.

Thảo nói với mình: “Em nhớ...”. Rồi nàng dừng lại, “Nhớ ai bây giờ?”.

Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai! Nhớ bực giảng, nhớ đám học trò thân yêu, nhớ trường xưa lớp cũ, nhớ vắng trăng nghiêng trên sườn núi, nhớ bóng chiều trải dài trên bến nước mỗi bận đi về... Quá khứ đang dồn dập, chập chùng trong tâm thức của Thảo. Bao nhiêu dự tính cho kế hoạch sau khi về hưu, thời gian là những tháng ngày thênh thang, là khoảng không gian toàn thiện nhất để mình có thể thực hiện những ước mơ.

Thế nhưng, khi ngồi vào bàn viết, Thảo nghĩ mình sẽ viết một cách tự do mà tâm thức, ý niệm, suy nghĩ sẽ hoàn toàn độc lập, sẽ không có sự ràng buộc, câu thúc, chi phối bởi bất cứ ý thức hệ nào. Thảo nghĩ mình sẽ làm được, tốt hơn những gì Thảo suy tư trước đây. Nhưng mỗi lần như thế, Thảo không thể thực hiện được ước mơ của mình dù chỉ trong giây lát. Nửa năm trôi qua, cuộc sống của Thảo như co cụm lại, thời gian của Thảo như giãn ra một cách buồn tẻ vô ích. Thảo không biết điều gì sẽ xảy ra mà trong lòng bất ổn thế này... Khi ngồi trước máy tính, lúc lang thang ngoài vườn, Thảo thấy mình đứng đung trước mọi việc. Nàng uể oải trong công việc bếp núc, và luôn cảm thấy như mình khó có thể gửi gắm tình cảm vào những món ăn mình sẽ nấu cho gia đình.

“Tại sao tôi có thể lạt lẻo đến lạnh lùng như thế...?”. Thảo tự trách mình, tâm can dần vật, nhiều đêm mất ngủ.

Mùa xuân năm ấy trôi qua như một giấc mộng đi

thường. Cho đến một ngày, Thảo tìm đọc trong một cuốn sách... “Đừng lãng phí những giây phút quý giá của thực tại mà hiện giờ chúng ta đang tìm cách vén màn bí mật của cuộc sống. Những bí mật ấy chỉ là: Hãy sử dụng giây phút hiện tại cho mục tiêu cao nhất, sáng tạo và cảm nghiệm để biết mình là ai. Hãy làm tất cả trong khả năng của mình để trở thành điều đó”.

Thông điệp ấy đã được gửi đến cùng chia sẻ với Thảo. Và Thảo, như vừa ôm được một “bè lau” trên dòng sông định mệnh. Trong một phần khác của thông điệp được xác quyết: “... Đời sống của phụ nữ luôn theo một nhịp điệu, họ biết hoà nhập với chính sự sống. Phụ nữ có thể nghe theo giai điệu của các bông hoa trong gió. Họ nhìn thấy được vẻ đẹp của cái không nhìn thấy. Họ cảm nghiệm được hết mọi biến động của cuộc sống. Họ biết lúc nào cười, lúc nào khóc, lúc nào giữ lại và lúc nào bỏ đi...”.

Với những lời khuyên răn thấu thị cuộc sống hiện tại, Thảo tin là nó sẽ đem lại cho mình ý nghĩa cao đẹp trong đời sống tâm linh, chắc chắn Thảo sẽ sẵn sàng cho một quy trình mới, một hiểu biết mới, một cái nhìn rộng hơn, một ý niệm lớn lao hơn để xoá đi những trắc ẩn, những ý tưởng rời rã mà bấy lâu đã tạo nên một mạng lưới tư tưởng chông chéo lên nhau gây áp lực trong cuộc sống hằng ngày. Không có cách nào khác hơn là hãy tìm biết sự thật về chính mình. Và từ đó, sự thật sẽ giúp Thảo giải phóng chính mình ra khỏi bờ vực của hố thẳm. Nên nhớ, tư duy của trí óc không thể tìm thấy sự thật. Hãy trở về với cảm xúc thực sự của Thảo, trở về với điều Thảo cảm thấy, không phải điều mà nàng đã suy nghĩ và phác hoạ trong tâm trí. Bởi vì, chỉ có cảm xúc bây giờ mới là thật, vì cảm xúc là ngôn ngữ của linh hồn.

Thảo hãy đứng dậy tiếp tục cuộc hành trình còn lại của cuộc sống. Và đó là mục đích của cuộc sống. Nó là một tiến trình sáng tạo đang diễn ra và sẽ không bao giờ chấm dứt theo những ý niệm cao đẹp từ tâm hồn của Thảo. Cuộc sống mới ấy sẽ là cuộc sống đã chọn lựa, là một hành động có ý thức mà Thảo có thể chia sẻ một lần nữa với những người bạn đồng cảnh ngộ.

Đã cuối tháng Chạp. Trời rét hơn mọi năm. Cơn lạnh chạy luồn trên những cành bưởi đang trổ bông. Những nụ hoa như chụm lại ôm lấy nhau trốn cái lạnh, chờ đợi những tia nắng đầu xuân. Trời đất chuyển mình, năng lượng đang chạy chậm lại trên từng phiến lá, trên từng cánh hoa. Màu xanh biếc đang dang tay bao phủ rừng núi, đại ngàn đến tận cùng bờ hoa cỏ dại, Thảo như tìm lại được cảm xúc gần gũi, làm ấm ran cả cơ thể, cảm nhận như mình vừa vượt cạn, thoát ra khỏi trạng thái dầy đặc những mạng lưới ma trận của đời sống.

Thảo đứng lên, rời khỏi tảng đá.

Thảo nói với mình: “*Ta phải làm điều gì cần thiết, ngay bây giờ! Tâm hồn Thảo đang phơi phơi trong cảm xúc tối thượng và đó là tình yêu, là năng lượng tinh khôi đã mở cánh cửa phía sau mùa xuân.*” ■



Em đừng lớn nữa, chị đừng đi

LÊ HỨA HUYỀN TRẦN

Nhà tôi nằm trong một khu phố nhỏ giữa lòng thành phố, tách biệt hẳn với cái xô bồ nhộn nhịp của vùng thị tứ tới nỗi như có một tường thành bao quanh mà sự phồn hoa không ghé tới được. Ra khỏi cổng khu phố là bước vào một thế giới khác lạ với những tòa nhà chọc trời, những con đường tít tắp nhiều xe cộ qua lại, đêm về điện đường từng dãy lóa cả mắt. Xóm nhỏ của chúng tôi nép mình trong lòng phố thị, nơi có những con người miệt mài lao động ngày đêm, lấm lem, bươn chải... mà vẫn không thể thoát khỏi cảnh nghèo. Tôi và em tôi lớn lên từ đó.

Cũng như bao hộ dân khác trong khu phố, căn nhà cấp bốn của gia đình tôi thật tương phản với sự tráng lệ của những vùng đô thị bao quanh, nhưng không vì thế mà vắng tiếng cười. Ba tôi theo những chuyến tàu xa, thỉnh thoảng về thăm mẹ con chúng tôi được ít hôm lại vờn mình bảm biển. Em tôi nhớ ba đến độ cứ vào giờ tan học lại nài nỉ tôi chờ ra bến cảng ngắm những con tàu; hẳn là nó vẫn nhủ thầm với những chú hải âu mang thương nhớ gửi tới người thân ở nơi xa tít. Tôi đành phải thôi than thở về chặng đường xa mà tôi phải đèo nó, chỉ lấm lũi chờ hình nhân bé nhỏ ấy sau lưng mỗi ngày. Mẹ tôi cũng giấu nỗi nhớ ba tôi sau những nụ cười và những đêm thức trắng bịt chặt tiếng nấc của mình. Tôi trưởng thành vì thế.

Từ những ngày còn bé, khi đám bạn cùng trang lứa có thể lang thang trên những guồng xe đi chơi, trà chanh, nước mía... thì tôi đã ngày ngày theo mẹ ra chợ bán. Gánh hàng của tôi bao giờ cũng có một bên là những

món hàng của mẹ còn bên kia là nó - nhỏ em của tôi. Nó nhỏ hơn tôi sáu tuổi, có đôi mắt tròn xoe lúng liếng tinh ranh đáo để. Ngày ba mới đi tàu, thời gian rảnh của tôi là ở nhà trông em; nhưng chẳng bao lâu, khi những chuyến tàu là những ngày trống cá, tôi theo mẹ ra chợ, và cũng bởi vì em nhỏ ở nhà chẳng ai trông, tôi mang theo cả nó ở một bên thúng của mình. Tôi ý thức cái nghèo của mình từ những bận nộp tiền học sau chúng bạn và những tròng cười không dứt của tụi nó. Nhưng tôi chẳng vì những nụ cười dè bủ ấy mà bỏ học. Ngày mới bước vào tuổi dậy thì, tôi hãy còn nông nổi lắm, cứ hay tui thân khi cô chủ nhiệm bảo tôi nộp học phí chậm vài ngày cũng được. Có lần tôi về nhà mè nheo với mẹ, để ngay buổi chiều mẹ dúi vào tay tôi dăm chục ngàn tiền lẻ bảo đi nộp học, tôi mừng rơn.

Nhưng tối hôm ấy, mẹ trở ngất, cô Nguyễn bên cạnh nhà tặc lưỡi: "Đến khổ cái thân, đã không đủ ăn còn đòi đi bán máu. Cô ngăn mẹ mày mà chẳng được".

Tôi đứng đó khóc tì tề. Em tôi khi ấy mới lấm chẫm lên sáu, chỉ cần thấy mẹ trở nhẹ mình thở phì phò là khóc như mưa. Thế rồi mẹ ốm, công việc nhà đổ cả lên vai tôi. Ban ngày, tôi để nó ở nhà trông mẹ, lại khéo dặn: "Nhỏ ở nhà trông mẹ, thấy mẹ khó ở thì gọi bác Nguyễn nghe chưa?".

Nó vàng dạ đầy đủ thì tôi đến trường rồi tranh thủ về sớm cho kịp buổi chợ. Ngày nào cũng đều đặn như thế, về tới nhà sau buổi chợ thì lại tính toán lỗ lãi, sắc thuốc cho mẹ rồi nấu cơm chiều. Đôi khi quá mệt mà em tôi cứ lại níu tay áo đòi cùng chơi đồ hàng với nó thì tôi bực dọc: "Chị còn chưa làm xong bài đây này, em lại góc kia mà chơi, không thì đi ngủ đi. Đừng ở đó mà quấy chị".

Thế là nó lồm lũi chui vô góc nhà, ở đó loay hoay với chiếc xe tải bằng nhựa ba mua cho, thỉnh thoảng miệng lại phát ra tiếng "ì ề", chỉ chờ tôi quay lại liếc một phát là nó đã giật bắn cả người, hai mắt ngấn nước, vội lấy tay quệt đi ngay, miệng vẫn "ì ề" nhưng rất khẽ. Có bận tôi được nghỉ học, sương rơn, vội quảy gánh ra chợ từ mờ sớm, trưa về tới nhà nấu kịp miếng cháo cho mẹ; khi nổi cháo còn đang sôi, tôi tranh thủ vào lau người cho mẹ bỗng nghe cái xoảng. Vội chạy ra bếp, em tôi đang đứng run lấy bẫy, tô cháo dưới đất vỡ thành nhiều mảnh, nó khóc tức tưởi. Tôi bực quá khóc nức lên: "Chưa đủ sao? Tao đã mệt lắm rồi mà mày còn hành tao như vậy hả?". Nó nức nở: "Chị... em thấy chị... làm... em... mang cháo cho mẹ thay chị.. Nhưng nóng...". Rồi nó lấy tay tự bịt chặt miệng lại sao cho tiếng khóc không thể nào bật ra được. Nhìn thấy nó như thế tôi vội ôm chầm nó vào lòng, không thể nào giận thêm được nữa. Mỗi bận ba về, hai chị em tôi lại cuộn tròn trong vòng tay to bè của ba. Bấy giờ em tôi lại liến thoắng kể lể những gì tôi đã làm ở nhà, cứ như kể công cho tôi vậy. Nhìn đôi bàn tay bé xíu của em bầu vào vai ba không muốn rời, tôi lại thấy thương nó hơn.

Thời gian thấm thoắt, khi nó lớn dần lên thì ba cũng về ở hẳn nhà làm phụ gạch, mẹ tiếp tục theo những gánh hàng, tôi bươn chải vừa đi học vừa phụ mẹ, nó bước vào cấp hai cũng theo bác Nguyên ra quán. Nó lớn dần, vẫn tinh ranh liến thoắng nhưng đã ý thức được việc nhà hơn, duy có điều nó dần trở nên ít nói. Nhiều bận tôi nghĩ phải chăng nó đang trải qua những ngày tháng giống tôi ngày ấy, bị bạn học dè bỉu; nhưng hỏi đến thì nó tuyệt nhiên không hở môi, cứ lăm li chụm miệng và nói: "Em lớn rồi, không sao. Chị cứ lo việc nhà; việc học chị mặc em".

Tôi đi thi đại học rồi học xa nhà, lên phố vẫn cố kiếm việc làm thêm trang trải việc học; ba mẹ và căn nhà nhỏ nơi góc phố yên ả giao cả cho nó. Nó không hề oán thán nửa lời. Thư đi tin về tôi ít khi nghe nó kể việc nhà khó khăn thế nào, tôi đôi khi cũng vì sự ích kỷ của mình mà tránh hỏi những khó khăn nó trải qua để cho thời gian và những bộn bề nơi phố thị khỏa lấp. Tốt nghiệp đại học, tôi về lại căn nhà nhỏ gắn bó tiếp những năm tháng còn lại của đời mình. Nhiều đêm nó hay hỏi tôi: "Sao chị không lên phố, công việc chị lương khá khẩm hơn?". Tôi trả lời, "Không lên được nữa, bốn năm qua, bỏ ba mẹ, bỏ em, đủ nhưng nhớ rồi".

Nó lại im lặng không nói gì, chỉ ôm tôi chặt hơn. Bốn năm dẫu có trôi qua nó vẫn chỉ là một cô bé ít nói chẳng còn vui tươi như ngày nhỏ. Cuộc đời đã cướp gì của em tôi? Thậm chí sự yêu thương dành cho tôi đôi khi tôi muốn hỏi nó nhưng không hiểu sao lại cứ nghẹn chặt nơi đầu lưỡi. Mỗi ngày của nó hết như tôi ngày trước: đến trường, ra chợ, về phụ việc nhà... không hề ca cẩm. Chỉ có điều im lặng hơn mà thôi. Tôi cũng miệt mài bán thời gian cho cuộc đời mong có những bữa cơm đủ đầy cho ba mẹ, và cả bớt nhọc nhằn cho nó.

Đến chừng ba mươi tôi thành cô gái lờ chừng xuân,

mỗi tình đầu không kịp chờ đã nên duyên mới. Mỗi tình thứ hai cũng hóa thành dang dở, tôi khép lòng mình lại. Và đến bây giờ qua gán ghép tôi ưng thuận một anh góa vợ. Được cái anh rất thương tôi và gia đình, có chăng là trái tim tôi chưa bao giờ lỗi vì anh dẫu chỉ một nhịp.

Ngày tôi sắp lên xe hoa, chẳng vì lẽ gì, nửa đêm hai chị em nằm nói chuyện, tôi dặn nó đủ chuyện nhà rồi chép miệng: "Gái lớn gả chồng, lại kị thác nơi em...". Nó hỏi: "Chị không đi không được sao?". Tôi sùng sốt nhìn nó, im lặng. Nó mắt sưng nước nắm tay tôi giật giật: "Chị ơi, chị không đi không được à? Sao lúc nào cũng là chị? Là người chị không thương mà...". Tôi vội vàng dỗ dành: "Nhỏ, em sao vậy? Sao khóc dữ dội vậy? Không giống em...". Nó trả lời một thôi dài: "Từ khi ý thức được, lúc nào em cũng đã im lặng, em chịu đựng tất cả giống như chị ngày xưa, gắng noi gương chị, không nói nửa lời. Em muốn được như chị, muốn ở cạnh chị, cứ nghĩ rằng nếu im lặng không phá bình chị thì sẽ được ở cạnh chị mãi mãi, mà giờ chị đi sao?".

Tôi ôm nó vào lòng, thấu hiểu cho tất cả những gì nó đã trải qua và bỗng thấy thương cô em này nhiều hơn thế nữa, nó tiếp: "Phải chăng nếu em ngừng lớn thì chị sẽ không đi hả chị? Em đừng lớn thì thời gian không cướp chị đi rồi...".

Tôi chỉ biết lặng im nhìn em tôi trưởng thành. Có lẽ khi lên xe về nhà chồng rồi thì tôi sẽ ngừng lo lắng cho nó vì tôi cảm thấy em tôi đã trưởng thành, biết quý yêu và tin tưởng. biết nghĩ suy cho gia đình. Trong lòng tôi cũng thôi vướng bận về những nỗi lo dành cho nó khi nó đổi thay dần so với ngày bé, chỉ còn giữ lại nỗi nhớ trong lòng, mà tôi tin chắc rằng khi nào về thăm sẽ ôm nó giải bày thương nhớ. Và đâu đó trong tim tôi dấy lên một thứ cảm xúc, cảm xúc về những rung động tình thân mà vì thế tôi đã hy sinh cả cuộc đời... ■



Ảnh minh họa

BƯỚC CHÂN CỦA CHA

NGUYỄN THỊ SƯƠNG

Có những buổi chiều, khi tâm trạng không ổn lắm, tôi thường ra công viên. Ở đó tôi có được những cảm giác yên bình đến nhẹ lòng, giúp tôi xóa tan mọi buồn vương; bao nhiêu lo lắng về cuộc mưu sinh tạm thời được khỏa lấp hết nhờ những bức tranh đẹp ai đó vẽ ra nơi đây.

"Ba bước như thế này nè, nhích chân lên ba! Cố gắng thêm chút nữa ba!"

Những lời động viên chan chứa tình cảm ấy phát ra từ miệng một người đàn ông ngoài năm mươi tuổi khiến tôi thoáng chút sửng sốt. Trời ơi! Làm sao một người đàn ông phải bươn chải giữa cuộc sống xô bồ có thể dịu dàng và tình cảm đến thế. Mà đáng ra, tuổi tác sẽ làm cho người ta dễ sinh cáu bẳn. Có lẽ sự từng trải trong cuộc đời khiến ông dầm thắm. Có lẽ ngày xưa ông đã được người cha nắm bàn tay bé xíu của ông dẫn đi những bước chập chững đầu đời. Có lẽ ông từng được cha ông tận tình chỉ bảo để vượt qua mọi giông bão cuộc đời. Nhưng cũng có thể là không gì cả. Người đàn ông đó không hẳn là không có lỗi lầm, chỉ có điều tôi nhận thấy ông thật là một người con hoàn hảo vì ông đang hết lòng chăm sóc, dẫn dắt người cha già yếu. Nhìn vẻ ân cần và sự chân tình của ông, đưa bàn tay vững chắc ra để dìu người cha già – có lẽ do bị tai biến về tim mạch nên cần tập đi để phục hồi – đang mệt nhọc nhấc từng bước nhưng trên khuôn mặt không hề lộ chút nhăn nhó hay buồn đau, trong lòng tôi dâng lên một sự cảm phục.


Niềm hạnh phúc tuổi già hiện hữu rõ trên ánh mắt và nụ cười đầy nếp nhăn của ông cụ.

Hình ảnh thoáng qua khiến tôi phải suy nghĩ và trầm trở mãi với câu hỏi: *Tại sao có những người con dù nghèo khó cùng cực vẫn cố hết sức chăm sóc cha, lại có những người đầy đủ điều kiện để có thể chăm sóc tốt cho cha, thế nhưng họ đành tâm đưa cha vào viện dưỡng lão, nơi ấy tìm đâu ra tình cảm gia đình, tìm đâu ra bữa cơm sum họp, đâu ra tiếng trẻ cười nói ê a, đâu ra nhịp sống mang tên gia đình?*

Chợt nhớ đến giọt nước mắt cụ già chơi vơi giữa chiều cuối năm ở viện dưỡng lão mà lòng bỗng chua xót. Cuộc sống bây giờ hiện đại tới mức người ta có thể không cần tình thân sao? Đành rằng cha mẹ già thì luộm luộm, lối sống cũ không hòa nhập được với con cháu nhưng tại sao không thể sống như người đàn ông mà tôi đã gặp ở công viên? Thái độ ấy, cung cách ấy vốn rất bình thường, bỗng trở thành nét vẽ đẹp tuyệt vời trong cuộc sống hiện đại này. Tôi chợt nhớ đến chữ Hiếu mà nghĩ về tình nghĩa, công lao của cha mẹ; cha mẹ nào cũng đã lo lắng tận tình, chăm sóc cho con cái từng ly từng tí từ thuở con cái mới lọt lòng. Vậy thì tại sao bây giờ con cái không thể đối xử với cha mẹ như ngày xưa cha mẹ đã từng.

Tôi tin vào luật nhân quả, con người ta cứ gieo rắc những tội lỗi để rồi cuộc sống sau này sẽ nhận biết bao nhiêu kết thúc buồn. Nhưng cuộc đời chưa hẳn là tất hẳn niềm hạnh phúc mang tên hiếu đạo, điển hình là cha con người đàn ông nọ trong khu phố tôi sống. Tôi nhận ra vẫn quanh ta những điều dung dị mà thật ý nghĩa, chỉ cần sự chân thành. ■





Tiếng chổi rể và lá khô

NGUYỄN THỊ THÙY LINH

Am thanh đó như bén duyên từ cõi nhớ, lạc vào hư không tôi những nốt trầm loẹt quẹt thuở ấu thơ quét lá vườn chùa.

Ký ức là những hạt cát trong bình nước thủy tinh, những điều giản dị mà sâu nặng sẽ lắng lại, vẫn mãi chờ ta ở đó... Bất chợt một buổi chiều, bắt gặp những chiếc lá khô xao xác, tôi không khỏi rung rung nghĩ đến manh áo nâu gần chục năm về trước vẫn mặc lên chùa mùa lá rụng. Màu chổi rể, màu lá khô, màu chiếc nón rách và màu áo tôi... chúng đã tạo nên một bản nhạc thiền, một thứ màu chay tịnh đưa tôi đến với những điều mộc mạc nhất, hiền hòa nhất. Cổng chùa xưa bằng bạc, trầm buồn như gương mặt tôi.

Mỗi độ thu về, khi nắng vàng đã thôi bông rớt, những hàng cây thanh thân trút lá đón chờ sự hồi sinh. Đó là lúc lũ trẻ làng xô nhau đi gom lá khô nhóm bếp, tiết kiệm được chút củi than hay rạ mục ngày mưa. Chúng thường gom lá bạch đàn rụng đầy bên mương nước, trút vào bao dứa kéo về. Những cái bao cao to ngút đầu những đứa trẻ, trông xa như chúng tự bò đi trên đường. Lá bạch đàn thuần dài, chấy đượm, lại có mùi dầu thơm nồng, làm chất đun thật tốt. Nhưng tôi không chọn nơi hàng bạch đàn bờ mương ấy, lúi thủi xách bao và chiếc chổi rể lên vườn chùa. Vườn nhiều lá nhãn rụng. Tôi thích nghe tiếng chuông, yêu màu nâu trầm, và muốn được lia những nhát chổi rể thô mộc trên nền đất thanh tịnh ấy.

Tôi không thể quên cái cảm giác đứng giữa một khu vườn thành thang, u tịch; tiếng chổi rể nhẩn nại gom từng đống lá lạc vào tiếng mõ chiều trầm như

gom lại những yên bình nơi tuổi thơ tôi. Lớp lá dày êm, quét không xuể. Một nửa số đó sẽ thắp lửa đun hồng gian bếp, hồng rực cả gò má gầy của mẹ. Nửa còn lại úp mình vào đất, ủ mục tái sinh. Những xác lá khô không chết, chúng vẫn rất sống động, ở một hoàn cảnh nào đó.

Khu vườn mùa thu thật hiền hòa. Những gốc cây cổ thụ lan dài như bất tử. Nắng se lại thành giọt trên mặt lá, trượt trên vai áo nâu đã bạc phai. Trẻ con ngày ấy mặc chiếc áo này sẽ bị chê cười. Tôi vẫn an vui với mảnh áo nâu, lặng lẽ kéo bao lá, mỉm cười nhìn chú rắn bé con say ngủ cuộn tròn dưới gốc cây và cúi đầu đáp lễ "A-di-đà Phật" khi gặp người lên chùa.

Những chiều quét lá đã gỡ những nốt nhạc điệu kỳ vào sâu trong tiềm thức. Tâm hồn tôi như trong lại, xanh lại từ mặt giếng chùa tĩnh lặng. Gió vườn ngọt mát nổi bầu trời, mặt đất, hàng cây gần gũi hơn với những tổ kiến bé tí. Đứa bé đội nón mặc áo nâu cũng bé tí giữa những bao lá khô cao ngút. Gom lá đủ rồi vẫn ngẩn ngơ nhìn vị Ni già đang thanh thân quét lá đa. Ôi, tiếng chổi rể mùa thu! Lá nở ngày thu! Chúng đang lạo xạo chuyện trò về tiếng chuông, mùi trầm, đàn chim mau miệng, hơi lửa, hay những đám mây?

Tôi đã ra khỏi khu vườn từ rất lâu rồi. Bóng vị ni cô dịu dàng mở cổng đón tôi cùng chiếc chổi rể vẫn quen thuộc đầu đây; nỗi nhớ cay nồng mặt đất. Bên trong cánh cổng mùa thu có một khu vườn lá rụng; lá nệm dày, chặt kín khoanh đất rộng. Thảm lá khô nằm đợi trời mưa sẽ trôi vào lòng đất, khóc chiếc chổi rể tri kỷ. Không tiếng bước chân, không tiếng chổi rể khua.

Tôi vẫn đứng ngoài tưởng tượng ra thế. ■

Cho anh nõi vào bếp

NGUYỄN HOÀNG DUY

Từ ngàn xưa, ông bà ta đã đúc kết kinh nghiệm về hạnh phúc gia đình và cho ra câu tục ngữ: “Vắng đàn ông quanh nhà, vắng đàn bà quanh bếp”.

Ấy là bởi ngôi nhà sẽ thiếu vững vàng, không được lèo lái vượt qua bao khó khăn nếu thiếu phần trách nhiệm của đàn ông. Mặt khác, bữa cơm gia đình sẽ trở nên nhạt nhẽo vô vị nếu thiếu đôi bàn tay khéo léo của người phụ nữ. Tuy nhiên ở thời đại mới, thời đại bình đẳng giới, thì trách nhiệm của người chồng và người vợ được chia đều ngang nhau. Nếu như thời nay phụ nữ làm được những việc to tát của người đàn ông thì ngược lại đàn ông cũng cần khéo léo đảm đương nội trợ để có thể hiểu được sự mệt nhọc trong công việc bếp núc là như thế nào. Thực tình thì thời bình đẳng này cũng có rất nhiều ông chồng muốn san sẻ việc nhà cho vợ đỡ mệt nhọc. Nhưng cũng cần phải nói thêm là không phải phụ nữ nào cũng ủng hộ chồng mình “tề gia nội trợ”.

Như câu chuyện của anh Khánh. Đã nhiều lần anh nài nỉ vợ “Cho anh được vào bếp” nhưng chị Xuyến vợ anh lại thẳng thừng chối từ. Chị cho rằng đôi tay anh thô kệch, vụng về, không thể làm những công việc tỉ mỉ nên chẳng khi nào anh lật được cọng rau, rửa được cái bát... Cứ hể thấy anh vào bếp là chị đuổi ra ngoài như đuổi tà. “Anh mà làm được cái gì, ra ngoài đi, ngồi coi ti-vi chút xíu em làm xong rồi ăn”. Mà thực ra anh Khánh vụng về y như vợ mình nói. Cũng đã có lần chị nhờ anh rửa vài cái bát; vậy mà anh làm vỡ tan tành bộ gốm sứ mới mua. Vừa tiếc tiền lại bực mình chồng nên chị Xuyến tuyên bố: “Từ nay anh không được vào bếp làm bất cứ việc gì. Để đấy cho em”. Tội nghiệp anh Khánh, cũng chỉ muốn giúp vợ nhưng có lẽ hôm đó xui xẻo thế nào nên làm chẳng ra trò.

Có một người vợ ôm đồm chuyện nhà, không kêu chồng giúp thì sướng quá đi chứ. Nhưng trường hợp của anh Khánh thì sướng không nổi. Giành làm chuyện nhà đấy, nhưng chị Xuyến lại đi buôn chuyện với mấy

người bạn là chồng mình cục mịch, lười, đi làm về chỉ biết ngồi nhíp đùi xem báo chứ không biết làm chuyện gì khác. Đi đâu chị cũng than thở thế, như thể anh Khánh lơ đãng chuyện nhà, vô tình với vợ không bằng. Là phụ nữ trước tiên phải giữ sĩ diện cho chồng mình. Chuyện đó chẳng có gì hay ho mà mang đi rêu rao, có thể sẽ làm tăng tính phóng đại. Bởi chỉ cần hai người đàn bà, một con vịt cũng đã biến thành cái chợ. Rồi một lần tình cờ anh Khánh nghe được, anh giận vợ, quát chị Xuyến rằng chị đang hạ thấp danh dự của chồng. Chị Xuyến chống chế rằng nói cho vui, nhưng câu chuyện “ông chồng làm vỡ chén đĩa” đã lan truyền cả xóm, cả chợ.

Bắt đầu từ hôm ấy, anh Khánh nhất quyết vào bếp sau giờ tan ca ở công ty. Chị Xuyến không thể từ chối khi mà chồng mình nói mạnh mẽ: “Nếu không cho anh vào bếp thì em nấu cho em và con ăn đi”. Chị đành mở cửa nhà bếp dang tay đón chào anh. Anh học nấu ăn cũng giống học sửa điện tử trong vai trò kỹ sư như ở công ty. Tuy nấu ăn rất nhàn, đôi lúc còn tề nhạt nhưng đòi hỏi tỉ mỉ, khéo tay. Lúc đầu anh Khánh còn vụng về, làm vỡ bát, kho cá mặn, nấu canh nhạt nhưng dần dần cũng tạm chấp nhận được. Chẳng có gì khó khăn cả. Cái chính là bản thân có chịu khó học hỏi hay không thôi. Cũng nhờ vào bếp nên anh Khánh đã nhận ra rằng suốt nhiều năm qua vợ mình cơ cực, vất vả chẳng khác gì công việc kỹ sư của mình. Việc nhà nói chung và việc bếp nói riêng coi như vậy chớ làm hoài cả ngày cũng không hết. Lắm lúc quanh đi quẩn lại đã hết một ngày mà công việc vẫn còn đầy ra đấy. Vì thế anh mới trân trọng việc nữ công gia chánh của vợ mình và những người phụ nữ khác, thay vì trước kia xem nhẹ. Riêng về phần chị Xuyến, khi thấy chồng nấu ăn thuần thực, chị khen lấy khen để. Cái tật buôn chuyện của phụ nữ lại trở lên. Đi đâu chị cũng khoe rằng chồng mình đã biết nấu ăn, mà nấu ăn ngon. Để kiểm chứng, hôm Chủ nhật, chị rủ mấy cô bạn về nhà chơi. Được dịp, anh Khánh trở tài nấu ăn cho vợ và bạn vợ thưởng thức. Ai cũng khen là anh nấu ngon không kém gì chị Xuyến.

Từ đấy, ngôi nhà anh Khánh ấm cúng vô cùng khi vợ chồng anh cùng chia sẻ việc nhà. Những hôm anh đi công tác xa, bữa cơm trở nên nhạt nhẽo vì các con anh đòi ba phải về nấu ăn cho bằng được. Chỉ nghe vợ gọi điện bảo cố gắng dành thì giờ về nhà nấu cơm cho vợ con ăn, anh đã cảm thấy hạnh phúc vô cùng. Anh nghĩ đàn ông làm việc nhà, nhất là nấu ăn, không có gì phải xấu hổ. Thời đại này rồi, làm gì còn chuyện “chồng chúa vợ tôi”. Thay đổi vai trò cho nhau để làm cho tổ ấm gia đình thêm thú vị. ■



Tuyển tập Đường rộng thênh thang

Lời giới thiệu

Nhóm HƯƠNG BỐI

Lời tòa soạn: Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa nhận được tuyển tập “Đường rộng thênh thang” của tác giả Nguyễn Tường Bách, do nhóm Hương Bối thực hiện và gửi tặng. Sách viết về những “Nhận thức và trải nghiệm của một người Việt Nam theo đạo Phật”. Chúng tôi xin đăng nguyên văn Lời giới thiệu của Nhóm Hương Bối được in ở đầu sách để chia sẻ cùng quý độc giả.

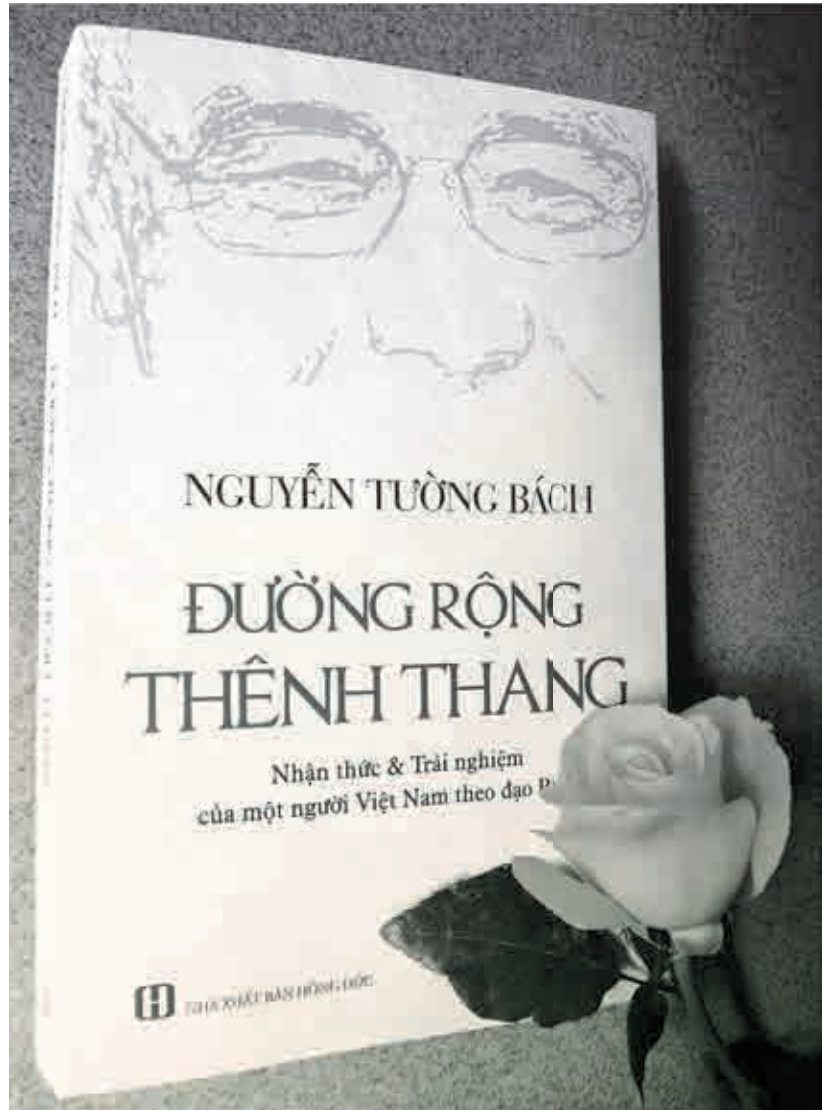
Văn Hóa Phật Giáo

Trong hơn mười năm qua, các tác phẩm và sách dịch thuật của tác giả Nguyễn Tường Bách được nhiều người tìm đọc. Với Nguyễn Tường Bách, độc giả tìm thấy một con người xa quê hương nhưng trong lòng luôn luôn nặng trĩu với đất nước và vận hội của dân tộc. Thú vị hơn nữa, ông cũng là nhà du hành, từng đi qua nhiều miền linh địa Phật giáo, ghi chép suy niệm và trải nghiệm của mình trong một tinh thần vừa thiết tha tấm cầu vừa mang tính chất khoa học và lịch sử sâu sắc.

Ngoài các tác phẩm đã xuất bản, Nguyễn Tường Bách còn ra mắt với độc giả rải rác trên các tạp chí, trong các bài tham luận, qua các cuộc phỏng vấn, trong các bài giới thiệu các cuốn sách khác. Số lượng những bài này đầy đủ cho một “tuyển tập”, chất lượng thường thường rất cô đọng và kén chọn trong các bài viết tương đối ngắn. Chúng tôi đã liên hệ với tác giả Nguyễn Tường Bách, đề nghị tập hợp các bài viết đó trong một tập sách. Kết quả là tác phẩm mà bạn đọc đang cầm trên tay.

Tuyển tập này phản ánh khá đầy đủ suy tư và trải nghiệm của tác giả trong khoảng hơn mười năm qua. Nhiều bài đã được viết từ nhiều năm trước, có thể cần đôi chút thay đổi trong nội dung hay cách diễn đạt. Thế nhưng tác giả vẫn giữ nguyên bài viết vì quan niệm rằng, mỗi bài là một dấu ấn riêng biệt trong một thời gian và không gian nhất định. Ông theo tinh thần của Thiền, “viết một lần rồi thôi”. Độc giả có thể đọc các bài trong tập sách này không cần theo thứ tự nào cả và sẽ nhận ra nhiều biến chuyển tinh tế trong tâm tư và nhận thức của tác giả.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn tác giả đã tạo điều kiện cho tập sách này ra đời, cố công tìm lại những bài



tường chừng đã thất lạc. Chúng tôi cũng xin cảm ơn nhà xuất bản cũng như bộ phận kỹ thuật đã góp sức mình cho tập sách này được hình thành. Chúng tôi tin rằng đây là một tác phẩm cần thiết cho những ai quan tâm đến các giá trị xã hội đương thời và các nội dung của Phật giáo trên mặt nhận thức và tu tập.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Hương Bối ■

Mẹ với dòng sông

TRƯỜNG KHÁNH

Mẹ với dòng sông - đồng điệu,
Xinh mát, đậm thắm, dịu hiền,
Dòng sông trôi hoài về biển,
Mẹ trái tình thương vô biên.

Dòng sông với mẹ hiền hòa
Trái tình thương mền bao la,
Dòng sông mang phù sa đến,
Tình mẹ yêu thương đậm đà.

Mẹ với dòng sông xinh tươi,
Đem trầm hương xông thơm đời,
Mẹ ngát ngây tình thương mền,
Dòng sông tưới mát ngàn nơi.

Dòng sông với mẹ thiết thân,
Trong hoan hỷ địa tinh cần,
Sông trôi soi màu trời biếc,
Mẹ thả tình về trùng khơi.

Mẹ với dòng sông dịu êm,
Đêm thu trăng trải bên thềm.
Trăng rằm tròn khuôn mắt mẹ,
Thâm tình mẫu tử không quên.

Dòng sông mãi miết trôi xuôi,
Tình mẹ bao la biển trời,
Ân tình làm sao trả hết,
Lệ buồn tuôn ướt mắt môi.

Dư âm

MAI PHƯƠNG NAM

Hương Sơn núi biếc chập trùng,
Mưa bay lát phát, lạnh lùng hơi sương.
Đường xa mong mỏi, bồn chồn,
Ôm cơn gió lạnh thỏa lòng em chưa?
...

Mãi nghe Thầy kể chuyện xưa,
Cỏ cây cứ mãi ngẩn ngơ ngoài vườn.
...

Con đò lơ lửng xuôi sông,
Thiên Trù tiếng trống chập chùng khói mây.

Tháng Mười hai

PHẠM THỊ THANH VÂN

Tháng Mười hai nhìn giàn su xanh lá
Trái trĩu giàn hứng giọt nắng vừa sang
Ngày bỗng nhẹ tàn vui theo năm tháng
Chiếc lá vàng hồ hững - bỗng hoang mang

Người mẹ trẻ quàng khăn san ra phố
Gió đông về se sắt bước chân hoang
Tháng Mười hai bao nỗi nhớ muộn màng
Chợt động lại thành sương mù giăng mắc

Cô bé ngồi chơi ô quan trong nắng
Bàn tay thơ nắm chặt hạt na xinh
Tháng Mười hai qua hồn trẻ thanh bình
Trong vãn vất tợ sương mai buổi sớm

Tháng Mười hai nụ hồng vàng vừa chớm
Nở trong vườn ký ức thuở xa xăm
Tuổi mười tám xanh ngần đôi mắt ướt
Cả trời thu như cũng xích lại gần

Vẫn chỉ ta - ngồi lại với riêng mình
Nghe trong gió tiếng trở mình thức giấc
 Gian phòng nhỏ bóng đồ dài trên vách
Tháng Mười hai - sao cứ mãi vô tình!

Chạp nắng

NGUYỄN TẤN ON

Tháng Chạp về trên phố cao
Ta nghe một chút lao xao mưa phùn
Ướt đôi cánh mỏng chuồn chuồn
Lăn trên phiến lá nổi buồn trăm năm

Mùa đông còn sót chỗ nằm
Đã khô trong gió bấc dầm vàng hanh
Con chim lạ hót trên cành
Lòng ta khe khẽ chạm nhánh đào mai

Tháng Chạp nắng phố chợt dài
Lá loang màu nhớ dấu hài người qua
Ta về chạp nắng mùa xa
Ướt con đường cũ mưa tha sợi chiều.

Người đàn bà giấu buồn

SÔNG HƯƠNG

Người đàn bà giấu buồn vào câu hát
Mùa thu đi qua phím dương cầm thoảng mùi hoa cúc trắng
Hợp tấu khúc lòng trầm lặng
Gió mơn man chiều gọi
Sóng vỗ đôi miền thực - mơ

Người đàn bà giấu buồn vào thơ
Những con chữ như sợi tơ lòng xếp hình dấu hỏi
Bàn tay chạm miền sương khói
Vần thơ tựa nốt chấm than
Lối gió về chiều nay mệnh mang

Người đàn bà giấu buồn vào đa đoan
Đêm có tiếng thạch sùng gõ vào mùa nuối tiếc
Chú dế ngân lời da diết
Mười hai bến nước đục trong
Sao về bến lở... chạnh lòng đêm thu?

Người đàn bà giấu buồn vào lời ru
Chiếc tao nôi chở những phận đời và bao niềm ước vọng
Như biển ru lời của sóng
Đưa thuyền con về bến mơ
Lời ru mình... mẹ gói vào thơ

Chợt nhận ra nỗi buồn chỉ là vu vơ
Giấu vào đêm, vào câu hát...
chẳng thay được nụ cười con mỗi chiều tan học
Mẹ đi qua mùa khó nhọc
Chảy thành dòng sữa nguyên sinh
Phía mẹ giấu buồn... con trở giấc bình minh.

Bố thí

THIÊN NHẤT PHƯƠNG

Lòng hãy dạn lòng
Ta như bóng mát
Cho đời nghỉ chân
Chẳng chút phân vân
Là người hay vật
Không hề thắc mắc
Là bóng hay cây
Vào chợ thông tay
Tâm luôn rộng lượng

Thế nghĩa là cho
Hạnh là bố thí!

Sơ lộ

LÊ NGHỊ

Trong khe đá hoang vu,
anh đã thấy
Buổi hoàng hôn - sơ lộ ngoằn ngoèo
Và dấu vết ngàn thu
xuân đầy rẫy
Đỏ bóng trang -
nhành tuyết thảo cheo meo.

*

Ta xin đợi,
mùa sau xưa em đến
Hồn cũ chiều
cũ một
một trời phai.

Lời nguyện của núi

BÙI TRƯỜNG TRÍ

Điều giật mình tỉnh giấc, muốn ngồi dậy nhưng toàn thân cứ như bị cột chặt cứng vô gường. Điều nằm im, duỗi thẳng chân, hai tay đan nhau gối đầu. Ngoài khe cửa, sương giăng giăng thành từng mảng trong suốt. Trời sắp sáng, một ngày mới bắt đầu. Rồi Điều sẽ ngồi dậy, sẽ vác cuốc ra rẫy quần quật suốt ngày. Mặt ngửa lên trời hứng hàng ngàn ngàn tia nắng hùng hực muốn cháy da, cháy thịt. Một ngày của Điều chỉ là đất, đá và nắng...

Điều hít mạnh một hơi vào lồng ngực mùi gió rừng ban mai man mác, mùi lá cây ngai ngái và có cả mùi khói khen khét dưới nhà bếp. Tiếng lục đục quen thuộc của má. Má đã dậy sớm lo bữa ăn sáng cho Điều từ lúc nào. Mùi cơm thơm lừng đã khiến Điều buộc lòng ngồi dậy. Cả tháng nay Điều có hột cơm nào trong bụng đâu. Mùa này không phải chỉ ở nhà Điều mà cả sóc phải ăn độn với củ mì. Nhỏ bụi mì ở rẫy về, má đem chế biến nhiều món cho Điều ăn đỡ ngán. Thôi thì đành dồn một cục mì, nhắm mắt nhắm mũi cho vô miệng nuốt cái ực, uống thêm ngụm nước mưa thì cái bụng no cũng cành cành. Một năm trời nhà Điều chịu đói giáp hạt ba bốn tháng. Căn nhà xiêu vẹo bây giờ chỉ hai mẹ con, còn ba Điều trong một lần đi tìm trầm đã mãi mãi không về.

Điều xuống bếp nhìn má lom khom bên nồi cơm đang sôi. Má nghiêng nổi chắt bớt nước ra chén rồi cho thêm chút mật ong cùng muối hột. Dòng nước đặc sệt sóng sánh vàng này đã thay sữa nuôi Điều từ một chú bé con. Chàng thanh niên vạm vỡ, cứng cáp như cây cặm xe nhờ rất nhiều vào mật ong rừng và muối hột

Má bưng nồi cơm đặt trên bàn. Mùi gạo sắp chín bốc thơm ngào ngạt.

"Ăn cho chắc bụng rồi ra rẫy. Trời sáng rồi đó con...".

"Gạo ở đâu má có vậy?".

"Của mấy ông ở ủy ban xã trợ cấp cho sóc mình, nhà nào cũng được một gùi".

Một gùi gạo. Ăn được mấy ngày? Điều ngậm ngùi. Quanh năm bán lưng cho đất, bán mặt cho trời thế mà cái nghèo không bao giờ xua đi nổi. Cái nghèo cứ như là con ma lai nhập vô người. Nếu là con ma thì



mời thầy cúng đến giết heo lấy máu thoa lên cây roi dâu quất mạnh, “nó” sẽ xuất đi. Còn cái nghèo đành chịu. Đám bắp chưa kịp thu hoạch thì chim két kéo về rìa hết hạt tươi ngon chừa lại cái cùi bắp trơ trơ như trêu người. Cây mì vừa cho củ thì heo rừng đến húc tha hồ tàn phá. Chúng không chừa cả cái rễ nói gì đến củ. Đất đai lại khô cằn, nứt nẻ. Mùa màng thất bát. Cứ thế, cái nghèo như những tảng đá ong trên núi Tà Lon đè nặng trên lưng, trên cổ của người dân trong sóc muôn đời.

Đếm đúng ngàn bước chân là đến rẫy. Mặt trời ló dạng chuẩn bị ban phát những tia nắng đầu tiên. Ánh sáng ban mai trải dài núi đồi. Nương rẫy sau một đêm vui mình ngon giấc, bây giờ dụi mắt tỉnh ngủ. Những cây mì, cây bắp đồng loạt bị đánh thức đâm thẳng cành lá đón nhận buổi sớm và ánh nắng đầy khí thế. Tiếng chim hoành hoạch xa xa vọng bài hát chào ngày mới. Gió rừng phả vào mặt Điều cái cảm giác sáng khoái, dễ chịu. Một ngày làm việc bắt đầu...

Điều hi hục đào đường nương chạy quanh rẫy. Đám mì nhà Điều đang cho củ. Lệ thường lũ heo rừng chuẩn bị rục rịch kéo đến quậy quọ. Dưới nương, Điều cầm hàng tre vót nhọn chìa lên trời. Đó là những cái bẫy dành cho đám heo rừng háu ăn. May mắn có con sập bẫy, Điều gánh về xẻ thịt ra chợ bán cũng được bộn tiền. Cái giống heo rừng phá phách như vậy nhưng rất nhát, hễ đồng bọn có một con bị sập bẫy là cả bẫy không bao giờ dám bén mảng đến đám đất đó nữa. Nhưng loài heo rừng ngày càng tinh khôn đối phó với sự phòng thủ của con người. Đào nương quanh rẫy chẳng qua chỉ là giải pháp tình thế mà thôi. Chính Điều mục kích, khi đến đám rẫy có đường nương chắn ngang, chúng dùng hết sức bình sinh phóng cái vèo nhẹ tênh bay qua. Sau khi ăn no nê, chúng trở lại rừng như khi đã đến. Lúc trước, hễ thấy heo rừng kéo về phá hoại mùa màng, người dân trong sóc hò hét đập trống gõ chiêng hồng thị uy. Ban đầu còn có lý, về sau chúng cũng không sợ.

Mặt trời treo lơ lửng trên đỉnh đầu lúc nào không hay. Nắng trở nên gay gắt, nóng hầm hập. Quãng cuối một bên, Điều xách bình chạy ù xuống sông múc nước. Đang mùa khô nên dòng sông Ray chỉ còn ngập đến mắt cá chân. Bù lại nước trong vắt và mát lạnh. Hai tay Điều vốc ngum nước tạt mạnh lên mặt, lên cổ, xối lên đầu. Cái cảm giác mát dịu lan tỏa nhẹ nhàng. Hướm cặp mắt qua bên kia sông, Điều chăm chú nhìn. Có người con gái đang với tay lên một cánh dâu rừng trĩu quả. Quen lắm. Hình như...?

“Mơ!”, Điều kêu lớn.

Cô gái giật mình quay phắt lại. Cô giơ tay lau mồ hôi chảy dòng ngắn dòng dài trên khuôn mặt tròn tròn, trắng trẻo. Cô nhìn ngược xuống bờ sông. Khi phát hiện thấy Điều thì trong đôi mắt màu huyền ánh lên một niềm vui nho nhỏ. Cô chụm hai bàn tay làm cái loa

gọi thật lớn:

“Anh Điều ơi... ơi... Mơ đây nè...”.

Tiếng gọi của Mơ theo gió chui qua tai Điều rồi chạy ngang tim khiến lồng ngực Điều đập mạnh. Nhưng đập rất đều và êm. Mơ nhảy chân sáo chạy vội xuống bờ sông. Hai đứa đứng hai bên bờ nhìn nhau:

“Anh làm cỏ mì bên đó hả anh Điều?”.

“Ừ... Qua đây đi, tui có cái này cho Mơ nè...”.

Mơ bước qua mấy tảng đá giữa lòng sông cạn. Điều đứng bên này sốt ruột:

“Ế... trơn lắm đó! Coi chừng té...”.

Không biết có phải vì nắng mà gương mặt Mơ đỏ ửng. Hai tay cô chùng như là bối rối, xé nhỏ cọng cỏ cầm trong tay, chờ đợi Điều lên tiếng trước.

“Đừng đợi tui ở đây nha, để tui lên rẫy lấy cái này cho Mơ”.

Điều chạy một mạch trở lại rẫy. Lát sau, tay xách xuống nải chuối rừng chín bói.

“Cho nè... ăn đi, chuối thơm lắm!”.

Mơ không còn e ngại nữa mà hái một trái chuối nhỏ bằng hai ngón tay, lột vỏ rồi vừa nhai vừa cười:

“Ngon lắm, đang đói bụng nữa chứ!”.

Nhìn Mơ, Điều thấy lòng mình dâng lên một cái gì đó rất gần mà cũng rất thân thương. Năm ngoái, lũ về lớn. Nước sông Ray dâng cao, dòng chảy cuốn cuộn, hung hãn, đục ngầu. Buổi trưa đi xăn măng dọc theo bờ sông, bắt giắc Điều phát hiện có một bàn tay ai đó chìa lên khỏi mặt nước cầu cứu. Không cần suy nghĩ, Điều lao ùm xuống sông, nắm chặt nùm tóc người sắp chết đuối kéo ngược vô bờ. Té ra là một người con gái quần áo ướt sũng, toàn thân tái tím nhưng tim còn đập nhẹ nhẹ. Sợ quá, Điều đưa miệng mình kề sát miệng người con gái ấy cố hà hơi thổi ngạt. Dù không “kỹ thuật” gì cho lắm, vậy mà lát sau cô bé cũng tỉnh dậy. Đôi mắt lơ lơ nhìn Điều, nét mặt còn in rõ sự sợ hãi tội độ. Điều bắt chuyện Mơ mới thật thà kể lại. Thì ra Mơ đang đi hái dâu rừng, có một con rắn hổ chui ra từ đám cỏ. Hoảng quá Mơ vùng bỏ chạy, trượt chân và cô té đánh ùm xuống sông. Nếu không có Điều chắc là cái thân hình bé nhỏ, mảnh khảnh của Mơ bị nước sông mùa lũ cuốn mất xác. Đợi cô gái tỉnh hẳn, Điều mượn tạm chiếc bè của ai cột gần đó đưa Mơ qua sông trở về nhà.

Từ đó, trong giấc mơ của Điều chập chờn hình ảnh người con gái có gương mặt tròn xinh, đôi mắt mở to, hàng lông mi cong vút. Nghĩ về Mơ, lòng Điều bồi hồi bồi hồi một cảm giác là lạ, lúc rạo rục, lúc lại lâng lâng... Và Điều nhận ra một sự thay đổi nào đó. Điều đã biết yêu. Cứ mỗi buổi chiều, đi làm rẫy về ngang sông Ray, Điều trông thấy tụi con gái trong sóc trần trụi vùng vẫy dưới làn nước. Điều đỏ mặt, toàn thân nóng ran, nhắm nghiền mắt chạy ù về nhà. Điều thực sự đã lớn rồi...

“Tối nay anh có mắc công chuyện gì không?”, câu

hỏi đột ngột của Mơ cắt ngang dòng suy tư của Điều, “nếu rảnh rỗi anh đi với Mơ chơi lô-tô nghen? Có đoàn hội chợ về xã mình đó”.

Điều thốn thức nhớ lại cái buổi hẹn hò lần đầu tiên với một người con gái... Mơ ngồi sát bên Điều, mái tóc xoã ngập bờ vai đầy đặn, hương bồ kết bay phảng phất, thơm ngào ngạt. Trăng treo trên bầu trời cao cao. Đêm ấy, trăng tròn và sáng hơn bao giờ hết. Giữa dòng sông Ray trên một tảng đá bằng phẳng, hai đứa ngồi cạnh bên nhau. Không gian thình lạng đến ngạt thở, bốn bề chỉ nghe tiếng nước chảy róc rách. Anh trăng soi sáng dòng nước, trông rõ cả đàn cá rượt đuổi nhau. Điều cảm thấy tay chân của mình sao mà thừa thãi. Mơ mần cho buổi hẹn hò, Mơ hỏi một câu trót quớt:

“Tên của anh nghe sao cứ kỳ kỳ?”.

“Má nói tui bị đẻ rớt ở gốc điều. Ba tui đặt tên Điều để làm kỷ niệm”.

Mơ cười ngất, nụ cười vang vang giữa khoảng vắng mênh mông. Điều cũng cười theo, nhe hàm răng trắng tương phản với làn da đen sạm. Trời về khuya, càng lên cao trăng càng tỏa sáng. Ánh sáng rớt xuống mái tóc phủ lên vai lên cả khuôn mặt làm nét đẹp dịu dàng của Mơ cứ hư hư ảo ảo. Bàn tay thô ráp của Điều lần lần di chuyển va vào ngón tay áp út của Mơ. Mơ cũng cảm nhận được sự mạnh dạn ấy, không phản ứng gì chỉ hướng mắt lên nhìn trăng thoi. Cuối cùng, bàn tay nhỏ xíu của Mơ đã nằm gọn trong lòng bàn tay cứng cáp của Điều. Trời ơi! Đây là lần đầu tiên Điều được nắm tay người con gái. Con tim dồn dập theo nhịp thở. Một cảm xúc khó tả xâm chiếm. Họ giao nhau ánh mắt. Anh mắt của Điều như hút luôn cái vóc dáng mảnh khảnh của Mơ nhốt vào tận sâu bên trong tim. Bất thình lình, Mơ thẹn thùng, đỏ mặt. Đôi mắt len lén hướng cái nhìn thoát chạy ra từ ánh mắt của Điều. Và Mơ lại nhìn trăng...

“Trăng tròn và sáng quá, anh Điều ơi”.

Thả lỏng tay Mơ, Điều cũng nhìn trăng. Đúng, trăng đêm nay sáng tinh khiết lạ thường. Nhưng vốn dĩ trăng muôn đời như vậy thì có gì làm nó lu mờ, vẫn đục được...?

“Thôi, Mơ phải về”.

“Ừ, Mơ về. Mai tui đợi Mơ ở đây nghe?”.

Mơ quay nhìn Điều, đầu cúi thấp. Không trả lời nhưng cô gật.

* * *

Đi chợ về, má bỏ cái gùi nặng trĩu xuống bàn nhìn Điều rồi buồn rầu:

“Má ra chợ, có bà bán thịt thấy má đi ngang nói oang oang: ở sóc Thượng có một thằng nào đó dùng bùa mê thuốc lú quyến rũ con gái bà đến nỗi dờ dẩn cả ngày. Bà ta nói nghe khó lọt cái tai. Cái bụng tao biết bà nói mày đó, Điều ơi”.

Điều ra chỗ cả hai hò hẹn ngồi bó gối. Người đàn bà đó không ai khác là má của Mơ. Mơ mời Điều đến nhà

chơi. Vừa giáp mặt Điều, bà đã tỏ thái độ. Kêu con gái vào buồng, bà cố tình nói cho Điều nghe:

“Sao dắt nó về nhà. Mày biết là người dân tộc có bùa ngải không? Con ơi là con; có ngày nó “thư yếm” mày chết không kịp ngáp”.

“Anh Điều là ân nhân cứu mạng con mà má”. Mơ nói như muốn khóc.

“Tao nói không là không. Không chơi với nó. Tao cấm”.

Điều đứng bất động, mặt tái xám. Chân chừ một lát, Điều bỏ về. Mơ chạy theo nài nỉ. Đôi chân Điều cứ lúi lúi bước đi mà trong bụng nổi buồn tủi đan xen.

Sóc Thượng cách biệt với người Kinh bởi con sông Ray chắn ngang. Từ lâu lắm rồi người bên kia sông luôn kỳ thị người dân sóc Thượng. Họ không dám qua lại mua bán, vì họ sợ người sóc Thượng có bùa ngải gì đó thư yếm. Con trâu, con bò bên sóc Thượng lạc đàn chạy qua đó, họ sẵn sàng mang trả lại. Còn con trâu, con gà của họ chạy qua sóc Thượng họ cho luôn, có đem trả cũng không dám nhận lại vì cho rằng con vật đó đã bị ếm bùa, có nuôi cũng chết, lại còn vạ lây. Điều nghiến răng trèo trẹo, tức anh ách. Trời ơi, có bùa ngải gì đâu. Chỉ có mấy ông thầy mo trong sóc là xài bùa ngải thôi, mấy ông dùng thứ bùa ngải gia truyền để chữa bệnh cho người dân trong sóc. Nhưng càng chữa, bệnh tình càng nặng hơn. Ngày nay, người dân sóc Thượng đang tẩy chay mấy ông thầy mo, thầy lang rồi. Có bệnh, người dân đã biết chở nhau qua sông, nhờ y tế xã. Người dân sóc Thượng cũng biết trồng cây bắp cây mì giống cao sản, cũng uống chung dòng nước sông Ray kia mà. Có khác chăng là tiếng nói, lối sống của hủ tục truyền lại từ người xưa. Năm nào cũng vậy, cơn lũ lớn đổ từ đỉnh núi Tà Lon âm ỉ tràn về làm cho dòng sông Ray lở đất, sông rộng thêm ra. Khoảng cách hai bên bờ sông do đó mà ngày càng xa hơn, không biết cách nào hàn gắn cho gần nhau nữa. Giá như có cây cầu bắc ngang sông Ray, người dân hai bờ dễ dàng qua lại mua bán, trao đổi hàng nông sản; có vậy con người ta sẽ hiểu, thông cảm với nhau nhiều lắm. Niềm ao ước có một cây cầu canh cánh trong bụng Điều lâu lắm rồi. Hình như từ dạo Điều quen được Mơ.

Má Điều nằm rên hừ hừ, người nóng ran như bị lửa đốt. Má ngã bệnh rồi. Trong nhà không còn được một hạt gạo thì lấy tiền đâu mà lo thuốc thang cho má... Mơ nhắn tin người trong sóc về nói hẹn Điều ra bờ sông có chuyện quan trọng muốn nói. Gặp Điều, Mơ lao tới ôm chặt trong vòng tay yếu ớt, gục vào vai Điều tí tì:

“Má sắp gả Mơ rồi. Người ta đã mang trâu cau, đôi bông tai vàng tới nhà rồi... Chắc Mơ chết quá!”.

Đầu óc Điều như dòng nước sông Ray vào mùa lũ. Tiếng khóc của Mơ như những con dao sắt nhọn đâm nát tim gan của Điều. Mơ áp đôi má nóng hổi vào sát ngực Điều, Mơ còn gấn lăm đây, còn trong vòng tay

của Điều đây nhưng sao vẫn thấy xa xa. Điều rùng mình sợ hãi một ngày kia vòng tay này sẽ lạnh lẽo biết bao nhiêu.

Về nhà, Điều lục tung cái sập lấy cái chiêng ra. Đây là kỷ vật duy nhất của ba Điều còn sót lại. Hối còn sống, ba Điều là người trong đội công chiêng của sóc. Không còn cách nào khác, Điều phải bán nó đi lo mua thuốc cho má.

Ông chủ tiệm bạc xách cái chiêng lên ngang mặt gõ gõ mấy cái xem xét, biết là vật quý, mắt gã liền lác mừng rỡ. Để ép giá, gã ra vẻ ngạo mạn:

“Hai trăm ngàn đồng! Bán thì mua, không thì đem về”.

Nài nỉ hồi lâu gã trả thêm một trăm nữa. Điều bấm bụng, gật đầu chịu bán rẻ. Quay lưng chưa kịp bước đi, gã tiệm bạc gọi ngược lại:

“Ê nhóc! Lại đây hỏi này coi. Tao nghe nói ở trên đỉnh núi Tà Lon có một củ nhân sâm ngàn năm phải không?”, gã liếm môi. “Nếu mày leo lên hái đem về đây tao mua cho...”

Gã kéo áo Điều lại gần nói rí rả vào tai như sợ thiên hạ nghe trộm:

“Tao mua giá cao. Một trăm triệu đồng... nghe rõ không?”.

Suốt đoạn đường về nhà, Điều bị ám ảnh bởi số tiền quá lớn đó. Củ nhân sâm ngàn năm? Chính Điều cũng đã từng nghe các già cao tuổi trong sóc kể lại rằng trên đỉnh núi Tà Lon cao chót vót có một củ sâm to bằng bắp chân người mọc chìa ra vách núi. Hàng trăm người cố công leo núi đào củ sâm đó nhưng tất cả không ai trở về nguyên vẹn. Sự nguy hiểm và huyền bí ở núi Tà Lon chôn sống không biết bao nhiêu lòng tham của con người. Cụ Điều Nhân sống gần trăm tuổi nói, trên núi ấy có một lời nguyện đã truyền đời này sang đời khác. Nếu ai phá giải được câu nguyện, người đó sẽ sở hữu củ nhân sâm quý giá...

Cả buổi tối, Điều chuẩn bị kỹ càng, nào là dây thừng, nào là mài cho bén cái dao găm. Từ sóc Thượng đến núi Tà Lon đi bộ mất hết một ngày đường rừng. Khi nghe gà rừng gáy te te báo trời gần sáng, Điều đẩy cửa sau nhà, sải những bước chân dài tiến đi nhanh. Đi ngang nhà cụ Điều Nhân, Điều mạnh dạn gõ cửa:

“Già ơi! Con muốn là người đầu tiên ở sóc Thượng mình phá bỏ lời nguyện kỳ bí trên núi Tà Lon kia”.

“Không ... không được đâu, thằng Điều mày ơi!”, Cụ già tóc bạc trắng như bông cây xà-niêng, giọng run run hoảng sợ.

“Xin Già đừng cản con, chí con đã quyết cao hơn núi. Con đi đây!”.

Cụ Điều Nhân nheo nheo cặp mắt quắc thước nhìn theo bóng Điều bước đi nhanh về phía núi. Cụ buông một tiếng thở dài nặng nề:

“Giàng ơi! Thần núi ơi. Cầu xin các ngài hãy che chở cho một cây xà-niêng non bình an mà về sống cùng với cái sóc này”.

Điều đã đi xuống hết con dốc dài chạm đến chân núi. Bỗng nhiên, có một con chim lạ bay ngang sột đầu Điều. Nó đậu trên cành cây, kêu liên hồi. Điều căng tai nghe mang máng tiếng con chim nói hơn là kêu, hai tiếng: “Quay về! Quay về”. Điều thần nhiên bước đi mạnh chân hơn. Nhưng con chim dường như không tha, nó bay sà sà theo, lại còn dùng mấy móng vuốt ở bàn chân cấu vào vai Điều rí máu, và kêu dồn dập: “Quay về! Quay về”. Mặc kệ tiếng chim, Điều cứ điềm nhiên trực chỉ.

Ngọn núi Tà Lon cao sừng sững hiện rõ dần ra trước mắt. Hình dáng của núi tựa như một quả đấm của người khổng lồ chìa lên trời xanh. Ngày cũng sắp tàn, bầu trời xám xịt tối. Nghĩ xả hơi một lúc, Điều quyết định leo núi... Bắp tay Điều trương phồng như hai bắp chuối. Mồ hôi chảy ướt đầm lưng trần. Hì hục khá lâu, Điều cũng leo gần chạm đến đỉnh núi. Sức cũng cạn dần... Điều ngối nghỉ mệt trên một tảng đá, chắp hai bàn tay vào nhau, nhìn lên. Kia rồi, củ nhân sâm ngàn năm như lời người đồn đãi đã hiện ra rõ mồn một. Điều nhìn xuống khoảng sâu hun hút bên khe núi, đất đá từ chân Điều rơi sột soạt xuống vực rợn người. Điều suy tính làm cách nào tiếp cận củ sâm một cách an toàn đây. Bên cạnh củ sâm là nhánh cây rừng, Điều sẽ tung sợi dây thừng quấn lên nhánh cây, rồi đu người lên. Một tay nắm sợi dây, tay kia bẻ củ nhân sâm. Nghĩ là làm. “Vèo!” Điều tung sợi dây thừng qua ngang nhánh cây, kéo căng và từ từ đu lên. Da bàn tay ma sát sợi dây rách toạc, rướm máu. Bây giờ củ nhân sâm chỉ còn cách Điều ba gang tay thôi. Một mùi thơm lạ kỳ cùng hơi nóng bốc ra từ củ sâm khiến cho đầu óc Điều chao đảo, mòng mị. Gã tiệm vàng đưa cho Điều xấp tiền. Trời ơi! Một trăm triệu đồng. Có tiền, Điều sẽ chở má lên bệnh viện tỉnh, uống thuốc đắt tiền cho cơn bệnh chóng khỏi. Má sẽ khoẻ khoắn trở lại. Sáng sáng má sẽ dậy sớm nấu cơm cho Điều ăn no bụng lên làm rầy. Có tiền, sẽ có một cây cầu bằng bê-tông vững chắc bắc qua sông Ray cho mọi người qua lại mua bán dễ dàng, nhanh chóng. Có tiền, Điều sẽ mua cho Mơ đôi bông tai bằng vàng. Gương mặt Mơ chắc hẳn càng sáng đẹp hơn.

Tay Điều bây giờ đã thực sự chạm vào củ nhân sâm rồi. Đột nhiên, “phụt phụt”. Sợi dây thừng chĩa vào vách đá, đứt làm đôi. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, Điều nghe toàn thân nhẹ tênh, bàn tay mau chóng rời xa củ nhân sâm. Tay chân Điều quẫy đạp mạnh, cố tìm một cái gì đó bám vào. “A!” một tiếng thét vang lạnh lẽo. Rừng núi rung rinh. Đàn chim rừng vỗ cánh bay loạn xạ. Tiếng thét kéo dài thành một chuỗi tạp âm vang vọng bốn bề. Và cuối cùng mất hút dưới đáy vực sâu đen ngòm...

Không gian trở nên im lặng lạnh tê người. Chỉ nghe tiếng gió rừng luồn qua khe lá rồi đập rào rào vào vách núi. ■

Tiếng chim sẻ trên nhành cây khế

Bài & ảnh: ĐẶNG TRUNG THÀNH

Sau một trận mưa đêm tầm tã. Bình minh. Cây khế xuất hiện chi chít những quả, đỏ vàng rực rỡ. Bầy chim sẻ kéo đến như mọi khi. Chúng lượn lờ quanh nhành khế, khế hót những giai điệu quen thuộc rồi dừng giây lát. Ấy là khoảnh khắc tuyệt vời khi chúng tận hưởng những quả ngọt mà thiên nhiên đã ban tặng. Chúng khôn đáo để. Giỏi hơn con người trong việc cảm nhận mùi vị. Vì thế mà những quả khế ngọt, ngọt như đường mật, bị chúng mổ lỗ chỗ... Cứ mỗi sáng nằm trong căn gác trọ, nghe lũ chim chiu chít vang trời, tôi đoán biết hôm ấy cả xóm vui như thấy hội. Đặc biệt là vào ngày cuối tuần.

Con hẻm nơi tôi ở trọ có vài chục hộ gia đình nhưng lại trơ trọi cây xanh. Xung quanh chỉ là những bức tường phủ đầy sơn đa sắc. Duy chỉ có ngôi nhà lợp ngói âm dương theo kiểu cũ của ông lão tên Mười là trồng được cây khế ngọt. Nó đã gắn bó với ông hơn hai chục năm qua. Ông Mười thân thiện, vui tính, lại yêu trẻ con nên lúc nào trước nhà ông cũng náo nhiệt. Nhất là khi cây khế trĩu quả đỏ au. Người thành thị dường như khát mảng xanh, thèm thuồng khung cảnh tự nhiên như tranh thủy mặc. Họ nhìn thấy cây xanh như thấy vàng. Tiếc là diện tích đất không cho phép nên những dây leo loe ngoe trồng trên sân thượng dù có tuổi thọ ngắn ngủi mà cũng được họ xem đó là một niềm vui, một thú điền viên “nửa mùa” nơi chốn thị thành.

Chẳng biết tự bao giờ, công dân ở đây chuẩn bị sẵn dụng cụ hái khế như là kiểu thu hoạch nông vụ của người nhà quê. Những thanh tre dài được họ mua ở chợ về, dùng làm vợt với nhiều kiểu khác nhau. Có người dùng lưới có viền vòng sắt rồi buộc ở đầu ngọn. Người thì dùng chai nhựa hoặc chẻ thanh tre thành hình phễu rồi dùng dây kẽm nẹp xung quanh cho chắc. Lại có người thiết kế đầu ngọn tre theo kiểu hình ô-van, bên hông có lỗ vừa đủ quả khế lọt vào... Rất đa dạng. Ông Mười, chủ cây khế,

không phiền hà về chuyện này; ngược lại, ông còn bày người ta cách làm vợt, giúp hái khế. Thực sự là ông trồng khế chỉ để lấy bóng mát và thèm nghe lũ chim sẻ “nhiều chuyện” trên cây. Ở đây khá lâu nhưng tôi chưa bao giờ thấy ông hái một quả khế để ăn. Mà chẳng riêng gì ông, bà con nơi đây dường như hái khế cho vui, cho thỏa chí khám phá, chinh phục chớ nhiều khi họ chất khế hái được đầy tú lạch cả tuần, có khách mới mang ra đãi hoặc trong bữa cơm ăn kèm với rau sống, ép nước trái cây uống dần.

Khế chín. Đã mới sáng sớm thôi, hơi sương còn loang trên lá, mọi người đã mang vợt ra hái khế. Ai thức sớm, vợt dài thì thu hoạch nhiều. Có khi năm sáu người cùng hái một lúc, giở dây ấp nhưng những quả khế vẫn còn đọng trên cành ra chiều thách thức. Buổi trưa, trong khi những ông lão mang ghế ra ngồi dưới gốc khế chơi cờ thì cũng là lúc lũ trẻ đi học về rồi; chúng vội vác vợt kéo nhau đi hái hái khế. Không giống như người lớn, chúng bắt chước mấy đứa trẻ nhà quê trong phim – dựng chiến lợi phẩm bằng vợt áo. Thỉnh thoảng chúng còn tinh nghịch trèo lên cây nhưng bị ông Mười đe nẹt nên vội vàng tuột xuống. Sau một hồi hái quả chán chê, chúng ngồi bệt xuống nền xi-măng rồi chia quả cùng ăn. Dễ thương nhất là những lần ngồi dưới gốc khế, những đứa trẻ tiểu học được ông Mười kể chuyện cổ tích liên tưởng – “Ăn khế trả vàng”. Trẻ con thời nay sớm nhận biết cổ tích không phải là thật nên hài hước nói với ông: “Vậy là ông Mười trồng khế để chờ con quạ tới hả ông?”. Rồi chúng phá lên cười. Ông cũng cười, nụ cười ngọt ngào như quả khế. Ông yêu trẻ con như yêu chính cây khế ông trồng, chăm bón từng ngày. Một ngày mà vắng lũ trẻ, ông buồn như thiếu tiếng chim sẻ líu lo trên cây khế. Ông còn nói đùa rằng: “Phải chi đêm nào cũng mưa thì hay biết mấy!”.

Đêm nay trời lại mưa. Có lẽ sáng mai, bầy chim sẻ sẽ kéo nhau về... ■



Hỏi Có phải giáo lý Tánh Không xuất phát từ kinh Tiểu Không và kinh Đại Không của Phật giáo Nguyên thủy và được Phật giáo Đại thừa triển khai không? Xin được giải thích về “Chân không Diệu hữu”.
(Lê Văn Lương, đường Mạc Đĩnh Chi, Huế)

Đáp Ý nghĩa “Không” được trình bày trong kinh *Tiểu Không* (kinh số 121) và kinh *Đại Không* (kinh số 122) thuộc *Trung Bộ kinh* của Phật giáo Nguyên thủy.

Trong kinh *Tiểu Không*, Đức Phật dạy các Tỳ-kheo rằng nên quán tưởng về đề tài, nội dung đang có mặt, đang được đặt ra; còn những gì khác thì xem như không có, chỉ do nhân duyên kết hợp mà có nên không gây phiền não; chỉ riêng thứ đang quán tưởng là gây thích thú, hân hoan. Nhưng rồi vị Tỳ-kheo phải nhận ra rằng thứ đang gây thích thú, hân hoan cũng là do nhân duyên kết hợp, không thật có và sẽ gây phiền não, nên phải từ bỏ... Cứ như vậy mà loại bỏ dần những trạng thái thích thú, hân hoan của tâm, vì chúng đều thuộc hữu vi, không thật; cho đến khi loại bỏ trạng thái cao nhất, qua Tứ thiền, đạt đến Vô Tướng Tâm định, thì dục lậu được đoạn trừ, tâm được giải thoát. Đây là sự an trú vào Không tánh, thanh tịnh, giải thoát tối hậu.

Trong kinh *Đại Không*, Đức Phật dạy về sự viễn ly, loại bỏ mọi thứ phiền não qua phép quán nội không (trong tâm không có gì, thanh tịnh), quán ngoại không (bên ngoài không có gì, thanh tịnh), để tâm trở nên sáng suốt, nhận rõ mọi hành tác của hành giả, nhờ đó các dục, ái dục, các thủ uẩn, ngã mạn... đều bị diệt trừ.

Cả hai kinh trên đều nói đến Không, Không tánh; nhưng Không ở đây là sự từ bỏ, sự diệt dục, loại trừ mọi pháp hữu vi gây phiền não. Cả hai kinh đều còn được hiểu là sự giảng dạy về thiền định, quán tưởng, nhận biết tâm, loại bỏ mọi trạng thái của tâm cho đến khi tâm rỗng rang, thanh tịnh, giải thoát tối hậu.

Nhưng giáo lý Không, tánh Không không chỉ xuất phát từ hai kinh trên mà còn được giảng giải rất nhiều trong các kinh *Nguyên thủy*: về duyên khởi, về vô thường, về các thủ uẩn, vô ngã, vô chấp... (ví dụ, trong kinh *Tương Ưng Bộ II*, kinh *Trường Bộ II-III*, kinh *Pháp Cú* chương 20, kinh *Tăng Chi Bộ III*, tập kinh *Phật tự thuyết*...).

Sự chứng ngộ, giải thoát tối hậu, tức Niết-bàn, được Đức Phật mô tả là sự ngưng bật, tịch diệt, là khát ái diệt, tham sân si diệt, vô minh diệt... ở đây không có gì cả, như ngọn nến đã tắt... (kinh *Tương Ưng Bộ I-II-IV-V*, kinh *Tăng Chi II*,

kinh *Trường Bộ I*, kinh *Tập*...). Như vậy, Niết-bàn là một sự phủ định tối đa, là Không nhưng được khẳng định là Có Niết-bàn, Có nhưng mà Không, Không nhưng mà Có. Đây là ý nghĩa cơ bản nhưng tối quan trọng của tánh Không. Giáo lý này, chân lý này được Đức Phật giảng rất rõ trong tập kinh Phật tự thuyết, kinh *Pataligam*: “Này các Tỳ-kheo, có một nơi không có đất, không có nước, không có gió, không có lửa, không có sự vô tận của ý thức. Đây không thuộc về thế giới này, không thuộc về thế giới này hay thế giới khác, không thuộc mặt trời, không thuộc mặt trăng. Này các Tỳ-kheo, Ta gọi cảnh giới ấy là không đến, không đi, không sinh, không diệt, không nguồn gốc, không sinh thành, không ngưng dứt; thực sự là sự chấm dứt khổ. Rất khó thấy cái vô cùng, rất khó thấy chân lý. Sự ràng buộc bị cắt đứt bởi kẻ nào thấy, không có gì tồn tại đối với kẻ đã thấy. Này các Tỳ-kheo, có một cái bất sinh, bất thành, bất tác, vô vi. Này các Tỳ-kheo, nếu không có một cái bất sinh, bất thành, bất tác, vô vi thì không có giải thoát cho cái sinh, cái thành, cái tạo tác, cái hữu vi. Nhưng này các Tỳ-kheo, vì Có cái bất sinh, bất thành, bất tác, vô vi, nên cái sinh, cái thành, cái tạo tác, cái hữu vi mới có thể được giải thoát”.

Hãy so sánh lời dạy trên đây với sự triển khai giáo lý Không tánh của các kinh điển Đại thừa như hệ thống Bát-nhã, các kinh *Đại Bát-Niết-bàn*, *Hoa Nghiêm*, *Pháp Hoa*, *Lãng-già*, các bộ Đại luận như *Trung Quán*, *Đại Trí Độ*, *Duy Thức*... để thấy rằng những phủ định, phủ định có, phủ định không, phủ định vừa có vừa không... những phủ định liên tục ấy như một loại biện chứng pháp siêu việt của các kinh điển Đại thừa cũng không đi xa hơn Không tánh của các kinh *Nguyên thủy*, vẫn xoay quanh ý nghĩa Không, Không mà Có, Có mà Không... để có thể nói, rốt lại, Không là cái Không chân thực, Có là cái Có chân thực.

Ta không tìm thấy kinh Phật nào hay bộ *Đại luận* nào nêu nguyên một lúc bốn chữ “Chân không Diệu hữu” (cái Không chân thực, cái Có vi diệu).

Đây chẳng qua là một kết luận, một tóm tắt ngắn gọn của Giáo lý Không tánh mà thôi.

Bàng Ân

Tìm hiểu về Trầm hương hương của Niết bàn!

NGUYỄN BÔNG

Dâng hương (nhang) không chỉ là một nét đẹp về văn hóa tín ngưỡng của người Á Đông nói chung và người Việt Nam nói riêng, mà còn là cách thể hiện cái tâm thành kính, vì “dâng” là đưa (một cái gì đó) lên theo cách thức cung kính. Với đạo Phật, hương giữ một vị trí rất quan trọng khi xuất hiện hầu khắp các nghi thức như: tụng kinh, ngồi thiền, lễ tắm Phật, lễ khai quang, cầu an, phóng sanh,... Cũng vì thế, đứng đầu “LỤC CHỦNG CÚNG DƯỠNG” chư Phật, Bồ-tát phải kể đến hương, gồm: hương, đăng, hoa, đồ, quả, nhạc.

Hương trầm, loại hương tôn quý

Trong các loại hương dâng Phật thì hương trầm được suy tôn như mùi “hương của Niết-bàn”. Khái niệm Niết-bàn là một danh từ khó có thể giải thích toàn vẹn bằng lời, nhưng hết thầy người xuất gia hoặc Phật tử đều hiểu, Niết-bàn là mục tiêu chính yếu của Phật giáo và cũng là mục tiêu cuối cùng của người tu Phật. Chính vì lẽ ấy, khi nói hương trầm là mùi “hương của Niết-bàn” đã cho thấy đây quả là một mùi hương vô cùng tôn quý.

Thực vậy, trong bộ kinh *Minlindapanha – Di Lan Đà vấn đạo*, hay *Na-tiên Tỷ-khâu kinh* (xuất hiện khoảng 100 năm sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn và được Phật giáo Miến Điện xếp vào hàng *Thánh điển* và Phật giáo Sri Lanka xếp chung với năm bộ *Nikàya* để tôn thờ) nói về những câu hỏi – đáp giữa vua Milinda (Di Lan Đà) và Tỷ-kheo Nàgasena (Na-tiên), ở phần đề cập đến Niết-bàn, ngài Na-tiên đã khéo léo vận dụng sự so sánh để mô tả về Niết-bàn, trong đó có sự so sánh về trầm hương như dưới đây:

Trầm hương có 3 đặc điểm là:

1. Thật khó mà tìm được.
2. Mùi thơm tuyệt đối.
3. Tất cả ai ai cũng ưa chuộng và ca tụng.

Cũng như Niết-bàn có 3 đặc điểm là:

1. Thật khó mà tìm thấy và khó mà gặp được.
2. Mùi thơm của Tam học (Giới – Định – Huệ) là mùi thơm tuyệt đối.
3. Là nơi của các bậc Thánh nhân an nghỉ.

Bởi thế, khi dùng trầm hương để dâng lên Tam bảo (Phật – Pháp – Tăng) chính là cách mà người Phật tử thể hiện lòng tôn kính hết mực.

Việt Nam – Phật giáo – Trầm hương

Hiện nay, tuy thống kê về số lượng Phật tử ở Việt Nam vẫn chưa được thống nhất, nhưng có thể khẳng định, lịch sử Phật giáo ở Việt Nam đã tồn tại từ rất lâu đời. Và cũng may mắn thay, từ xa xưa, Việt Nam đã là quốc gia sở hữu nguồn trầm hương có chất lượng được đánh giá rất cao trên thế giới, đặc biệt là loại trầm hương hạng nhất, vốn thường gọi là Kỳ nam. Đây cũng có thể xem là mối tương duyên để hình thành nên những nén hương trầm dâng cúng chư Phật, vừa phù hợp với đời sống tâm linh, vừa thấm đượm thiên vị dành cho chốn thiền môn thanh tịnh.

Theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn ghi lại: “Kỳ nam hương, xuất từ đầu núi Quảng Nam, Phú Yên và Quy Nhơn do **cây dó** kết thành. Dó có 3 loại: Dó lưới trâu thì thành khổ trầm, dó niệt thì thành trầm hương, dó bầu thì thành kỳ nam

hương. Người ta thấy cây già lá vàng và nhỏ, thân cây nhiều u bướu, biết ngay có hương, chặt gỗ để lấy. Họ Nguyễn trước đặt đội Am Sơn, hằng năm cứ tháng 2 thì đi kiếm, tháng 6 thì trở về, số được nhiều ít không nhất định..." (Họ Nguyễn là ý chỉ chúa Nguyễn Hoàng khi mới vào trấn nhậm Phú Xuân). Thời bấy giờ, chúa Nguyễn còn có nguồn kỳ nam là cống phẩm của người Chăm.

Trầm và kỳ nam của Việt Nam rất được người Nhật (cũng là một quốc gia có số đông Phật tử) yêu thích và xem trọng. Được biết ở Nhật có một khúc trầm kỳ nam, dài 1,5m được xếp vào hàng *linh bảo*, gọi là Ranjatai ở trong chùa Todaiji (Đông Đại Tự), thỉnh thoảng được trưng bày ở Viện Bảo tàng Quốc gia tại thành phố Nara cho người hữu duyên được chiêm ngưỡng. Người ta tin rằng khúc Ranjatai này do Thiên hoàng dâng cúng cho chùa Todaiji vào năm 756 và theo Yoneda Kaisuke - chuyên gia về trầm hương, đoán định Ranjatai đã đi từ Việt Nam sang Nhật.

Cách nhận biết về trầm và kỳ nam

Muốn phân biệt trầm với kỳ nam thì lấy hình chất khí vị để so sánh. Trầm thì cứng, nặng, ít thơm, sắc nhạt, vị đắng. Kỳ nam mềm nhẹ, hơi có dầu, thơm mát, vị gồm đủ ngọt, cay, chua, mặn, đắng và mùi của kỳ nam cũng đậm hơn, thanh cao hơn. Xông trầm thì khói kết xoáy rồi sau mới tan, xông kỳ nam thì hơi khói lên thẳng mà dài.

Kỳ nam là *trầm hương hạng nhất*, được chia thành 4 loại: *Bạch kỳ*: sắc trắng ngà, xám nhạt, vô cùng quý hiếm, ít khi có, đắt giá nhất. *Thanh kỳ*: sắc xanh xám, ánh lục, rất quý hiếm, đắt giá sau bạch kỳ. *Huỳnh kỳ*: Sắc vàng sẫm, vàng nâu, quý hiếm và đắt giá sau thanh kỳ. *Hắc kỳ*: Sắc đen chàm, hắc ín, quý và đắt giá sau huỳnh kỳ. Sách xưa xếp loại kỳ nam: Nhất Bạch, nhì Thanh, tam Huỳnh, tứ Hắc.

Trầm hương hạng 2 mới gọi là **trầm**, được xếp thành 6 loại và giá trị thấp dần: *Loại 1*: sắc sấp trắng. *Loại 2*: sắc xanh đầu vịt. *Loại 3*: sắc sấp xanh. *Loại 4*: sắc sấp vàng. *Loại 5*: sắc vàng lòng hổ. *Loại 6*: sắc vàng đốm dầu.

Trầm hương hạng 3 được gọi là **tốc**, vì có mức nhiễm dầu ít hơn trầm, được xếp thành 4 nhóm: *Tốc đĩa*: mức độ nhiễm dầu nhiều trong các thớ gỗ, dạng nhỏ, cỡ ngón tay, đầu đĩa con hoặc như con đĩa. *Tốc dây*: mức độ nhiễm dầu xen, tạo nhiều vòng giữa các thớ gỗ, thường có dạng tròn, dài, dáng rễ cây. *Tốc hương*: mức độ nhiễm dầu dạng mảnh, mùi thơm nổi trội hơn các loại tốc khác. *Tốc pi*: mức độ nhiễm dầu mỏng, bao quanh bên ngoài các thớ gỗ theo dạng hình tháp hoặc hình ống lớn.⁽¹⁾

Theo một bậc thầy về Kodo (nghệ thuật thưởng thức mùi hương trầm của người Nhật Bản, hay còn gọi là Hương Đạo), mùi vị trầm hương được phân thành "*ngũ vị lục quốc*" (năm mùi vị và sáu nước). Đó là 5 mùi vị: ngọt, chua, cay, mặn và đắng. Sáu nước: *Kyara (Kỳ nam)*: Loại trầm hương tốt nhất, có mùi hương tao nhã, trang nghiêm mà quý tộc, chỉ có ở Việt Nam. *Rakoku*: Mùi hăng vị đắng, mặn, cay, chỉ có ở Thái Lan. *Manaban*: Nhiều hương và nhựa, vị gần như ngọt, chỉ có miền Đông Ấn Độ, hoặc giữa Malaysia và Ấn Độ. *Manaka*: mùi thơm nhẹ nhàng nhất, chỉ có Malaysia. *Sasora*: mùi nhẹ và dễ gây lâm tưởng là *kyara*, đặc biệt khi mới đốt, có nhiều ở miền Tây Ấn Độ. *Sumontara*: mùi chua nhẹ, chỉ có ở Indonesia.

Cần lắm cái "TÂM" của người làm hương trầm

Hương trầm, nếu đúng bản chất vốn có (được làm từ trầm tự nhiên, trải qua nhiều công đoạn và sự khéo léo, tinh tế của đôi tay người làm hương) là một vật phẩm mang nhiều ý nghĩa tâm linh và tôn quý để dâng cúng. Tuy nhiên, cũng chính do

nguồn nguyên liệu hiếm có nên giá thành rất đắt. Hiện tại, 1 lít tinh dầu trầm hương hạng nhất có giá trị đến 50.000 USD và nếu xuất xứ từ Việt Nam giá có thể lên đến 1 tỷ VNĐ, do trầm hương của ta có chất lượng cao hơn tiêu chuẩn quốc tế (theo ông Hoàng Văn Được, Tổng Thư ký Hiệp hội Tinh dầu – Hương liệu – Mỹ phẩm VN). Về kỳ nam, giá còn đắt đỏ hơn nữa, 1 gram kỳ nam đắt hơn nhiều so với 1 gram vàng.

Trên thị trường, hương (nhang) đang có rất nhiều loại như: hương trầm, hương Bắc, hương có mùi nước hoa... do các công ty và doanh nghiệp, các chùa làm kinh tế phụ, cơ sở tư nhân, hộ cá thể tham gia sản xuất. Thực tế, nguyên liệu trầm dùng để làm hương không nhiều vì giá thành cao như đã nói, chỉ có những công ty và doanh nghiệp sản xuất hương sạch có uy tín mới sử dụng, còn một số chùa cố gắng lắm cũng chỉ dùng trầm vụn để làm hương; trong khi đa phần đều sử dụng nguyên liệu làm từ bột mùn cưa, vỏ trấu, bột đá, hóa chất tạo mùi, v.v... Do việc sử dụng các hóa chất với nhiều mức nồng độ sẽ tạo ra những mùi hương khác nhau. Đối với trường hợp hương làm cay mắt, đó là vì người sản xuất hương tay nghề còn non, thiếu kinh nghiệm trong việc pha chế hóa chất. Cũng cần lưu ý, hóa chất trong hương khi gặp nhiệt độ cao sẽ tạo khói có chứa độc nên khi hít vào nhiều sẽ gây ung thư! Vậy nên, người sử dụng cần tìm chọn loại hương (nhang) có tiêu chí 3 không: "*không độc hại, không hóa chất và không hương liệu*" để bảo vệ sức khỏe cho mình và người thân...

Thế nên mới thấy, trong thời buổi kinh tế thị trường hiện nay, người làm hương rất cần đến "*Tâm Phật*" để làm ra sản phẩm "*Hương trầm*" có chất lượng và đúng nguyên liệu trầm, vì đây là sản phẩm tâm linh, nên càng cần được trân trọng, thành kính, và không giả dối.

Một tín hiệu vui là hiện nay, **Phương án trồng mới cây dó bầu** và phương cách tác động vào thân cây để tạo ra **trầm hương nhân tạo** đã trở thành đề tài hấp dẫn và được nhiều nhà đầu tư hưởng ứng. Tính ra trên cả nước, số lượng cây dó bầu trồng mới từ 1 tuổi trở lên (vài nơi tiên phong đã trồng cây dó bầu trên 5 tuổi) đã đạt được diện tích trồng trên **15.000 ha** (tương đương với trên **15 triệu cây dó bầu**) - ghi nhận của Hội Trầm hương VN. Hy vọng cùng với sự tạo thuận lợi và hỗ trợ của Nhà nước, nguồn trầm hương nhân tạo sẽ phát triển nhanh chóng, vừa góp phần xuất khẩu, vừa đem đến cơ hội để nhiều người Việt Nam được sử dụng hương trầm đúng chất.

⁽¹⁾ Báo cáo của Hoàng Cảnh, nhân 2 năm thành lập Hội Trầm hương VN (2006).



Ô NHIỄM TIẾNG ỒN

Mối nguy hiểm bị lãng quên

HOÀNG ANH



Trong cuộc sống hiện đại, ngoài ô nhiễm nguồn nước, không khí..., có một dạng ô nhiễm mà chúng ta đang hứng chịu hàng ngày nhưng đa phần không để nhận ra, đó là ô nhiễm tiếng ồn với bao hệ lụy tiềm ẩn.

“Chìm” trong ô nhiễm

Chỉ cần vào trang Google gõ từ khóa “ô nhiễm tiếng ồn” (ONTO), sau 0,36 giây đã có tới 503.000 - kết quả, cho thấy rằng đây là hiện tượng đáng để chúng ta lưu ý trong thời đại ngày nay, dù nó đang bị lãng quên. Chỉ cần bước chân ra đường, hầu như đến bất cứ nơi nào trong thành phố, mỗi người trong chúng ta cũng đều phải hứng chịu ONTO mà hậu quả chẳng thua kém bất cứ loại ô nhiễm nào khác.

Những nơi gây ONTO thường thấy là cửa hàng bán đồ thời trang, điện máy... âm thanh phát ra từ những thùng loa công suất lớn luôn mở hết volume gây bức bối cho người dân sống tại khu vực và người đi đường. Đặc biệt ở trung tâm thương mại, siêu thị..., các cửa hàng thi nhau vặn hết cỡ để gây sự chú ý với đủ thể loại, mức độ khác nhau, trở thành nỗi ám ảnh thường trực.

Trên các tuyến đường Hai Bà Trưng (Q.3), Cách Mạng Tháng Tám, 3-2 (Q.10), Tân Kỳ Tân Quý (Q.Tân Phú), Lý

Thường Kiệt (Q.Tân Bình)... hầu hết các cửa hàng điện máy đều mang dàn loa “khủng” ra trước cửa, để tạo sự chú ý với người đi đường. Bên cạnh đó, nhiều xe kem, thu mua phế liệu, bán băng đĩa... cũng góp phần gây ONTO đối với môi trường sống hiện tại. Theo quy định, tất cả những âm thanh gây ONTO này đều được coi là thiếu ý thức và vi phạm Luật Môi trường.

Tác hại khó lường

Tiếng còi ô-tô, xe máy quá to có thể khiến người đang tham gia giao thông lơ đãng trong xử lý tình huống, dễ dẫn đến tai nạn. Tiếng ồn làm ảnh hưởng đến thính lực, mức độ nặng có

thể làm điếc tai. Sống trong khu vực ONTO dễ đau đầu, lâu ngày thành bệnh kinh niên, khả năng làm việc kém hiệu quả, ngoài ra còn dẫn đến những chứng bệnh về tim mạch, huyết áp, suy giảm trí nhớ...

Đặc biệt, ONTO có thể khiến người nghe lâu ngày bị stress, căng thẳng thần kinh, dễ nổi cáu... Môi trường bị ONTO sẽ làm giảm khả năng tập trung của người lao động, dễ dẫn đến sai sót trong công việc hoặc tai nạn lao động.

Theo Luật Môi trường, ở trường học, bệnh viện, nhà trẻ... từ 18 giờ đến 21 giờ, âm thanh cho phép ở mức 55dB, từ 21 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau là 45dB. Ở những khu dân cư, âm thanh tối đa chỉ ở mức 70dB. Nếu vượt qua các ngưỡng trên sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe con người. Tuy nhiên, theo khảo sát của các cơ quan quản lý về ô nhiễm môi trường, ONTO ở TP.HCM cao hơn mức cho phép nhiều lần.

Thực tế hiện nay, hầu hết tài xế ô-tô tải, xe khách đều gắn còi hơi làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và góp phần vào tình trạng ONTO trong khu dân cư. Anh Huỳnh Duy, ở phường Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân (gần Quốc lộ 1A) cho biết: “Nhiều lần đang chạy xe máy trên đường, tôi bỗng giật mình vì âm thanh phát ra từ chiếc còi xe tải hạng nặng thành tràng dài nên loạng choạng suýt ngã”.

Mong rằng tới đây, các cơ quan quản lý về ô nhiễm môi trường cần nghiên cứu đưa ra quy định cụ thể giúp giảm thiểu tình trạng ONTO trên đường phố về việc lạm dụng còi xe, động cơ kêu to, âm thanh mở lớn..., cần có chế tài, xử phạt nghiêm các trường hợp dùng loa công suất lớn trên đường phố, tiếng ồn từ các nhà hàng, quán nhậu, vũ trường...; kiểm tra, loại bỏ những máy móc, phương tiện cũ kỹ phát ra tiếng ồn lớn, để tránh gây ONTO cho khu vực xung quanh.

(Nguồn: Báo Công An TP.HCM)



THÔNG BÁO

Chiêu sinh Lớp Sơ cấp Phật học

Q.Gò Vấp khóa VIII (NK. 2016 – 2018)

Nhằm nối tiếp sự nghiệp giáo dục đào tạo Tăng Ni có đủ căn bản Phật học cho con đường tu tập, Ban Chủ nhiệm Lớp Sơ cấp Phật học Q.Gò Vấp quyết định chiêu sinh, và xin phép BGH Trường Trung cấp Phật học chiêu sinh khóa VIII. NK: 2016 – 2018.

Đối tượng được theo học dành cho các vị xuất gia ở chùa có năng lực kiến thức tiếp nhận, đạo đức oai nghi tốt, được thầy Bôn sư cho phép và được BTS GHPGVN quận – huyện nơi cư trú chấp thuận.

Trình độ văn hóa lớp 6 trở lên và không quá 50 tuổi.

Thời gian phát và nhận Đơn xin nhập học kể từ ngày ra thông báo đến hết tháng 01. 2016.

Ngày khai giảng nhập học sẽ thông báo cùng Tăng Ni lúc nhận hồ sơ nhập học.

Tất cả chi tiết về việc nhập học xin liên hệ

- Văn phòng Lớp Sơ cấp Phật học Q.Gò Vấp: Chùa Huỳnh Kim, 10/6 A, Quang Trung, P.11, Q.Gò Vấp.

ĐT: 08 3895 9923 hoặc thầy Minh Đăng: 0909 776 870

- Chư Ni hệ phái Khất sĩ xin liên hệ tịnh xá Ngọc Phương, phường 01, Q.Gò Vấp – ĐT: 08 3985 2759. NS.Thích nữ Tín Liên: 0906 722 787.

TM.Ban Chủ nhiệm
Chủ nhiệm
HT.Thích Nhật Lang

**Hoa tươi hương sắc
Vui xuân an lạc**

15 YEARS OF QUALITY
100% NATURAL
CCI QUALITY SAFETY
GTA GLOBAL

**Nước Cẩm Hoa
ASA**

Tiết kiệm 50% chi phí mua hoa do thời gian hoa tươi lâu gấp 2 lần.

CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM HOÀNG ANH
Hotline: (08) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn
www.facebook/ASAhoamypham

LỚP HƯỚNG DẪN

Tâm Thư Pháp

Thư pháp theo phong cách **Thiền Phật Giáo**

- Khai giảng: ngày 1 và 15 mỗi tháng
- Tại chùa **ĐẠI HẠNH**:
107/4 Ngô Đức Kế, P.12, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- Thời gian học: Từ 8 giờ đến 10 giờ sáng thứ Hai hoặc Chủ nhật hàng tuần
- Học phí: 300.000đ/1 học viên/1 tháng
- Nhận tổ chức triển lãm **Tâm thư pháp cho các đơn vị có nhu cầu (miễn phí)**
- Liên hệ: Tại địa chỉ trên hoặc điện thoại **0909 660 825** (gặp **Thầy Chính Trung**)

BẢNG GIÁ QUẢNG CÁO TRÊN TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO NĂM 2016

ĐVT: Đồng

Kích thước	Giá	Khổ giấy
Giá bìa 2 (Couché 140)	10.000.000	20cm x 28cm
Giá bìa 3 (Couché 140)	8.000.000	20cm x 28cm
Giá bìa 4 (Couché 140)	12.000.000	20cm x 28cm
Nguyên trang (Couché 70)	6.000.000	20cm x 28cm
1/2 trang (Couché 70)	3.000.000	Ngang: 18x12,5cm Dọc: 9 x 26 cm
1/3 trang (Couché 70)	2.000.000	Ngang: 6 x 18 cm Dọc: 9,5x8,5 cm
1/4 trang (Couché 70) hoặc chạy chân trang	1.500.000	9 x 12 cm
1/6 trang	1.000.000	3,5 x 10 cm
Khổ danh thiếp	500.000	



Nhà hàng chay HOA KHAI

*Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng
Phục vụ niềm tâm, cà phê, nước giải khát...
Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân
Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan*

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM
ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com



ĐIỀU KHIẾU: THIÊN PHÚ THẢO
 43/28, Nhà Vuông, Mỹ Hòa 1, Trưng Chánh, Hóc Môn, TP.HCM
08.37 13 13 13 - 01 666 000 666- 01 222 999 666
 WWW: thiephuthao.com - dieukhieu.vn - Email: dkthuthao@gmail.com



Uống Ngon Ngon Nhai Giòn Giòn

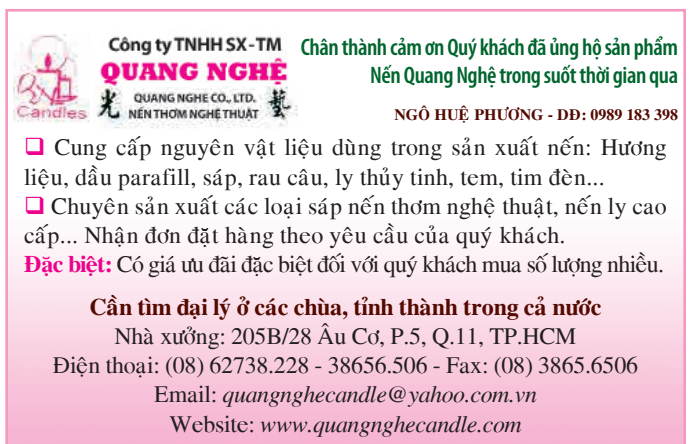
- Công ty TNHH TMDV KHÂM TÍN vừa đưa ra thị trường sản phẩm nước uống **Nha đam - Chanh dây** mang thương hiệu **ALOEPAS** được người tiêu dùng đánh giá rất cao. Ngoài việc kết hợp độc đáo của hai loại thảo dược thiên nhiên mang nhiều dưỡng chất có lợi cho sức khỏe này, nước uống **ALOEPAS** còn mang đến cho người tiêu dùng một trải nghiệm hương vị mới vô cùng hấp dẫn.
- Với phương châm sản xuất ra những sản phẩm **Đẹp Vì Cuộc Sống, Khỏe Vì Gia Đình**, giải thưởng **Cúp Vàng Chất Lượng Việt Nam Phù Hợp Tiêu Chuẩn** chính là ghi nhận xứng đáng dành cho những đóng góp của công ty.

Sản phẩm của : **CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHÂM TÍN**
 Số : 284/11 Cô Bắc, Phường, Cờ Đỏ, Q.1, TP.HỒ CHÍ MINH
 SXT Nhà máy : **CN NHADAM VINA - CTY TNHH TM DV KHÂM TÍN**
 Số 2 Lô A, Cư Xá PHÚ LÂM D, P. 10, Q. 6, TP. HCM, VIỆT NAM
 Website : www.khamtin.vn Email : khamtin1668@gmail.com

ĐẸP VÌ CUỘC SỐNG • KHỎE VÌ GIA ĐÌNH



pháp uyển
 17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM QUANG NGHỆ
 Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua
 QUANG NGHỆ CO., LTD. NẾN THƠM NGHỆ THUẬT
 NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tím đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
 Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
 Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
 Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
 Website: www.quangnghecandle.com



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"




THỰC PHẨM DƯỠNG SINH CHÂN NGUYÊN

96H Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
 Số 11 đường Số 2, Cư xá Đô Thành, P.4, Q.3, TP.HCM, Tel.: 08 22422951
 Facebook: chan nguyen
 Hotline: 84-8-38251659 - Web: www.channguyen.vn

BIOCHEM

CÔNG TY CỔ PHẦN SINH HÓA QUỐC TẾ

NHÀ CUNG CẤP SƠN GỖ GỐC NƯỚC HÀNG ĐẦU

THE LEADING WATER-BASED WOOD PAINT SUPPLIER



Tel: 0917 337 500
www.biochem.vn

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lư...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com



- Ngô Phương Đức: STK: 76935619
Ngân hàng ACB - CN Bình Thạnh
- Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273
Ngân hàng Agribank - CN Bến Thành



Restaurant

Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rỏi, bánh ướt cuốn vụn hoa, gói và trộn, gói mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

- Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...
- Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**
- ĐT: **0913 810 082**
- Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**



DIỆU TƯỚNG AM NAM KỶ
382B NAM KỶ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: (08) 38 484 558 - HOTLINE: 0906 955 663

DIỆU TƯỚNG AM 3/2
212 BA THẮNG HẢI, P. 12, Q. 10
ĐT: (08) 38 684 913 - HOTLINE: 0902 848 363

DIỆU TƯỚNG LƯU LY QUANG (NGỌC LƯU LY)
382G NAM KỶ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: 0938 959 503

www.dieutuongam.com

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ ymail.com



Hoatien

CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

Showroom: BB3, Trường Sơn, Phường 15, Q.10, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

5 TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ PHẨM CHẤT TRÀ



TÂM KHOA

Thường trà là thú vui tao nhã đòi hỏi người thưởng trà ngoài việc tìm kiếm trà ngon còn phải tinh thông, điều luyện trong việc pha chế để có được chén trà ngon.

Trà có cả hương và vị kết hợp hoàn hảo với nhau, thiếu một trong hai thứ sẽ làm mất giá trị của chén trà. Người thưởng trà thường đề cao hương thơm thuần khiết của trà sau đó đến vị trà. Trà có hàng ngàn hương khác nhau, tìm được hương vị yêu thích thì quý không gì bằng.

Để đánh giá phẩm chất trà, ta có thể qui thành 5 tiêu chuẩn chung bao gồm: HÌNH - SẮC - HUƠNG - VỊ - HÌNH. 5 tiêu chuẩn này dùng để đánh giá loại trà lá (tea leaf) dùng để pha ấm. Còn với các loại trà khác như trà bột, trà túi lọc... có thể sử dụng một số chỉ tiêu.

Qui trình từ khi bắt đầu chuẩn bị pha trà tới thực hiện pha trà để có chén trà thưởng thức và kết thúc việc thưởng trà là quá trình khép kín, diễn ra tuần tự. Dựa theo qui trình này hình thành 5 tiêu chuẩn: HÌNH - SẮC - HUƠNG - VỊ - HÌNH chung để đánh giá phẩm chất trà.

- HÌNH: Là hình của lá trà khô trước khi pha
- SẮC: Là màu của nước trà sau mỗi lần pha
- HUƠNG: Là hương thơm đặc trưng của nước trà sau mỗi lần pha
- VỊ: Là vị trà mang lại khi ta uống sau mỗi lần pha
- HÌNH: Là hình của lá trà (xác trà) khi kết thúc pha (thông thường sau 3 lần pha)

1. Đánh giá HÌNH của lá trà khô trước khi pha bao gồm

Hình dáng lá trà khô - Màu sắc lá trà khô
- Phẩm chất lá trà: Chồi / Búp / Lá - Tỷ lệ tạp chất - Độ ẩm của trà khô - Hương thơm của lá trà khô.

Lưu ý: Trà khô phải được để vào đĩa sứ,

màu trắng là tốt nhất. Không dùng tay trực tiếp để xem trà, sử dụng trà cụ để xem

2. Đánh giá SẮC của nước trà sau mỗi lần pha

Màu sắc đặc trưng - Độ trong - Độ bền của sắc
Lưu ý: Dụng cụ pha trà: ấm, chén... để nghị sử dụng bằng sứ men trắng

3. Đánh giá HUƠNG thơm của nước trà sau mỗi lần pha

Mùi hương đặc trưng
Chất lượng hương: thuần khiết hay hương liệu
Độ đậm của hương
Độ lưu hương: thời gian hương còn đọng lại trong miệng

Lưu ý: Trà có muôn ngàn hương thơm khác nhau, đánh giá hương trà quả thật là khó, có người ưa hương của hoa cỏ, có người lại ưa hương của trái chín... Nhưng khi thẩm định hương cần phải rõ hương thuộc hương gì theo từng cấp độ.

Ví dụ:

- Bước 1: Xác định hương của cỏ cây
- Bước 2: Xác định rõ cỏ / cây là cây gì. Như cây lúa / cây đậu...
- Mùi thơm cỏ cây như là mùi cỏ khô, cỏ tươi, lúa non, lúa chín...
- Thơm mùi hương hoa. Và chính xác là hoa gì như hoa ngọc lan / hoa sen...
- Thơm mùi trái cây, là mùi của trái: lê, táo, quả rừng...
- Mùi ngọt là mùi của mật, mật ong, đường...
- Mùi bơ sữa là mùi của bơ tươi thực vật / động vật, bơ cháy, creme...
- Và cũng cần phải biết mùi khó chịu là mùi gì. Mùi hóa chất, mùi cháy khét, mùi khói than củi hay mùi hôi mốc...

Chúng ta phải tập trung mũi người để phân tích rõ mùi hương. Cầm chén trà nóng trên tay,

đưa lên mũi, giữ đầu yên hơi cúi xuống và từ từ đưa chén trà nóng đi qua đi lại trước mũi. Mắt khép hờ để tập trung phân tích mùi hương thanh nhã mà nồng nàn, phức tạp mà quyến rũ.

4. Đánh giá VỊ thay đổi của từng chén trà khi uống

- Tính chất của vị
- Độ đậm, nhạt của vị
- Độ bền của dư vị: Dư vị còn lưu lại trong cổ họng sau khi nuốt

Lưu ý: Khi thử trà không nên nhấp một ngụm rồi uống liền một hơi. Ta nên ngậm trà trong miệng một lúc để nước trà đánh thức toàn bộ thân kinh vị giác trong khoang miệng từ đầu lưỡi chạy dài tới cuống họng. Một danh trà hảo hạng sẽ để lại trên miệng, lưỡi và trong cổ họng một dư vị đậm đà, lâu dài sau khi đã nuốt ngụm nước trà.

Con người có thể nhận được 4 vị khác nhau là: Ngọt ở đầu lưỡi, mặn ở gần trung tâm, chua ở hai bên cạnh lưỡi và vị đắng, chát ở phía sau của lưỡi.

Vị ngọt cần phải phân biệt ngọt của hương thực phẩm hay ngọt tự nhiên thuần khiết

Vị chát của trà là do thành phần của Tannin có trong lá trà và cành, thân trà. Trà có phẩm chất tốt hay khi tỷ lệ lên men cao sẽ làm giảm chất tannin trong trà.

Các vị lạ bị lẫn trong trà sẽ làm giảm chất lượng của chén trà, trà tốt phải đảm bảo vị thuần khiết.

5. Đánh giá HÌNH của lá trà sau khi kết thúc pha

Lấy xác trà ra khỏi ấm và cho vào bát nước lạnh để thấy rõ hình lá trà.

Khi cánh trà khô hãm trong nước sôi sẽ nở ra, sẽ cho hình ảnh lá trà ban đầu khi thu hoạch về. Đặc biệt chú ý mùi thơm của lá trà sau khi pha vẫn phải còn.

Dựa vào đây sẽ kiểm định lại lần nữa phẩm chất của nguyên liệu để có kết luận chính xác chén trà ngon.

Trà kém phẩm chất sẽ không có được đặc điểm về bề ngoài, màu sắc, độ dẻo và nhiều lá vụn.

Các tiêu chuẩn đánh giá khác

Cùng với 5 tiêu chuẩn HÌNH - SẮC - HUƠNG - VỊ - HÌNH, một loại trà tốt - danh trà còn phải đáp ứng tiêu chuẩn bắt buộc về vệ sinh an toàn thực phẩm, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng cũng như đạt tiêu chuẩn VGAP, hữu cơ, ISO về chất lượng...

Ngoài ra, sản phẩm phải thân thiện, nhiều người biết và được ưa dùng, mang nhiều giá trị vật chất và văn hóa cho cộng đồng.

Một số tiêu chuẩn cần xem xét bổ sung:

1. Bao bì: Hình ảnh bao bì thiết kế, độ thân thiện môi trường...
2. Bảo quản, đóng gói.
3. Thông tin sản phẩm trên bao bì.
4. Giá cả.
5. Nhận diện thương hiệu trên thị trường.

Song Hồ Trà

0947 798 186
songhutra.vn
6A Lê Quý Đôn, P.6, Q.3

TRÀ CẢNH HẠC | TRÀ HỒNG HẠC | TRÀ OOLONG 68 | TRÀ OOLONG 79 | TRÀ OOLONG ĐÀNG ĐỪNG | TRÀ LÃO ĐÀI | TRÀ HỒNG LÃO | TRÀ LAM



HOA SEN
GROUP

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

Chúc Mừng Năm Mới



TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



ỔNG KÈM HOA SEN
Bền vững đến tương lai

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



ỔNG NHỰA HOA SEN
Đẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



CAM KẾT BÀN

- ĐÚNG GIÁ
- ĐÚNG TIÊU CHUẨN
- ĐÚNG CHẤT LƯỢNG
- ĐƯỢC BẢO HÀNH



www.hoasengroup.vn

TỔNG ĐÀI TƯ VẤN KHÁCH HÀNG



1800 1515

Miễn phí cuộc gọi